

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Nguyễn Thị Ngọc Hà

**ĐÈN TÂN LA TRONG ĐỜI SỐNG CỦA
NGƯỜI DÂN XÃ BẢO KHÊ THÀNH PHỐ HƯNG YÊN**

Chuyên ngành : Văn hóa học

Mã số : 60 31 06 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. NGUYỄN THỊ YÊN

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu và nội dung trích dẫn trong luận văn dựa trên nguồn thông tin đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của Luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ một công trình khoa học nào khác.

Tác giả

Nguyễn Thị Ngọc Hà

MỤC LỤC	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Khái quát về xã Bảo Khê và các hình thức tôn giáo tín ngưỡng	8
1.1. Khái quát về xã Bảo Khê	8
1.2. Khái quát về các hình thức tôn giáo tín ngưỡng	15
1.3. Đền Tân La trong mối liên hệ với hệ thống thờ Bát Nàn tướng quân	21
Chương 2: Đền Tân La trong quá trình biến đổi	25
2.1. Đền Tân La trước năm 1986	25
2.2. Đền Tân La từ năm 1986 đến nay	32
2.3. Nhận định về sự biến đổi của đền Tân La	48
Chương 3: Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê hiện nay	53
3.1. Đền Tân La với sự đóng góp vào đời sống kinh tế, xã hội của người dân xã Bảo Khê	53
3.2. Đền Tân La trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân xã Bảo Khê	64
KẾT LUẬN	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ/cụm từ viết tắt	Từ/cụm từ viết đầy đủ
1	BQL	Ban quản lý
2	BQLDT	Ban quản lý di tích
3	CBVH	Cán bộ văn hóa
4	CLB	Câu lạc bộ
5	ĐBBB	Đồng bằng Bắc Bộ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	UV	Ủy viên

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Là một tỉnh nhỏ nằm ở trung tâm Đồng bằng Châu thổ sông Hồng, Hưng Yên vẫn còn mang nhiều nét của một làng quê Bắc Bộ xưa kia. Đây là một vùng đất địa linh nhân kiệt, là nơi sinh ra nhiều người đỗ đạt, nhân dân Hưng Yên thời kỳ nào cũng có những nhân vật lỗi lạc xuất hiện mà lịch sử còn ghi: Có người khỏe như Lê Như Hổ, hiếu đễ như Chử Đồng Tử, không ham danh lợi địa vị như Tống Trân, thầy thuốc giỏi không kém Hoa Đà là Hải Thượng Lãn Ông; các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Đoàn Thị Điểm, Chu Mạnh Trinh; nhiều vị tướng tài giỏi được sử sách ca ngợi và nhân dân truyền tụng như Triệu Quang Phục, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Hoa Thám, Phạm Bạch Hổ... Số lượng các di tích đình, đền, chùa, văn miếu... ở Hưng Yên rất phong phú và đa dạng. Theo thống kê, hiện nay Hưng Yên đứng thứ 2 trong cả nước về số lượng di tích được xếp hạng quốc gia. Hệ thống các di tích ở Hưng Yên có giá trị cao về mặt lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật; là nơi chứa đựng và lưu truyền nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

Nói đến hệ thống các di tích đình, đền, chùa trong quần thể di tích Phố Hiến Hưng Yên không thể không nhắc đến đền Tân La, một ngôi đền mang đậm dấu ấn tín ngưỡng thờ Mẫu của Việt Nam.

Đền Tân La có một vị trí địa lý quan trọng, là di tích cửa ngõ dẫn vào các điểm di tích trong lòng Phố Hiến. Đền thờ bà tướng Vũ Thị Thục – một vị tướng tài ba xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng vào những năm 40 sau công nguyên.

Đền Tân La được tọa lạc trên một khu đất cao ráo, thoáng mát được bao phủ bởi rất nhiều cây xanh cổ thụ có tuổi thọ hàng trăm năm. Đền nằm ở giữa thôn Đoàn Thượng, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên. Đền được xây dựng từ lâu, qua thời gian được bảo tồn, tôn tạo để thể hiện lòng biết ơn chân thành, sâu sắc của nhân dân địa phương với vị tướng có công với đất nước nói chung và cư dân địa phương nói riêng. Đồng thời đây cũng là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của cư

dân địa phương. Đền được công nhận là di tích lịch sử văn hóa và nghệ thuật quốc gia ngày 25 tháng 01 năm 1991.

Ngày nay khi đất nước đang ngày càng phát triển và bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế, con người cũng vì vậy mà phải đối mặt với nhiều thách thức, cơ hội cũng như là những rủi ro, một phần nào đó họ đã tìm về với đền, chùa... là để thỏa mãn cho nhu cầu về tinh thần cũng như là tìm một cơ hội để làm kinh tế. Đối với người dân địa phương thì ngôi đền gắn liền với cuộc sống như một phần tín ngưỡng trong họ. Tuy vậy, nhiều người nghe danh đến cửa đền cầu cúng nhưng phần lớn không hiểu được lịch sử của đền và vai trò của ngôi đền cổ kính với cư dân nơi đây là như thế nào.

Với đề tài nghiên cứu *Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên* được thực hiện nhằm mang lại cho tôi sự hiểu biết, vai trò vị trí của đền trong đời sống xã hội để từ đó có thể hiểu rõ hơn về vốn văn hóa truyền thống dân gian của địa phương nói riêng cũng như tỉnh Hưng Yên nói chung.

Với kết quả của đề tài nghiên cứu này cũng sẽ là nguồn tư liệu để cung cấp cho người dân địa phương hiểu rõ hơn nữa về ý nghĩa lịch sử và văn hóa của ngôi đền, từ đó đóng góp vào việc bảo vệ, tôn tạo và gìn giữ ngôi đền.

Từ những lý do trên, Tôi đã chọn đề tài ***Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê Thành phố Hưng Yên*** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Di tích và lễ hội đền là những di sản văn hóa truyền thống của người Việt ở đồng bằng sông Hồng, là đề tài lâu nay đã thu hút được sự quan tâm của nhiều tác giả.

Cho đến nay đã có rất nhiều các sách, báo các công trình nghiên cứu, luận văn cao học viết và nghiên cứu về hệ thống các di tích và lễ hội của các ngôi đền ở tỉnh Hưng Yên... Với các cuốn sách nổi tiếng như cuốn *Hưng Yên địa chí* của Trịnh Như Tấu (1934) đề cập đến hệ thống các di tích của tỉnh Hưng Yên như đền Mẫu, chùa Chuông, chùa Phố, di tích Chử Đồng Tử - Tiên Dung...; Bài viết “Di tích lịch sử văn hóa ở Phố Hiến” của Tăng Bá Hoành in trong *Kỷ yếu khoa học Phố Hiến* (Sở Văn hóa Thông tin Thể thao xuất bản năm 1992); Cuốn *Những di tích danh thắng*

tiêu biểu của Lâm Ngọc Hải (Nxb Văn hóa Thông tin, 2005) có giới thiệu về một số di tích tại tỉnh Hưng Yên; Cuốn *Phố Hiến lịch sử - văn hóa* (Nguyễn Phúc Lai chủ biên, Sở VH TT & DL – Hội VHNT Hưng Yên xuất bản) có đề cập đến các di tích đình, đền ở Phố Hiến, tập trung giới thiệu về lịch sử và kiến trúc của các ngôi đền;... Trong các công trình nghiên cứu trên chủ yếu đề cập, giới thiệu về các di tích tiêu biểu ở Hưng Yên như đền Mẫu, chùa Chuông, di tích Chử Đồng Tử - Tiên Dung, cụm di tích Phù Ủng... trong đó không có đề cập đến đền Tân La.

Đền Tân La được xây dựng từ lâu, tồn tại và biến đổi cùng với lịch sử Hưng Yên, cho đến nay cũng có một số đề tài, tiểu luận nghiên cứu về di tích và lễ hội đền Tân La với nhiều hướng tiếp cận nghiên cứu khác nhau.

Những nguồn tư liệu liên quan đến sự ra đời và tồn tại của nhân vật được thờ và về di tích rất là ít. Chúng ta chỉ có thể gặp những bài viết trên tạp chí, những tư liệu giới thiệu khái quát về đền, về tiểu sử và cuộc đời của nhân vật được thờ ở đền Tân La như:

- *Báo cáo điều tra di sản văn hóa phi vật thể toàn tỉnh* của Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2006) có đề cập đến di tích đền Tân La về di tích, vị thần được thờ, lễ hội và năm được xếp hạng di tích cấp quốc gia;

- Mẫu Bản đền Tân La là Mẫu Bát Nàn Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục được đề cập sơ lược trong những cuốn viết về đạo Mẫu của Ngô Đức Thịnh như cuốn *Đạo Mẫu Việt Nam* của Ngô Đức Thịnh (Nxb Thế giới, năm 2012)

- *Hồ sơ khoa học về di tích đền Tân La* của Bảo tàng tỉnh Hưng Yên, Ban quản lý di tích tỉnh Hưng Yên, trong đó tập trung tìm hiểu: Lịch sử hình thành, tồn tại của di tích, phần lễ hội có đề cập đến cách thức tổ chức nghi lễ và thời gian diễn ra lễ hội...

- Bài viết *Sự thờ phụng Thánh Mẫu Bát Nàn trong bối cảnh tín ngưỡng thờ Mẫu ở Bắc Bộ* của PGS.TS Phạm Lan Oanh được in trên Tạp chí Văn hóa học ấn bản số 2 năm 2014;

- Cuốn sách *Tín ngưỡng Hai Bà Trưng ở vùng Châu thổ sông Hồng* của tác giả Phạm Lan Oanh xuất bản năm 2010 cũng có đề cập đến đền Tân La – ngôi đền thờ các vị tướng của Hai Bà Trưng;

- Nghiên cứu *Di sản văn hóa làng nghề và các giải pháp phát triển du lịch Hưng Yên* của PGS.TS Phạm Lan Oanh có đề cập đến làng nghề hương xạ Cao Thôn của xã Bảo Khê và tín ngưỡng thờ Mẫu Bát Nàn của xã;

- Cuốn *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của tác giả Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế xuất bản năm 2006 có viết về lịch sử cuộc đời của Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục;

- Trên báo Hưng Yên ngày 19/10/2006 cũng có viết về đền Tân La với nội dung chủ yếu là giới thiệu về đền, vị thần được thờ tại đền và thời gian tổ chức lễ hội;

- Trên một số trang web như trang web của ban Tuyên giáo Hưng Yên, trang web của tổng cục du lịch Việt Nam có giới thiệu về đền Tân La nhưng với tính chất giới thiệu về một điểm du lịch văn hóa;

Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 6 năm 2013, tại đền Tân La đã diễn ra buổi tọa đàm khoa học với chủ đề *Nhận diện giá trị thờ Mẫu ở đền Tân La* do Trung tâm nghiên cứu và bảo tồn văn hóa tín ngưỡng Việt Nam phối hợp với UBND xã Bảo Khê tổ chức. Trong buổi tọa đàm có nhiều bài tham luận liên quan đến công tác quản lý các hoạt động thờ Mẫu, nguồn gốc và giá trị Đạo Mẫu, hiện tượng thờ phụng Thánh Mẫu ở ĐBBB; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở đền Tân La. Trong buổi tọa đàm có bài tham luận *Châu Bà Bát Nàn và Thánh Mẫu nhìn từ góc độ của Thanh đồng* của thanh đồng Lê Văn Thanh, cũng như nhiều bài tham luận của nhiều nhà khoa học...

Nhìn chung cho đến nay chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu một cách hệ thống về đền Tân La từ những vấn đề truyền thống đến những vấn đề đương đại. Tuy nhiên, nguồn tư liệu kể trên sẽ là những tư liệu cần thiết giúp tác giả tham khảo, kế thừa và tiếp thu để triển khai đề tài của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu đền Tân La trong quá trình biến đổi từ đó nhận thấy được vị trí, vai trò của ngôi đền trong đời sống kinh tế, xã hội và tinh thần của người dân xã Bảo Khê.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Khảo sát và nghiên cứu một cách hệ thống về sự biến đổi của đền Tân La, từ đó làm rõ vai trò, vị trí của ngôi đền đối trong đời sống của người dân xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở những nguồn tư liệu mà tôi thu thập được về di tích và các sinh hoạt nghi lễ, lễ hội, luận văn tập trung nghiên cứu:

- Nghiên cứu đền Tân La ở các khía cạnh như di tích, truyền thuyết của nhân dân về nhân vật được thờ phụng, lễ hội và các hoạt động nghi lễ diễn ra trong năm;
- Nghiên cứu về việc thờ Mẫu Bát Nàn tại đền, sự biến đổi của đền Tân La qua một số mốc thời gian gần đây;
- Nghiên cứu vai trò của đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê cả về mặt kinh tế xã hội và tinh thần để từ đó nhận biết về mức độ ảnh hưởng của ngôi đền trong và ngoài địa phương.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên, cụ thể là về các vấn đề truyền thuyết, di tích, lễ hội, các sinh hoạt nghi lễ, quá trình biến đổi của ngôi đền và vai trò của nó đối với đời sống của người dân địa phương.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Truyền thuyết về Bát Nàn tướng quân Vũ Thị Thục;
- Di tích đền Tân La lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của di tích;
- Các hoạt động nghi lễ trong năm của ngôi đền.
- Lễ hội đền Tân La: Nhân vật tưởng niệm trong lễ hội, các nghi lễ, trò diễn dân gian hiện đại trong lễ hội...

- Quá trình biến đổi của ngôi đền;
- Vai trò của đền Tân La trong đời sống kinh tế xã hội của người dân xã Bảo Khê;
- Vai trò của đền Tân La trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của người dân xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên.

Về không gian tác giả tập trung chủ yếu vào không gian xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên và có thể là một số khu vực dân cư xung quanh. Ngoài ra trong trường hợp cần thiết tác giả sẽ mở rộng phạm vi nghiên cứu đến các di tích khác trong làng, trong xã có liên quan đến nhân vật được thờ cúng trong di tích.

Về thời gian tác giả xác định nghiên cứu lịch sử hình thành, tồn tại của ngôi đền qua một số mốc thời gian tiêu biểu, tập trung vào hiện trạng của ngôi đền ngày nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng cách tiếp cận nghiên cứu liên ngành: Văn hóa dân gian, lịch sử, tôn giáo học... để thực hiện mục đích nghiên cứu của đề tài. Các phương pháp cụ thể:

- Nghiên cứu văn bản: Tác giả đã đến Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Hưng Yên, BQL di tích tỉnh Hưng Yên, các cán bộ phụ trách văn hóa của xã để tập hợp, thu thập và hệ thống các tài liệu liên quan đến di tích và lễ hội đền Tân La, các tài liệu về tín ngưỡng thờ cúng của người dân khu vực thành phố Hưng Yên;

- Sử dụng phương pháp khảo sát, điền dã, quan sát, tham dự trực tiếp lễ hội, các nghi lễ được tổ chức ở đền, ghi chép, ghi âm... Từ tháng 4 năm 2015 đến hết tháng 6 năm 2016, đặc biệt là từ mùng 1 đến hết tháng 3 âm lịch năm 2015, 2016 là dịp lễ hội truyền thống, tác giả luôn có mặt ở KDT để phỏng vấn các cụ trong làng cùng các du khách thập phương, chụp ảnh lễ hội liên quan đến tục thờ. Đây là phương pháp thu thập tư liệu chính của luận văn. Tác giả tham dự các nghi lễ lịch tiết, lễ hầu xông đền, lễ Đại tiệc tất niên cuối năm, ngày sóc, ngày vọng, nghi lễ hầu đồng cùng các sinh hoạt của CLB Bảo tồn văn hóa đạo Mẫu chi nhánh Hưng Yên.

- Tác giả phỏng vấn sâu lãnh đạo địa phương, BQLDT, quản đền, những người trực tiếp tham gia tổ chức lễ hội, các cụ cao niên trong làng, những người

tham dự các hoạt động nghi lễ, những hộ dân buôn bán quanh đền vào dịp lễ hội và ngày thường, cung văn, người xem bói trong lễ hội... để thu thập thông tin;

- Xử lý tài liệu: Với các phương pháp phân tích, so sánh, hệ thống để làm rõ được nội dung cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa luận và thực tiễn của luận văn

- Nghiên cứu về đền Tân La góp phần cung cấp một tư liệu hệ thống về sự biến đổi của lịch sử và văn hóa của đền Tân La;

- Nghiên cứu về đền Tân La góp phần khẳng định giá trị về lịch sử và văn hóa của di tích đối với nhân dân trong xã nói riêng và cả tỉnh Hưng Yên nói chung;

- Nghiên cứu về đền Tân La góp phần hiểu rõ hơn đời sống sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, đời sống kinh tế, xã hội của người dân địa phương trong giai đoạn hiện nay;

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là một tư liệu khoa học giúp cho người dân sẽ hiểu được rõ hơn về giá trị lịch sử văn hóa và tôn giáo tín ngưỡng của đền Tân La, góp phần cung cấp vào hệ thống tư liệu về các ngôi đền thờ các nữ tướng của Hai Bà Trưng ở đồng bằng Bắc Bộ.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và phần Phụ lục, luận văn được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Khái quát về xã Bảo Khê và các hình thức tôn giáo tín ngưỡng

Chương 2: Đền Tân La trong quá trình biến đổi

Chương 3: Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê hiện nay

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ XÃ BẢO KHÊ VÀ CÁC HÌNH THỨC TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG

1.1. Khái quát về xã Bảo Khê

1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Bảo Khê nằm cách trung tâm thành phố Hưng Yên về phía Bắc khoảng 6km. Phía Bắc giáp xã Ngọc Thanh và xã Hiệp Cường huyện Kim Động; Phía Nam giáp phường An Tảo và phường Lam Sơn thành phố Hưng Yên; Phía Đông giáp xã Trung Nghĩa thành phố Hưng Yên; Phía Tây giáp đê sông Hồng và xã Hùng Cường thành phố Hưng Yên. Xã Bảo Khê hiện nay có diện tích tự nhiên là 395,82ha, với tổng dân số là 6.831 người [8, tr. 5].

Xã Bảo Khê có vị trí địa lý và giao thông vô cùng quan trọng. Chạy qua địa bàn xã có quốc lộ 39A, là trục đường chính của thành phố Hưng Yên nói riêng và cả tỉnh Hưng Yên nói chung. Theo quốc lộ 39A về phía Bắc hơn 60km là đến thủ đô Hà Nội; theo hướng Đông Nam hơn 10km là đến cầu Triều Dương, qua con sông Luộc sẽ đến tỉnh Thái Bình. Theo đường 39B khoảng 50km đến thành phố Hải Dương. Đi về phía Tây tới sông Hồng, qua cầu Yên Lệnh 10km sẽ đến đường cao tốc Bắc – Nam, quốc lộ 1A và đường sắt Bắc – Nam, nối với Đồng Văn tỉnh Hà Nam và từ đó có thể đi khắp cả nước... Với vị trí địa lý này quy định tính chất quan trọng của xã Bảo Khê về quân sự, hiện nay Bảo Khê ở vị trí địa đầu phía Bắc của thành phố Hưng Yên, có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng khu vực phòng thủ bảo vệ thành phố.

Tất cả diện tích của xã là đồng bằng, xã có 5 thôn đều nằm ở trong đê. Khí hậu của xã Bảo Khê nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm. Nhiệt độ trung bình hàng năm là khoảng 23,3°C, nhiệt độ cao nhất là từ 39°C đến 40°C, nhiệt độ thấp nhất là khoảng 5°C. Lượng mưa trung bình hàng năm là khoảng 1500mm đến 1600mm, số ngày mưa trung bình trong năm khoảng 147 ngày/năm. Khí hậu có 4 mùa rõ rệt, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, trồng lúa hai mùa vụ trong một năm. Mùa lạnh kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với khí hậu khô và ẩm; mùa

móng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, mưa nhiều và nhiệt độ tương đối cao do ảnh hưởng của gió mùa đông nam [26, tr. 27, 28].

Với điều kiện tự nhiên như vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, kinh tế và dân sinh của xã Bảo Khê, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp mà đặc biệt là với số giờ nắng nhiều trong năm, rất thuận tiện cho người dân làng nghề làm hương Cao Thôn có thể phơi hương sau khi hương được làm xong.

1.1.2. Lịch sử hình thành và đặc điểm dân cư

**** Lịch sử hình thành xã Bảo Khê***

Địa giới hành chính và tên gọi của xã Bảo Khê có nhiều thay đổi trong diễn trình lịch sử. Vào thời kỳ Hùng Vương dựng nước, dân cư sống tập trung chủ yếu ở ven sông Hồng. Vùng đất Bảo Khê lúc bấy giờ thuộc quận Giao Chỉ còn là những gò, đồng do sông Hồng bồi tụ lên giữa các đám lau sậy, cỏ lác. Dân cư sống chủ yếu bằng các hình thức săn bắn, sản xuất nông nghiệp, đánh cá. Thời Văn Lang – Âu Lạc vùng đất Bảo Khê thuộc bộ Dương Tuyền (Thanh Tuyền).

Thời Ngô, Đinh, tiền Lê địa bàn xã Bảo Khê thuộc huyện Vũ Bình, Lộc Nam Sách, phủ Thái Bình; Thời Lý Cao Tông thuộc Châu Đằng - Châu Khoái; thời Trần thuộc lộ Long Hưng rồi lại thuộc lộ Khoái; thời nhà Minh đô hộ thuộc phủ Kiến Xương; Thời Hậu Lê thuộc Thuận Thiên - Nam Đạo.

Thời Nguyễn năm Minh Mạng thứ 12 (1831) bỏ đơn vị hành chính trấn, chi nhỏ trấn thành tỉnh. Tỉnh Hưng Yên ra đời, gồm hai phủ Tiên Hưng và Khoái Châu. Từ năm 1873, tỉnh Hưng Yên còn 2 phủ 6 huyện, dưới cấp huyện là tổng và xã. Địa bàn Bảo Khê khi đó thuộc tổng Tiên Cầu, huyện Kim Động [8, tr. 2].

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng được thiết lập. Cấp tổng bị xóa, các thôn Bảo Khê lúc này thuộc địa bàn xã Hiệp Cường huyện Kim Động.

Kết thúc thắng lợi kháng chiến chống Pháp năm 1955, xã Tự Do được thành lập gồm 5 thôn là: Tiên Thắng, Đoàn Thượng, Cao Thôn, Triều Tiên và Vạn Tường.

Cao Thôn trước đây được gọi là làng Chạ. Thôn Đoàn Thượng gồm xóm Mụa, xóm Đoàn Kết. Thôn Tiên Thắng gồm xóm Diêm, xóm Thắng Lợi (xóm Phụng Lâu).

Làng Triều Tiên có nguồn gốc từ làng Hoàng Xá. Vài năm trước, Hoàng Xá là một làng lớn, gồm xóm Hoàng Trung, xóm Hoàng Triều, xóm Thượng và xóm Đạo. Nhưng do tác động của quá trình bồi lở của sông Hồng, cư dân làng Hoàng Xá có sự dịch chuyển, một bộ phận thuộc địa bàn của xã Phú Cường, Hùng Cường hiện nay; một bộ phận lui vào trong đồng lập lên thôn Hoàng Tiên, sau cách mạng tháng Tám xóm Hoàng Triều tiếp tục lui vào trong đồng, hợp với Hoàng Tiên thành thôn Triều Tiên như ngày nay.

Thôn Vạn Tường trước đây gồm có xóm Mòi (còn gọi là Tiên Khê) và xóm Suối (còn gọi là Bảo Khê). Sau đó hai xóm nhập lại gọi chung là Tiên Khê rồi đổi tên thành Vạn Tường.

Ngày 26/1/1968, Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội ra Nghị quyết số 504/NQ/TVQH phê chuẩn hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Xã Tự Do thuộc huyện Kim Động tỉnh Hải Hưng. Năm 1974 xã Tự Do đổi tên thành xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Động tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng chính phủ ra Quyết định số 70-CP hợp nhất hai huyện Kim Động và Ân Thi thành huyện Kim Thi. Xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên [8, tr. 6].

Ngày 27/01/1996, Chính phủ ra Nghị quyết số 5-NĐ/CP tách huyện Ân Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi, xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hải Hưng [8, tr. 6].

Ngày 06/11/1996 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX phê chuẩn việc tách tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương. Ngày 01/01/1997, tỉnh Hưng Yên được tái lập. Xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên [8, tr. 7].

Ngày 23/9/2003, theo Quyết định số 108/2003/NĐ-CP của Chính Phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng Thị xã, thành lập phường và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, thuộc Thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Xã

Bảo Khê thuộc huyện Kim Động gồm 397,82 ha diện tích tự nhiên và 5.692 nhân khẩu chuyển về thị xã Hưng Yên quản lý. Từ đây xã Bảo Khê thuộc thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên [8, tr. 7].

Chính phủ quyết định thành lập thành phố Hưng Yên thuộc tỉnh Hưng Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc thị xã Hưng Yên theo Nghị định số 04/NĐ-CP Ngày 19/01/2009. Xã Bảo Khê thuộc thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên [8, tr. 7].

Như vậy, xã Bảo Khê thuộc thành phố Hưng Yên – một vùng đất có bề dày lịch sử với điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc dân cư quần tụ sinh sống từ lâu đời theo mô hình làng Việt truyền thống. Cư dân sống ở xã Bảo Khê chủ yếu là người Việt sinh sống dọc theo triền đê sông Hồng. Khi xã Bảo Khê tách về thành phố Hưng Yên, do có vị trí giáp trung tâm thành phố nên khu vực này đã thu hút được nhiều người dân ở khu vực khác là các cán bộ, công nhân viên chức từ các địa phương khác về đây sinh sống. Cư dân của các làng trong xã sống rất gắn bó, đoàn kết với nhau cùng làm kinh tế để đưa xã Bảo Khê phát triển.

*** Đặc điểm dân cư**

Xã Bảo Khê có 5 thôn: Đoàn Thượng, Tiền Thắng, Bảo Khê, Vạn Tường, Triều Tiên.

Thôn Đoàn Thượng là một làng Việt cổ có 352 hộ và 1.454 nhân khẩu, với các dòng họ: Nguyễn, Lê, Phạm, Dương. Nghề chính của thôn đó là chăn nuôi gia súc, gia cầm và kinh doanh buôn bán [12, tr. 1].

Thôn Vạn Tường là một làng Việt cổ tiền thân là thôn Tiên Khê và Bảo Khê hợp thành. Thôn Tiên Khê và Bảo Khê được hình thành từ thời Bắc thuộc, thôn có tổng số hộ là 265 hộ với 1450 nhân khẩu. Làng có 12 dòng họ cùng chung sống [11, tr. 2].

Thôn Tiền Thắng có 395 hộ với 1670 nhân khẩu, có 10 dòng họ là: Nguyễn, Lê, Đỗ, Trần, Trương, Lã, Bùi, Đoàn, Vương cùng chung sống từ bao đời nay [14, tr. 1].

Làng Cao Thôn có 195 hộ với số nhân khẩu là 986, cả làng có 15 dòng họ luôn đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng làng xóm [10, tr. 2]

Triều Tiên là một trong năm làng thuộc xã Bảo Khê, có 321 hộ với 1271 nhân khẩu, cả thôn có 6 dòng họ chính là: Đỗ, Phạm, Nguyễn, Tạ, An, Cao. Nhân dân các dòng họ luôn sinh sống chan hòa, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau [13, tr. 1].

1.1.3. Đời sống kinh tế và Văn hóa xã hội

Những năm gần đây do có chủ trương và định hướng đúng đắn, kinh tế của xã Bảo Khê phát triển khá nhanh, tương đối đồng bộ và toàn diện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 15%/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, từ nông nghiệp chuyển sang công nghiệp và dịch vụ thương mại, tuy nhiên xã vẫn cân đối sản xuất để đảm bảo an ninh lương thực.

Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, toàn xã tích cực chuyển đổi giống, vật nuôi, cây trồng phù hợp với phát triển nông nghiệp ven đô. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 9,15%/năm, bình quân 1ha canh tác thu nhập đạt khoảng 61,8 triệu đồng. Diện tích gieo trồng cây vụ đông đạt 75-78%. Tập trung chủ yếu vào loại giống có chất lượng, năng suất cao. Chăn nuôi tiếp tục phát triển, đàn bò sinh sản, bò thịt, lợn, đàn gia cầm tăng lên nhanh chóng. Nhờ có sự hỗ trợ của tỉnh, thành phố và nguồn vốn từ ngân hàng phát triển nông thôn, trong phát triển sản xuất nông nghiệp, xã đã đầu tư tổng số tiền là 310.032.500 đồng cho nhiệm vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Trong đó đầu tư một số dự án mới như nuôi gà Đông Tảo, nuôi bò, hỗ trợ giống lúa lai và lúa thuần, phân bón, thuốc trừ sâu, chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp... [8, tr. 134].

Tiểu thủ công nghiệp được duy trì phát triển nhanh, đa dạng. Năm 2009, làng nghề truyền thống làm hương ở Cao Thôn đã được tỉnh công nhận đạt tiêu chí làng nghề, giải quyết cho 900-1000 lao động lúc nông nhàn, thu nhập bình quân khoảng 2,8 đến 3,5 triệu đồng/tháng, đặc biệt là những tháng cao điểm như những ngày lễ lớn, tết Nguyên đán thì mức thu nhập của người dân được tăng lên gấp đôi. Làng nghề làm hương Cao Thôn là một làng nghề truyền thống đã có từ hàng trăm năm nay. Hương xạ Cao Thôn nổi tiếng xưa nay được mọi miền ưa chuộng và đã được các đại lý lớn xuất khẩu sang một số nước láng giềng. Công nghệ sản xuất hương đơn giản, dụng cụ có thể tự tạo hoặc mua sắm không tốn kém, nguyên liệu làm

hương đều lấy từ thảo mộc, vốn sản xuất cũng không đòi hỏi lớn. Một số gia đình làm ăn phát đạt ở làng Cao Thôn đã ra thành phố mở hiệu chuyên bán hương nổi tiếng một thời như Quảng Thái, Vạn Hoa, Hoàng Phát (ở Hà Nội); Hồng Phúc (ở Huế); Đồng An Xương (Thành phố Hồ Chí Minh); Đồng An Mỹ (Hải Dương)... Sản lượng hương xạ đạt xấp xỉ 10 triệu/năm doanh thu tương đương là 2,5-3,0 tỷ đồng/năm [8, tr. 123]. Trước đây người dân Thôn Cao chỉ bán hương tại nhà vào các dịp giáp tết còn lại chủ yếu là xuất buôn, nhưng hiện nay thì họ đã mở cửa hàng bán quanh năm tại nhà bám theo đường 39 chạy qua thôn, điều này giúp cho doanh thu của nghề làm hương tăng lên đáng kể.

Hương làng Cao thôn đặc biệt nhất, không giống với bất cứ với nghề làm hương ở nơi khác nhờ các nguyên liệu tạo nên mùi thơm cho hương Cao Thôn. Hương Cao Thôn được làm hoàn toàn bằng các vị thảo mộc, trong đó là ba mươi sáu vị thuốc Bắc. Người Cao Thôn luôn tâm niệm rằng 36 vị thuốc Bắc này giống như là những tinh hoa của đất trời hội tụ lại, đây cũng là một bí mật gia truyền chỉ người trong gia đình mới được truyền lại, và đặc biệt không được phép truyền nghề cho người ngoài dòng họ, đây cũng chính là cái “hồn cốt” mà người dân làng Cao Thôn gìn giữ hàng trăm năm nay.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2015 đạt khoảng 25,3 tỷ đồng [8, tr. 124]. Những kết quả thu được từ tiểu thủ công nghiệp đã góp phần tích cực trong phát triển kinh tế, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và diện mạo đời sống nhân dân toàn xã.

Trên địa bàn xã, có nhiều nhà máy, xí nghiệp được thành lập tạo ra rất nhiều việc làm cho người dân trong xã, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, chẳng hạn như công ty may Bảo Hưng, công ty may Phú Khang... Theo thống kê tính đến năm 2016, trên địa bàn xã Bảo Khê có khoảng 28 công ty, doanh nghiệp hoạt động và đã giải quyết được rất nhiều nhu cầu việc làm cho người dân địa phương cũng như các khu vực lân cận. Với mức lương làm tại các công ty khá cao, người dân có thể tích góp, mua sắm và đặc biệt là cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

Trong những năm từ 2010-2015, dịch vụ thương mại của xã Bảo Khê tiếp tục phát triển nhanh. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 18,7% năm. Toàn xã có trên 400 hộ gia đình tham gia với 2171 lao động kinh doanh các ngành nghề chủ yếu như: Dịch vụ vận chuyển vật liệu, xây dựng, ăn uống, cửa hàng tạp hóa. Toàn xã có 13 khách sạn, nhà nghỉ, trên 40 xe ô tô vận chuyển hàng hóa, chuyên chở hành khách. Tổng thu từ thương mại, dịch vụ hàng năm đạt hơn 40% tổng sản lượng kinh tế trong toàn xã, góp phần thu hút nhiều lao động và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân [8, tr. 124].

Từ năm 2011 đến nay, xã Bảo Khê đã huy động được tổng nguồn vốn gần 155 tỷ đồng cho xây dựng nông thôn mới. Đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, xóm, đường trục chính nội đồng trong xã đều đã được bê tông hóa, cứng hóa đạt 100%, tạo thuận lợi cho nhân dân đi lại, sản xuất. Cơ sở vật chất y tế, giáo dục hàng năm đều được đầu tư, nâng cấp, chợ nông thôn rộng rãi, hợp vệ sinh, tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đạt 85%.

Hiện nay, hơn 93% số hộ gia đình trong xã có nhà kiên cố, không còn hộ ở trong nhà tạm, nhà dột nát. Thu nhập bình quân đầu người của xã Bảo Khê năm 2015 đạt khoảng 28 triệu đồng/năm; 88% số hộ gia đình trong xã đạt danh hiệu gia đình văn hóa, 5/5 thôn đạt danh hiệu làng văn hóa [8, tr. 108]

Việc xây dựng kết cấu hạ tầng của xã Bảo Khê luôn được quan tâm, “...đường quốc lộ 39A đi qua xã được mở rộng, trên 3km đường điện chiếu sáng, hơn 1km triền đê được trồng hoa, công trình tiêu thoát nước thành phố, gần 1km kè sông Đống Lỗ, và trên 1km đường trục 24m khu trung tâm, giá trị đầu tư hàng trăm tỷ đồng. Xây dựng mới trạm xá và nghĩa trang liệt sỹ, xây dựng tu bổ trường học, hệ thống đường tiêu thoát nước và sửa chữa mương máng, trị giá đầu tư xây dựng trên 3 tỷ đồng” [8, tr. 125].

Cùng với sự phát triển nhanh của kinh tế - xã hội, các hình thức vui chơi, giải trí phong phú, đa dạng đã xuất hiện ở xã Bảo Khê như: các quán hát karaoke, quán cà phê/quán ăn, khu giải trí câu cá... để phục vụ cho nhu cầu của người dân trong xã và những người dân trên địa bàn thành phố. Bên cạnh các hình thức vui chơi giải

trí kể trên, hoạt động thể thao là loại hình văn hóa phản ánh lối sống lành mạnh, đồng thời cũng phản ánh mức hưởng thụ văn hóa của người dân. Các bộ môn thể thao mà người dân đô thị tham gia phổ biến như: bóng đá, cầu lông, bóng bàn, đi bộ, tập dưỡng sinh, khiêu vũ, thể dục thẩm mỹ... Nhiều câu lạc bộ thể thao ra đời góp phần nâng cao sức khỏe của người dân.

1.2. Khái quát về các hình thức tôn giáo tín ngưỡng

Trong đời sống tâm linh của người Việt đã từng tồn tại rất nhiều hình thức tôn giáo tín ngưỡng khác nhau, từ các tín ngưỡng bản địa như thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng ở các làng xã, thờ các vị Thần (tổ sư các nghề, các vị thần bảo trợ, các anh hùng có công với dân với nước...), đến các tôn giáo du nhập từ Phật giáo, Thiên chúa giáo... Điều đó cũng thể hiện khá rõ trong đời sống tín ngưỡng của người dân xã Bảo Khê với những biểu hiện như sau:

1.2.1. Thờ cúng tổ tiên

Đạo đức của người Việt luôn quan niệm “chim có tổ, người có tông”, “uống nước nhớ nguồn”, nên không một gia đình người Việt nào là không có bàn thờ gia tiên. Bàn thờ gia tiên luôn được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong gia đình. Với quan niệm “phúc ảm tổ tiên”, “sống vì mồ mả, ai sống vì bát cơm” thì việc cúng lễ tổ tiên một mặt là để con cháu bày tỏ lòng biết ơn với các bậc sinh thành, mặt khác cũng là thể hiện trách nhiệm của con cháu đối với tổ tiên – trách nhiệm giữ gìn danh dự và tiếp tục truyền thống của gia đình, dòng họ, giáo dục đạo lý làm người cho con cháu như GS Đào Duy Anh đã viết: “Tế tự tổ tiên là lấy sự duy trì chủng tộc làm mục đích” [1, tr. 195].

Đối với người dân xã Bảo Khê thì việc thực hành tín ngưỡng tổ tiên rất là quan trọng, gia đình nào cũng đặt bàn thờ gia tiên ở nơi trang trọng nhất trong gia đình. Thời gian cúng giỗ là những ngày húy kỵ của tổ tiên, những ngày Sóc (ngày rằm), ngày Vọng (ngày mùng một), các ngày lễ, tết trong năm... Việc cúng giỗ tổ tiên cũng được người dân tổ chức vào những ngày có các sự kiện trọng đại của gia đình như cưới hỏi, làm nhà, thi cử, hay nhà có người ốm đau...

Dòng họ Nguyễn, Lê, Đoàn, Phạm, Đỗ là các dòng họ chính trong xã, các dòng họ này đã xây dựng nhà thờ họ và duy trì việc cúng giỗ Tổ hàng năm, việc cúng giỗ được tổ chức rất cẩn thận, chu đáo với sự có mặt của tất cả các con trưởng của các gia đình trong dòng họ. Vào các dịp Thanh minh tháng ba, các gia đình trong xã luôn tổ chức Tảo mộ, đây là dịp để các gia đình thăm nom, sang sửa, dọn dẹp lại mồ mả của tổ tiên cũng như mời tổ tiên về nhà vào các dịp lễ tết, cúng giỗ...

Nhiều gia đình buôn bán ở trong xã, ngoài việc thờ cúng tổ tiên, thì họ còn lập bàn thờ thần Tài để phù hộ cho gia đình buôn bán làm ăn phát đạt. Trên bàn thờ trong mỗi gia đình còn có một bát hương thờ Thổ công, Thổ địa các vị thần bảo vệ gia đình, có những gia đình thờ bà Cô, ông Mãnh (ông Hoàng) là những người thân thích trong gia đình bị chết trẻ hoặc chết vào giờ linh thiêng. Trên bàn thờ thì bao giờ bát hương thờ cúng tổ tiên cũng đặt ở vị trí cao nhất và trang trọng nhất.

1.2.2. Thờ Thành hoàng làng

Thành Hoàng làng là một biểu tượng tâm linh của người Việt ở làng quê vùng đồng bằng Bắc bộ. Thành hoàng làng được thờ có thể là nhân thần, nhiên thần đã được huyền thoại hóa hay lịch sử hóa. Thành hoàng làng là một niềm tin thiêng liêng, một chỗ dựa tinh thần cho cộng đồng từ bao đời nay, sự tôn phụng Thành hoàng làng như một sợi dây liên lạc vô hình, giúp cho dân làng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. Thờ cúng Thành Hoàng cũng giống như Thờ cúng tổ tiên, mang đậm dấu ấn tâm linh và thể hiện quan niệm “uống nước nhớ nguồn” của người dân Việt Nam.

Thần Đông Hải đại vương Đoàn Thượng được 280 nơi thờ phụng trên một địa bàn rộng lớn, khẳng định vị trí của thần trong hệ thống các thần linh đa dạng trong vùng châu thổ Bắc Bộ. Việc thờ thần Đoàn Thượng ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như vậy đã cho thấy thần Đoàn Thượng đã có ảnh hưởng khá đậm nét trong đời sống văn hóa tâm linh của cộng đồng cư dân Hưng Yên. Thờ phụng Đông Hải đại vương Đoàn Thượng là một nhân vật có thật trong lịch sử. Ông quê ở Hải Dương, làm quan trong triều nhà Lý, là một vị quan thanh liêm, chính trực và nhiều lần ông đem quân đi dẹp loạn, giết giặc, đi đến đâu giặc tan đến đó. Khi nhà vua Lý

Huệ Tông bị Trần Thủ Độ ép nhường ngôi cho Lý Chiêu Hoàng thì Đoàn Thượng vô cùng phẫn uất và thề sống chết để khôi phục nhà Lý. Ông đem quân về lập doanh trại tại Đại Lan và xưng là Đông Hải Đại Vương, từ đó toàn bộ trấn Sơn Nam do ông chiếm giữ. Sau khi ông mất thì Vua Trần cũng phê chuẩn cho các làng ở Trấn Sơn Nam được phụng thờ, hương đăng muôn đời. Từ đó, nhân dân làng Tiên Thắng, làng Đoàn Thượng xã Bảo Khê tôn ông làm Thành hoàng làng và phụng thờ ngài tại đình.

Xã Bảo Khê hiện có những ngôi đình sau đây:

- Đình Tiên Thắng được xây dựng trên khu đất cao ráo, thoáng đãng tại thôn Tiên Thắng – xã Bảo Khê, nằm sát quốc lộ 39 – con đường huyết mạch của tỉnh Hưng Yên. Đình được xây dựng lại vào năm 1990, đây là nơi tôn thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng. Phối thờ với ngài còn có các bộ tướng là Ngũ ôn Đại thần, Hoa Lâm Kiều quốc Chủ Đại Vương và Diêm La Trung Chính tôn thần. Các ngài cùng với Thượng Công đứng lên khởi nghĩa với mong muốn khôi phục lại giang sơn nhà Lý. Sau đó các ngài được nhân dân đưa vào phối thờ với Đoàn Thượng, hiện tại ở đình Tiên Thắng còn lưu giữ 9 sắc phong.

- Đình Đoàn Thượng: Đình Đoàn Thượng tọa lạc tại thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê. Trước khi bị giặc Pháp xâm lược và đô hộ, hai làng Tiên Thắng và Đoàn Thượng có chung một ngôi đình và cùng thờ chung một vị Thành hoàng làng là Đông Hải Đại vương Lý Đoàn Thượng cùng các bộ tướng của ông. Đến thời kỳ Pháp đô hộ nước ta đã đốt đình. Vì vậy khi xây dựng lại đình, dân làng 2 thôn Tiên Thắng và Đoàn Thượng đã tiến hành tách đình, đình của làng nào làng đó thờ dù có cùng chung vị Thành hoàng làng. Đình Đoàn Thượng nằm ngay cạnh đền Tân La, được xây dựng lại vào năm 1955 và cũng được tu sửa, trùng tu nhiều lần qua thời gian. Hiện ở đình còn lưu giữ 3 sắc phong.

- Đình Thôn Cao: Đình thôn Cao nằm ở thôn Cao xã Bảo Khê, khác với các đền còn lại của xã, đình Thôn Cao lại nằm ngoài đê sông Hồng. Đình nằm sát quốc lộ 39, dưới những tán tre xanh mát và trước mặt là đất bãi sông Hồng rộng mênh mông quanh năm trồng ngô, chuối xanh tốt. Đình thôn Cao được xây dựng từ rất

lâu, trước kia đình có 9 sắc phong nhưng hiện nay sắc phong đã không còn vì bị mất trộm. Đình thờ Diêm La đại vương, một trong những bộ tướng của Đông Hải đại vương Đoàn Thượng. Ông có công lớn trong việc phò tá Lý Đoàn Thượng đánh giặc.

- Đình Tiên Khê: Đình Tiên Khê thuộc làng Tiên Khê, làng thuộc thôn Vạn Tường, đình được xây dựng lại vào năm 1989, đình thờ Quy Chân, Diêm La và Cư Nhiếp.

- Đình Vạn Tường thuộc làng Vạn Tường thờ tướng Trần Khát Chân, một vị tướng dưới thời nhà Trần. Đình Tiên Khê và đình Vạn Tường đều thuộc thôn Vạn Tường nhưng lại thuộc hai xóm khác nhau, xóm trên và xóm dưới được cách nhau bởi con sông Điện Biên.

Trong các ngôi đình nói trên thì đình Tiên Thắng, đình Đoàn Thượng, đình thôn Cao và chùa Hoàng Bà nằm trong hệ thống lễ hội của đền Tân La. Nghi thức rước kiệu của lễ hội Tân La được bắt đầu từ đền qua các đình rồi xuống chùa Hoàng Bà (chùa nằm ở thôn Cao) lấy chân nhang về thờ trong 3 ngày lễ hội và ngày kết thúc lễ hội lại qua các đình rồi cuối cùng xuống chùa Hoàng Bà để trả chân nhang.

1.2.3. Thờ tổ nghề

Thờ tổ nghề được coi là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, thể hiện sự biết ơn những vị sáng lập, mở mang tri thức ngành nghề cho nhân dân. Thờ tổ nghề cũng thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây" của người dân Việt, một truyền thống đạo lý tồn tại từ hàng ngàn đời nay của dân tộc Việt.

Những người làm nghề thường sinh sống quần tụ với nhau thành nhóm nghề, làng nghề. Biết ơn những vị sáng lập truyền nghề cho mình, dân làng thờ phụng các vị tổ của nghề mình đang làm. Có thể lập bàn thờ tổ nghề tại gia, và vào ngày tuần tiết, sóc, vọng, giỗ tết, đều có cúng cấp. Nhưng phổ biến hơn cả là các phường nghề, làng nghề lập miếu, đền, đình, nhà thờ riêng để thờ tổ nghề riêng của nghề mà làng mình đang làm. Đặc biệt, nhiều vị tổ nghề còn được thờ làm thành hoàng làng.

Thôn Cao có nghề làm hương xạ đặc biệt nổi tiếng khắp vùng. Làng nghề đã có từ hàng trăm năm nay, biết bao năm tháng gắn bó với nghề truyền thống, những

con người làng nghề thôn Cao đã tự nuôi sống mình bằng cái nghề làm hương xạ cổ truyền mang đậm hồn cốt của cha ông để lại.

Tích xưa truyền lại rằng Bà Đào Thị Khương, người con gái của làng có tài sắc vẹn toàn, bốn ba buôn bán khắp nơi, sau đó lấy chồng bên Trung Quốc, học được nghề làm hương xạ ở đó, khi đã nắm rõ được hết các bí mật của nghề, bà trở về thăm quê hương, truyền dạy nghề cho người làng Cao Thôn. Cũng từ đó nghề làm hương làng Cao Thôn trở nên phát triển, danh thơm của làng nức tiếng xa gần. Để tưởng nhớ công ơn vị tổ nghề, người dân trong làng góp công sức, xây dựng nhà thờ tổ nghề, và lấy ngày 22 tháng 8 hàng năm là ngày giỗ tổ nghề. Hiện nay, bà tổ làng nghề Đào Thị Khương được thờ cúng ở nhà thờ tổ họ Đào tại làng Cao Thôn.

1.2.4. Thờ Nữ thần, Mẫu thần

Cũng như ở nhiều địa phương khác thuộc đồng bằng châu thổ Bắc bộ, ở xã Bảo Khê cũng phổ biến việc thờ phụng Nữ thần, Mẫu thần mà vị nữ thần tiêu biểu là vị Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục còn gọi là Mẫu Bát Nàn, Bà được thờ ở đền Tân La thôn Đoàn Thượng. Bà là một vị tướng xuất sắc dưới thời Hai Bà Trưng, có công lớn trong việc giết giặc cứu nước. Về vị Nữ thần này chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày ở các nội dung tiếp theo của luận văn.

Ở xã Bảo Khê có một ngôi miếu nằm ven đê ngay cạnh quốc lộ 39 thuộc thôn Cao, đây là một ngôi miếu nhỏ dưới gốc cây duối có tuổi thọ hàng trăm năm gọi là miếu Đôi Cô. Sự tích ra đời của ngôi miếu theo lời kể của dân làng có nhiều sự tích khác nhau, tựu trung đều liên quan đến câu chuyện kể là có hai chị em (hay hai công chúa) chết ở khu vực đó, vì linh thiêng nên được dân làng xây dựng miếu để thờ gọi là miếu Hai Cô. Theo như lời bà N.T.B kể có rất nhiều chuyện thiêng và lạ xảy ra xung quanh ngôi miếu. Như người đi đường bị trêu chọc, nhiều vụ tai nạn đã xảy ra quanh khu vực này, có nhiều vụ rất là nặng nhưng người bị tai nạn đều không bị làm sao giống như có người đỡ vậy.

Cách đây khoảng 6-7 năm, tỉnh Hưng Yên quyết định làm lại đường 39, mở rộng thêm đường, con đường làm có chạy qua khu vực miếu đôi cô. Nếu mở rộng đường phải di dời miếu và phải chặt cây duối. Dân làng Cao Thôn không muốn cho

làm nhưng đây là dự án của nhà nước nên cuối cùng dân làng cũng chấp nhận nhưng có vấn đề gì xảy ra thì dân làng không chịu trách nhiệm. Trong quá trình thi công có rất nhiều chuyện lạ xảy ra, nên ban quản lý dự án quyết định không di dời miếu và chặt cây duối mà sẽ nắn đường chuyển sang chỗ khác. Điều đó chứng tỏ sự linh thiêng và quan trọng của ngôi miếu trong đời sống tâm linh của người dân địa phương.

Ngoài ra, ở xã Bảo Khê còn có chùa Hoàng Bà nằm ở thôn Cao là ngôi chùa được xây dựng từ lâu đời, chùa thờ Đức Phật và thờ Đức Hoàng Bà. Theo lời trụ trì chùa Hoàng Bà kể: Xưa kia, ở làng có một người thiếu nữ xinh đẹp, được tuyển chọn vào trong cung làm vợ Vua, bà được Vua yêu quý nên được lập làm Hoàng hậu. Nhưng Hoàng hậu chỉ sinh được hai người con gái nên bị phế truất. Sống trong cung cấm nhiều quy định khắc nghiệt và tranh đấu, bà đã đem hai công chúa trốn về quê, khi đi bà mang theo vàng, bạc và châu báu bà có được lúc ở trong cung. Về đến quê cũ, thấy dân làng còn nghèo đói, khổ sở, bà đã đem vàng, bạc, châu báu chia cho dân làng, mua đất tặng trâu cho dân nghèo. Do vậy, dân làng rất kính bà và gọi bà là bà Hoàng (vợ vua). Một thời gian sau, hai cô công chúa trong lúc đi chèo thuyền, thuyền bị lật và chết. Bà buồn chán và phát nguyện đi tu, bà đã dùng đất và tiền của mình để xây dựng ngôi chùa này. Khi bà viên tịch dân làng thờ bà ở chùa và đặt tên cho ngôi chùa là chùa Hoàng Bà. Ngôi chùa đã có từ rất lâu đời, do trước kia chưa xây dựng đê, hàng năm khu vực này hay bị lũ lụt, phù sa bồi đắp thường xuyên nên bia và hiện vật quý đều bị mất hết. Sự tích về ngôi chùa hiện nay là do dân làng truyền miệng lại. Điện thần của chùa hiện nay là thờ Phật ở chính điện, thờ Hoàng Bà trong cung cấm ở khu điện Mẫu phía sau chính điện.

1.2.5. Thờ Phật

Trước kia xã Bảo Khê chỉ có hai ngôi chùa, 3 thôn Đoàn Thượng, Tiền Thắng, Cao Thôn cùng chung một chùa Hoàng Bà nằm ở Cao Thôn. Thôn Vạn Tường được lập từ hai làng là làng Tiên Khê và làng Bảo Khê cùng chung chùa Bảo Khê. Còn thôn Triều Tiên trước đây là làng Hoàng Tiên nằm ngoài đê cùng chung chùa Hoàng Xá với làng Hùng Cường huyện Kim Động. Năm 1968 thôn

Triều Tiên chuyển vào trong đê, dân làng tự lập một ngôi chùa cho riêng làng mình thờ tự là chùa Hoàng Tiên Tự.

Riêng thôn Vạn Tường có hai ngôi chùa là chùa Bảo Khê và chùa Bồ Đề. Chùa Bảo Khê là ngôi chùa cổ có từ khi lập làng, còn chùa Bồ Đề là chùa mới được xây dựng vào năm 2010. Trước đây, làng Vạn Tường còn gọi là làng Mòi, công việc chính của làng là gấp phân về bón ruộng, chính vì vậy làng có một ngôi miếu nhỏ nằm ven đường thờ các dụng cụ của nghề này. Nhưng khi tỉnh Hưng Yên mở rộng đường 39, ngôi miếu nằm trên phạm vi mở đường nên bị phá bỏ. Từ tiền đền bù mà dân làng nhận được đã xây dựng lên chùa Bồ Đề.

Như vậy, cũng như nhiều làng quê khác, xã Bảo Khê hội tụ các hình thái tín ngưỡng tôn giáo khác nhau như: Phật giáo, tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Thành hoàng và tục thờ cúng tổ tiên... Với sự tồn tại của nhiều hình thái tín ngưỡng khiến cho đời sống tâm linh của cư dân nơi đây rất đa dạng và phong phú, từ những hình thức tôn giáo, tín ngưỡng du nhập vào tồn tại bên cạnh tín ngưỡng dân gian, bản địa của dân tộc.

1.3. Đền Tân La trong mối liên hệ với hệ thống thờ Bát Nàn tướng quân

1.3.1. Truyền thuyết về Bát Nàn tướng quân

Theo thần tích đền Tân La được xây dựng để tôn thờ bà Vũ Thị Thục một nữ tướng có công giúp Hai Bà Trưng đứng lên khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Hán ở giai đoạn đầu thế kỷ thứ I SCN.

Xưa kia tại làng Phụng Lâu, thành Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc), ông bà Vũ Công Chất và Hoàng Thị Mầu là người hiền lành, nhân đức làm nghề thầy thuốc sinh được một người con gái đặt tên là Vũ Thị Thục. Lớn lên Thục Nương nổi tiếng xinh đẹp và giỏi võ nghệ, đến tuổi trưởng thành được gả cho Phạm Danh Hương con trai huyện trưởng huyện Chu Đình. Sắc đẹp của Thục Nương truyền đến tai Tô Định, hấn bèn đến dinh cầu hôn nhưng bị Thục Nương cự tuyệt nên Tô Định tìm cách giết Vũ Công và Phạm Danh Hương, liền đó cho quân về bắt Thục Nương. Được dân làng che chở Thục Nương chạy thoát, ra phía sông Hồng xuôi thuyền xuống vùng Tiên La, huyện Diên Hà, Phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam

(nay là xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) tá túc tại ngôi chùa của làng. Ở nơi đây, Thục Nương xây dựng lực lượng giết giặc để “*Đền nợ nước, trả thù nhà*”. Chỉ trong một thời gian ngắn, người hưởng ứng đi theo Thục Nương đã lên đến tới số hàng ngàn người. Dưới sự chỉ huy của Bà, quân khởi nghĩa đã đánh tan các đồn binh của giặc, giải phóng cả vùng. Thục Nương được dân làm cảm phục, họ tôn vinh và phong Bà là Bát Nàn Đại Tướng Quân (người dẹp loạn cứu dân). Về sau, bà đưa quân về lập đồn tại Tân La, tổng Tiên Cầu, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam (nay thuộc thôn Đoàn Thượng, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên). Với danh xưng Bát Nàn Đại tướng quân của Bà còn có một cách giải thích khác là: Vì Bà đã giúp dân thoát khỏi tám nạn của quân đô hộ nên Bà được tôn vinh và phong là Bát Nàn Đại tướng quân, từ Bát Nàn là do đọc chệch của từ Bát Nạn. Sau đó Thục Nương làm tướng dưới thời Hai Bà Trưng và phong cho Bà là “*Đông Nhung Đại Tướng Quân*”. Sau khi Hai Bà Trưng hy sinh, Đông Nhung Đại tướng quân dẫn quân về hạ lưu sông Hồng, dựng phòng tuyến trấn giữ. Bà và quân sỹ đã giao chiến với quân giặc 8 trận, trận thứ 7 đã diễn ra tại khu vực đền Tân La thuộc thôn Đoàn Thượng ngày nay, khi rút quân khỏi địa điểm này nghĩa quân có để lại một lá cờ làm nghi binh ngày nay còn gọi là Ao lá cờ. Sau khi rút quân, Thục phu nhân về trú ngụ với bà con ở Tiên La, khi quân Hán phát hiện ra bà, Bà vùng thanh kiếm trong tay chém quân thù phá vòng vây, tới gốc cây Tùng cổ thụ thì sức cùng lực kiệt bèn rút kiếm tự sát tại gò Kim Quy thuộc khu vực đền Tân La xã Đoan Hùng huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình ngày nay. Sau khi Bà mất, để tưởng nhớ đến công lao to lớn của Vị nữ tướng tài ba đức độ, phò Trưng cứu nước, ngoài nơi sinh và nơi mất nhân dân lập đền thờ Bà, tại thôn Đoàn Thượng nhân dân cũng đã lập đền thờ. Như vậy, đền Tân La chính là một di tích tưởng niệm nữ tướng quân tiêu biểu xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

1.3.2. Hệ thống đền thờ Bát Nàn tướng quân

Hiện nay trên cả nước có rất nhiều nơi thờ Đại tướng Đông Nhung Bát Nàn tướng quân Vũ Thị Thục hay còn gọi là Châu Bát Nàn, từ nơi Mẫu sinh ra cho đến nơi Mẫu rèn luyện quân và đến nơi Mẫu hóa. Tất cả các đền thờ Châu Bát Nàn đều

có chung một truyền thuyết về đối tượng thờ, sự tích Mẫu sinh ra, lớn lên rồi đi đánh giặc và sự tích Mẫu hóa. Dưới đây là một số đền tiêu biểu:

- Đền Bát Nàn nằm ở xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ. Đây là đền thờ ở quê hương của Bà, nơi Bà đã sinh ra. Đền đã được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh từ năm 2009. Đền Bát Nàn thờ Bát Nàn Đại tướng quân Trinh Thục Công chúa Vũ Thị Thục Nương - người có công phò tá giúp Hai Bà Trưng chỉ huy quân sĩ đánh giặc Hán - giành độc lập dân tộc vào năm 40 - 43 đầu công nguyên.

- Đền Tiên La nằm ở xã Đoan Hùng huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình. Đây là đền thờ được xây dựng ở nơi mà Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục đã hóa, ngày xưa nơi đây được gọi là gò Kim Quy. Dân làng Tiên La lập đền thờ Mẫu được liệt vào hàng “Tứ Linh Từ” của Phủ Tiên Hưng xưa. Hàng năm cứ vào tháng 3 thập phương xa gần lại tìm về Tiên La giỗ Mẫu. Đền Tiên La được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 12/11/1986.

Đã là con mẹ con cha

Tháng ba giỗ Mẫu Tiên La tìm về

- Đền Tân La thuộc xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên. Như đã trình bày, đây là nơi mà trước kia Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục đóng quân, rèn luyện đánh giặc. Nên khi biết Bà hóa, dân làng Tân La đã lập đền thờ tưởng nhớ vị anh hùng có công đánh giặc bảo vệ cho nhân dân vùng này.

Ngoài ba đền chính và nổi tiếng thờ Châu Bát là đền Bát Nàn, đền Tiên La, đền Tân La còn có đền Châu Bát, thuộc thị trấn Đồng Mỏ, tỉnh Lạng Sơn, đền Tiên La (đền vọng) hay còn gọi là đền Tám Gian tại đường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ở đền Tám Gian, Bà còn được tôn xưng với tên Chúa Bát Nàn, thường được hầu sau hàng Tam Vị Chúa Muồng, về làm lễ tấu hương và khai quang như quan lớn chứ không hầu vào hàng Tứ Phủ Châu Bà như thông thường. Đây là ngôi đền do nhân dân ở khu vực đền Tiên La ở Thái Bình di cư đến đây lập lên. Ngoài ra còn rất nhiều đền khác trong tỉnh Thái Bình và nơi quê nhà của bà ở tỉnh Vĩnh Phúc thờ Bà. Ngày tiệc của Châu Bát là ngày 17/3 âm lịch (là ngày châu hóa).

Ngoài các đền thờ, hiện nay có rất nhiều các điện thờ tư gia thờ vọng Mẫu Bát Nàn Đại Tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục ở các địa phương như điện thờ tư gia Tân La vọng từ của cô đồng Loan ở Hà Nội...

Theo truyền thuyết Đại tướng Bát Nàn Đông Nhung Vũ Thị Thục là một vị tướng có thật trong lịch sử nhưng sau khi Bà chết lại được phong thánh và được đưa vào hệ thống tứ phủ Châu Bà với tên gọi là Châu Tám Bát Nàn. Nghi lễ hầu đồng ở tất cả các ngôi đền cũng như điện thờ tư gia thờ Bát Nàn đều phải có giá đồng Châu Tám Bát Nàn.

Tất cả các ngôi đền thờ Mẫu Bát Nàn đều có chung ngày lễ hội chính là từ 15 đến ngày 17 tháng 3 âm lịch, vào ngày Đại lễ Kỵ nhật của Mẫu, và ngày 15 tháng 8 âm lịch là ngày đại lễ sinh nhật.

Tiểu kết chương 1

Trải qua nhiều biến cố của thời gian và những thăng trầm của lịch sử, xã Bảo Khê đang dần dần phát triển cùng với sự phát triển của thành phố trẻ Hưng Yên. Các di tích lịch sử văn hóa của xã đã đóng góp một phần không nhỏ vào hệ thống các di tích lịch sử văn hóa của thành phố, phản ánh đời sống tín ngưỡng của nhân dân trong vùng. Khi đời sống sinh hoạt tín ngưỡng phong phú và đa dạng cộng với kinh tế đang ngày càng phát triển, điều đó cho thấy đời sống của người dân Bảo Khê ngày càng cải thiện và nâng cao hơn trước cả về mặt tinh thần và kinh tế.

Đền Tân La thờ Đại tướng Bát Nàn Đông Nhung Vũ Thị Thục, một nữ tướng tài giỏi dưới thời Hai Bà Trưng, có công giúp Hai Bà Trưng đứng lên khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Hán. Đối với người dân xã Bảo Khê, Đại tướng Bàn Nàn như là một vị Thành hoàng làng che chở, bảo hộ cho cả làng.

Chương 2

ĐỀN TÂN LA TRONG QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI

Trong chương 2 tác giả tập trung nghiên cứu về quá trình biến đổi của đền Tân La qua các mốc thời gian mà đặc biệt là tập trung vào giai đoạn sau năm 1986. Từ việc nhận diện sự biến đổi của ngôi đền thì có thể nhận thấy được vai trò của ngôi đền trong đời sống của người dân mà tác giả sẽ trình bày ở chương 3.

2.1. Đền Tân La trước năm 1986

2.1.1. Di tích và điện thần

Đền Tân La được nhân dân đặt tên theo hiệu của bà Vũ Thị Thục một nữ tướng thời Hai Bà Trưng, ngoài ra đền còn được dân gian gọi với cái tên là Bà Chúa Quạch. Theo truyền ngôn thì tên này được bắt nguồn từ hai giả thuyết: Một là, xưa kia vùng này trồng rất nhiều cây quạch để nhân dân lấy vỏ ăn trầu, hiện nay trải qua thời gian thì ở đền không còn cây quạch nào cả. Hai là, khi bà Vũ Thị Thục qua đây đóng quân thấy nhiều cây quạch đã cho quân lính lấy vỏ đem về để ăn với trầu, cho nên sau này khi bà mất nhân dân đã lập đền để thờ bà và gọi tên thần thuộc là đền Bà Tân La hoặc đền Bà Chúa Quạch. Tên ban đầu của đền là đền Tiên La, để phân biệt đền với đền Tiên La – Thái Bình, dân làng gọi đền là Tiên La cây quạch. Đến năm 1991, trước khi đền được công nhận là di tích cấp quốc gia, người dân trong làng đổi tên đền là Tân La để phân biệt rõ với đền Tiên La ở Thái Bình.

Đền Tân La tọa lạc trên một khuôn viên rộng khoảng 7000m², xung quanh đền được che phủ bởi rất nhiều cây cổ thụ to lớn tạo thành một khu rừng nhỏ ở giữa vùng quê. Theo kể lại, xưa kia nơi đây là một khu rừng rậm rạp với đủ loại cây, cây móc, cây tre, cây trúc, đặc biệt là có rất nhiều cây quạch. Nơi đây còn có rất nhiều chim muông về cư ngụ. Do ở đây có nhiều cây cối rậm rạp để ẩn náu cho nên bà Vũ Thị Thục đã chọn làm chỗ đóng quân. Dấu tích ngày nay vẫn còn một ao nhỏ mà nhân dân địa phương gọi là ao lá cờ. Theo truyền thuyết xưa kia bà Thục Nương đã cầm cờ chiêu mộ binh sỹ đứng lên khởi nghĩa tại đây.

Theo dân gian truyền lại, đền Tân La được khởi dựng từ sớm, sau khi Bà mất, để tưởng nhớ đến công lao to lớn của vị nữ tướng tài ba đức độ, phò Hai Bà

Trung cứu nước. Ngoài làng Phượng Lâu và làng Đoàn Hùng (nơi sinh và nơi mất của Bà) nhân dân lập đền thờ Bà, tại thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê, tương truyền là nơi bà đóng quân cũng được nhân dân cũng lập đền thờ.

Đền Tân La lúc đầu có quy mô nhỏ, chỉ là một miếu thờ nhỏ đặt cạnh gốc cây cổ thụ. Dân làng lúc này có người tin và cũng có người không tin về sự linh thiêng của ngôi miếu. Đến khi họ gặp nhiều sự việc lạ lùng, linh thiêng thì dân làng rất sợ. Nhân dân trong làng cùng nhau đóng góp tu sửa lại đền nhưng cũng chỉ là tranh tre nứa lá 3 gian đơn giản. Điện thần đền lúc này chỉ có ban thờ Đại tướng Đông Nhung Bát Nàn tướng quân Vũ Thị Thục.

Thời kỳ chống Pháp năm Mậu Thìn 1928, tổng lãnh binh Lãnh Thành là người Cao Cương (hiện nay ở Nhật Tân – Tiên Lữ - Hưng Yên) làm tỉnh đội trưởng được Mẫu báo mộng cho ông phải về kiến thiết sửa chữa đền Tân La nên ông đã quyết định về hưng công và hô hào nhân dân cùng đóng góp tu sửa lại đền bằng gỗ lim vững chắc với ba gian Tiền tế và một gian Hậu cung làm kiểu đao cong 4 mái. Sau khi đền được trùng tu, để cảm ơn ân đức của ông dân làng cứ đến ngày hội chính lại cho 4 người khiêng kiệu sang mời ông về dự lễ hội. Sau này do ông cảm thấy phiền hà cho dân làng nên ông chỉ cần dân làng mang lễ hàng năm sang cho ông.

Điện thần của đền giai đoạn này thờ thần bản đền Mẫu Bát Nàn Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục. Cung cấm thờ Mẫu bản đền Đại tướng Đông Nhung Bát Nàn tướng quân Vũ Thị Thục, trang phục của Mẫu Bát Nàn là quần áo màu vàng. Quy mô ngôi đền lúc này khá nhỏ, cổ kính. Mẫu Cửu Trùng Thiên thời kỳ này được thờ ngoài trời, trang phục của Mẫu Cửu Trùng Thiên ở đền là trang phục trắng hoặc đỏ và ngự ở chín tầng mây.

Khoảng năm 1975-1976, khi nhà nước cải cách văn hóa, thực hiện chính sách bài trừ cấm mê tín dị đoan, nhiều đình đền chùa bị tháo dỡ, đền Tân La cũng là một trong những ngôi đền ở Hưng Yên bị như vậy. Các cột gỗ của đền bị chính quyền tháo dỡ để sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. Toàn bộ tượng của đền bị đem chôn ở lò vôi được đào để xây dựng trường học, chuông của đền thì bị bán cho cửa hàng đúc đồng, các tượng con bị mất hết, hiện nay chỗ chôn tượng Mẫu nằm

gần ở Ủy ban xã, quản đền lúc này chỉ kịp dấu tượng Mẫu Cửu Trùng Thiên sang đình của làng nên không bị mất. Theo như lời ông trưởng thôn N.K.H nói: *“Ông nhớ y nguyên chỗ mà ngày trước cán bộ văn hóa đã chôn tượng, họ dùng xe bò chở toàn bộ tượng ra đổ ở lò vôi”*. Thời kỳ này toàn bộ đền bị rào lại bằng những thanh tre, cấm cho người dân không ai vào lễ. Đền Tân La có sắc phong do triều đình phong kiến nhưng do bị ảnh hưởng của cải cách văn hóa và một thời gian đền liên tục bị mất trộm cổ vật quý nên hiện nay đền không còn lưu giữ một sắc phong nào.

2.1.2. Việc trông coi quản lý đền

Trước năm 1945, xung quanh đền toàn là ruộng thuộc quyền quản lý của đền, ai được dân làng tín nhiệm bầu làm quản đền thì sẽ được phân cho canh tác ở ruộng. Toàn bộ số thóc thu được ngoài việc quản đền sử dụng cho công việc nhà đền thì cũng có thể dùng cho việc của cá nhân quản đền. Thời bấy giờ, dân làng còn nghèo đói, được có ruộng canh tác từ đó giải quyết được vấn đề lương thực là vô cùng quan trọng.

Quản nhang thời kỳ trước năm 1984 là cụ Lãng người làng Đoàn Thượng, nay đã mất. Ông P.V.L (BQL di tích), người đã làm trong BQL hơn 30 năm chia sẻ với tôi: *Từ năm 1986 trở về trước, đền Tân La không có BQL di tích, không có ban kiến thiết mà chỉ có một người chủ nhang phụ trách trông coi đền. Người này do dân làng tín nhiệm bầu ra, những người được phép bầu phải là những người cao tuổi, có địa vị trong làng. Toàn bộ tiền giọt dầu, công đức ở đền là do người quản đền thu và trực tiếp quản lý, dân làng không quản lý tiền này. Người quản đền có trách nhiệm trông coi, mua lễ vật cúng lễ từ số tiền này. Tiền thu được trong năm nếu sau khi chi tiêu còn thừa thì sẽ dùng tiền đó để xây dựng, kiến thiết, sửa chữa đền*”. Khi đền Tân La bị rào lại không có hoạt động gì, quản đền thời kỳ này không có việc, không có thu nhập phải làm bánh chưng, bánh quả bòng đi bán.

2.1.3. Sinh hoạt nghi lễ

*** Các lễ tiết trong năm**

Trong một năm, ngoài các ngày Sóc, Vọng, ở đền Tân La có các lễ tiết theo âm lịch sau đây:

- Ngày mùng 6 tháng Giêng làm lễ Thượng nguyên (lễ mở xuân, lễ xông đèn);
- Tháng 3 lễ cáo yết khai hội, rước nước, lễ hội chính;
- Đầu tháng 4 làm lễ vào hạ, tạ hội;
- Tháng 7 làm lễ tạ hè vào thu;
- Ngoài 15 tháng Chạp cúng tiệc cuối năm;

Dưới đây là một số lễ tiêu biểu:

- Lễ mộc dục (tắm tượng thần và lau chùi đồ thờ) vào ngày 26 tháng Chạp: Nghi lễ này được chuẩn bị kỹ càng và việc lựa chọn người tham gia vô cùng quan trọng. Những người được lựa chọn là những người không có tang chế, khỏe mạnh, sạch sẽ. Ban tắm rửa gồm 5 người và toàn là nam giới, đây là những người có địa vị, cao tuổi và được kính trọng ở trong làng. Nước dùng cho lễ mộc dục được lấy từ giếng làng vào buổi sáng sớm, sau đó được đưa về đền để làm lễ.

- Lễ giao thừa: Dân gian tin rằng, mỗi năm trên thiên đình lại phái một vị quan hành khiển xuống coi sóc việc ở cõi nhân gian, vào ngày lễ này quan cũ bàn giao công việc cho quan mới. Trong buổi tiễn đưa người nhà trời đã cai quản mình năm cũ và đón người nhà trời mới xuống làm nhiệm vụ cai quản hạ giới năm tới, đền Tân La cũng bận rộn với việc chuẩn bị lễ cúng giao thừa. Lễ vật dâng cúng có lễ chay (trong đền), lễ mặn dâng ban các quan ngoài sân. Đúng giờ khắc thiêng liêng 12h, sau ba hồi trống, chiêng, cụ thủ nhang thay mặt Ban quản lý làm lễ giao thừa. Nội dung khẩn báo cáo công việc đã làm được trong năm và xin lộc tài, sức khỏe, công danh trong năm tới. Tại ban trung thiên ngoài sân, thủ nhang nhà đền khẩn các quan “Đương niên hành khiển”, quan năm phương, quan bộ hạ, quan thổ thần long mạch khu di tích. Thay bằng tiếng pháo râm ran tung bừng của thời xưa là những tiếng trống, chiêng điểm suốt trong quá trình hành lễ cho đến khi kết thúc.

- Lễ cúng cô hồn: Cũng như ở nhiều làng quê khác, lễ cúng cô hồn được thực hiện hàng năm ở đền. Đây là lễ cúng cho các vong hồn không nơi nương tựa, thường ăn mày ở cửa đình, đền được tổ chức vào ngày 7 âm lịch. Đồ cúng gồm lễ chay, lễ mặn, dưới sân được trải chiếu bày các bát cháo đã được mức sẵn, thêm vào đó có, hoa quả, bánh kẹo, tiền vàng, quần áo mũ chúng sinh. Trước cổng đền, các

gốc cây được kết các khoanh bồ đài đựng cháo bằng lá đa và kèm thắp hương bên cạnh. Theo đó “Mọi người khi cúng cháo tin rằng các cô hồn, những cô nhi yếu vong, những chiến sĩ chết trận, những người chết đường, chết chợ, những người chết không ai biết, không ai cúng giỗ sẽ tới phôi hường lễ cúng, làm phúc trong ngày xá tội vong nhân này” [2, tr. 416]. Chủ trì là quản đền cùng với cụ cao tuổi và người dân trong làng.

- Lễ mừng ngày sinh (15 tháng 8 âm lịch): Đây là ngày lễ mừng sinh nhật Đại tướng Bát Nàn Đông Nhung Vũ Thị Thị Thục. Chủ trì lễ cúng là Quản đền, lễ cúng có sự tham gia của các cụ cao tuổi trong làng, lễ cúng được thực hiện đơn giản. Lễ vật dâng Mẫu bao gồm một mâm cơm chay, cơm nắm muối vừng và hoa quả nước ngọt.

*** Hoạt động lễ hội**

Trong các hoạt động nghi lễ trong năm thì lễ hội là dịp tế lễ quan trọng nhất. Có thể xem xét việc tổ chức lễ hội đền Tân La trước 1986 theo hai mốc sau đây:

- Lễ hội trước năm 1945:

Trước năm 1945, lễ hội đền Tân La được tổ chức rất sôi nổi, mỗi lần tổ chức kéo dài hết cả tháng 3. Sau một vụ mùa làm vất vả, cứ mỗi khi đến mùa lễ hội là dịp để người dân địa phương tạ ơn Mẫu, cầu mong vụ mùa mới sẽ bội thu và vui chơi giải trí để phục hồi sức khỏe.

Lễ hội bắt đầu từ ngày mùng 1 cho đến hết tháng 3 âm lịch, trong đó từ ngày 15 đến ngày 17 âm lịch là 3 ngày hội chính, ngày 17 tháng 3 là ngày giỗ của Mẫu. Từ đầu tháng 3 đã có các buổi biểu diễn văn nghệ, giao lưu giữa các làng trong xã, các trò chơi dân gian diễn ra thường xuyên như đấu cờ, thi đập niêu, chơi gà, kéo co, bịt mắt bắt vịt... Đội múa lân, đội tế và rước kiệu tập luyện liên tục để chuẩn bị cho ngày lễ chính thức.

Trước khi lễ hội diễn ra, các cụ già trong làng cùng nhau họp bàn cho các công việc của lễ hội, nhân dân trong xã đã tụ họp về đền để cùng chuẩn bị và làm lễ tế Mẫu. Dân làng chuẩn bị những mặt hàng cần thiết để phục vụ cho lễ hội. Ngay từ đầu tháng 3 cửa đền đã được mở để cho người dân trong xã đến tham dự. Việc lựa

chọn người tham gia vào đội tế lễ, rước kiệu được các cụ bàn bạc kỹ càng, mọi người tham gia vào lễ hội một cách tự nguyện, việc được lựa chọn vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ đối với cộng đồng. Tùy theo những công việc khác nhau mà làng định ra một số tiêu chuẩn để lựa chọn người tham gia. Các tiêu chí được lựa chọn chủ yếu là: Sức khỏe, vị trí trong xã hội, hình thức đẹp, đạo đức tốt, gia đình song toàn, nam thanh, nữ tú... Riêng đội rước kiệu nam thanh nữ tú được lựa chọn phải đủ 18 tuổi. Dân làng cử một Ban bộ lễ để chuẩn bị công việc của nghi thức tế lễ. Người được lựa chọn phải là những người cao tuổi, có tín nhiệm trong làng. Ban bộ lễ phụ trách mọi công việc tế lễ tại cửa đền, họ sẽ lựa chọn người tham gia tế lễ. Tiêu chuẩn để lựa chọn người tham gia tế lễ rất khắt khe, phải là những người cao tuổi, có đạo đức, gia đình toàn vẹn, con cái ngoan ngoãn. Dưới Ban bộ lễ là Ban chấp sự, chịu trách nhiệm trực tiếp về tế lễ. Đội tế bao gồm: 1 chủ tế là người chịu trách nhiệm chính trong việc tế thần, 2 bồi tế, 2 người xướng các nghi thức trong lúc tế và 12 người chấp sự là người dâng đồ cúng lễ. Những người được lựa chọn tham gia đội tế và rước kiệu phải tập luyện thường xuyên trong 1 tháng để chuẩn bị cho ngày biểu diễn chính thức.

Theo như lệ truyền thống thì năm nào lễ hội đền Tân La cũng tổ chức lễ rước. Lễ rước sẽ được tổ chức trong 3 ngày từ 15/3 đến 17/3 âm lịch gồm 2 phần là tế lễ và rước kiệu. Tế lễ được tổ chức ở đền sau đó tiến hành rước kiệu.

Từ sáng ngày 10 tháng 3 âm lịch, dân làng tập trung ở đền để sắp xếp cờ, long, ghép đòn kiệu chuẩn bị cho hội rước. Sáng sớm ngày 14 tháng 3 âm lịch, chủ nhang cùng các cụ trong làng tổ chức lễ khai quang tẩy uế, dọn dẹp sạch sẽ cung cấm, thần điện. Sáng ngày 15 tháng 3 âm lịch rước Mẫu từ trong cung cấm ra sân đền để chuẩn bị làm tế lễ, đi kèm đưa võng cho Mẫu là một cụ già có sức khỏe, gia đình thuận hòa, con cháu đầy đủ, đưa võng là để cho dân làng thấy Mẫu hiển linh về dự lễ hội. Muôn dân trăm họ luôn tin rằng lễ hội là ngày tiệc tối linh của Mẫu, về lễ hội là để cầu an, cầu may. Sau khi võng ngự, dưới võng Mẫu được chải một chiếu sạch để cho dân làng chui qua, gái thì 9 lần, trai thì 7 lần, mỗi lần đi qua tâm niệm điều mình mong muốn, xin lộc Mẫu may mắn, khỏe mạnh. Sau khi làm lễ tế ở sân

đền xong, sẽ tổ chức lễ rước. Ngày 15/3 tổ chức rước kiệu Mẫu đi du ngoạn, chủ tế mặc quần áo chỉnh tề, dẫn đầu đoàn rước kiệu, đội tế lễ rước kiệu Mẫu dạo vòng quanh làng, qua các đình rồi xuống chùa Cao Thôn (chùa Hoàng Bà) lấy chân kinh về cúng. Theo như truyền thuyết về mẫu Bát Nàn, ngài là người phụ nữ khi trốn chạy quân Tô Định đã quy y cửa Phật, ngài mộ Phật và trọng kinh Phật. Chính vì vậy đến ngày hội phải xuống chùa rước kinh và trong lễ hội phải có ban thờ Phật. Trong đám rước có đội múa rồng uốn lượn cùng với điệu múa con đĩ đánh bông.

Ngày 16/3 tiến hành rước kiệu ra sông Hồng lấy nước, nghi lễ tổ chức được khởi hành từ sáng sớm đến tầm 10h thì kết thúc. Đoàn rước nước gồm cờ thần, phưong bát âm, hương án, kiệu long đình, kiệu chèo nước, chủ nhang, các cụ cao niên trong làng, sư thầy, các thiện nam, tín nữ. Đoàn rước nước ra đến sông Hồng phải vào giờ đẹp, giờ đẹp được chọn tùy theo từng năm và chỉ tiến hành trong buổi sáng. Sư thầy đi theo đoàn làm lễ cúng khấn trời đất, hà bá, lễ vật cúng là xôi thịt và thủ lợn. Sau khi làm lễ cúng xong, một vị cao niên trong làng thay mặt dân làng (đây là người được dân làng lựa chọn ra từ trước) thực hiện nghi thức múc nước vào chèo đựng. Sau khi múc xong, đoàn rước nước đi khắp làng trên xóm dưới rồi mới trở về đền. Nước được lấy về sau khi được làm lễ ở cung Mẫu sẽ được ban cho dân làng những ai ốm đau, trẻ em mỗi người một ít với mong muốn dùng nước này sẽ được Mẫu bảo vệ, che chở và nếu bị ốm đau sẽ nhanh chóng khỏi bệnh.

Ngày 17 tháng 3 âm lịch, đoàn rước mang chân kinh xuống trả ở chùa Cao Thôn. Sau đó dân làng làm lễ tế an vị Mẫu tại đền, kết thúc 3 ngày hội chính.

Trong 3 ngày hội chính, hôm nào cũng phải có một mâm cơm chay cúng Mẫu, trong đó bắt buộc phải có cơm nắm muối vừng. Đồ lễ được đặt trong mâm phủ vải nhiều đỏ. Lễ vật cơm nắm muối vừng gắn liền với câu chuyện khi Bà Vũ Thị Thục lên thuyền xuôi theo dòng sông trốn quân Tô Định. Vì thương Bà nên người dân làm cơm nắm muối vừng cho Bà mang theo làm lương thực, đây là lễ vật không thể thiếu để cúng Mẫu trong ngày hội cũng như trong những ngày sóc, vọng hay những ngày trọng đại khác trong năm. Người được lựa chọn nấu cơm chay và làm cơm nắm muối vừng là người khéo tay, nấu ăn giỏi, gia đình hạnh phúc. Người

này phải chuẩn bị nguyên liệu một cách cẩn thận, gạo dùng để làm cơm nắm phải là gạo ngon, thơm, dẻo, muối dùng được lựa chọn từ những hạt vùng thơm, ngon nhất. Tất cả các nguyên liệu được chuẩn bị từ trước, đến sáng sớm ngày 15 tháng 3 âm lịch, những người ở ban phục vụ sẽ tiến hành chế biến thành các món ăn và trước 7h sáng phải có mâm cơm chay cúng Mẫu.

Trong những ngày hội đền có tổ chức hát chèo, thường diễn ra vào lúc khai hội, các ngày diễn ra lễ hội. Vào các buổi tối, các đội văn nghệ từ các thôn thay nhau biểu diễn phục vụ dân làng.

- Tình hình lễ hội sau năm 1945:

Sau năm 1945, xã Bảo Khê cũng như nhiều địa phương khác của miền Bắc đều rơi vào tình trạng nghèo đói, người dân ở đây cũng không có đủ điều kiện để tổ chức lễ hội, chính vì vậy lễ hội bị ngừng tổ chức.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, lúc này nhân dân phải tập trung sản xuất, khôi phục lại những hậu quả do chiến tranh để lại, chi viện cho tiền tuyến miền Nam nên các nghi lễ ở đền cũng không được tổ chức. Từ năm 1954 đến năm 1975 hầu như ở đền Tân La không tồn tại các thực hành tín ngưỡng một phần do chiến tranh và một phần do chính sách của nhà nước.

Mặc dù vậy nhân dân trong xã vẫn duy trì đèn nhang ở đền vào những ngày sóc, vọng, vào những ngày lễ hội nhà đền chỉ mở cửa đón khách chứ không tổ chức lễ rước như trước đây. Theo như lời kể của thầy cúng N.Đ.T (84 tuổi): *“Các nghi lễ ở đền không được tổ chức, chủ yếu do dân làng ai nhớ ngày, nhớ lệ thì ra làm lễ, ngày sóc, vọng ai ra được thì ra. Còn lễ hội đặc biệt là không được tổ chức trong thời gian này”*.

2.2. Đền Tân La từ sau năm 1986 đến nay

2.2.1. Di tích và điện thần

Bước vào thời kỳ đổi mới, sau năm 1986 với chủ trương bảo tồn về văn hóa, tự do về tín ngưỡng. UBND xã, quản đền cùng người dân đã tiến hành sửa chữa, tôn tạo lại đền. Toàn bộ tượng trong đền là do người dân cúng tiến, để tạc tượng Mẫu Bát Nàn Tân La họ phải sang tận đền Tiên La Thái Bình lấy hình mẫu về tạc.

Tượng Mẫu Cửu Trùng Thiên được đưa từ đình về thờ và được chuyển từ thờ ngoài trời vào thờ ở cung Đệ nhị, việc chuyển nơi thờ Mẫu Cửu Trùng là do ý của đồng đền N.T.M. Tổng thể đền như hiện nay là kết quả của nhiều lần trùng tu, tôn tạo. Năm 1989 đã tu sửa lại cung cấm đền Mẫu.

Năm 1991, để được công nhận là di tích cấp quốc gia, đền phải xây dựng cổng đền. Cổng đền trước ở ngay trước mặt cửa đền nhưng sau đó do chật hẹp và muốn tạo thành một hệ thống đền Tân La cùng đền Công Đồng mà cổng đền được di chuyển ra phía ngoài ngay cạnh đình Đoàn Thượng. Ngày 25 tháng 01 năm 1991 Đền Tân La được nhà nước xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa và nghệ thuật cấp quốc gia.

Năm 1994, sửa chữa lại cung Đệ nhị, năm 1996 BQL đền tiến hành xây dựng cung đệ tam đền mẫu, giai đoạn này có kiến trúc theo kiểu chữ tam. Năm 2000 xây lầu Cô, lầu Cậu; năm 2007 xây nhà khách; năm 2010 sửa lại cung đại bái của đền Mẫu, năm 2010 xây dựng thêm cung Công đồng (gian Tiền tế). Lần trùng tu tôn tạo đền gần đây nhất là năm 2012, đây là lần trùng tu lớn nhất của đền với sự tham gia chỉ đạo của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hưng Yên, nằm trong chương trình mục tiêu quốc gia và đền được cấp kinh phí để sửa chữa, ngôi đền được tu sửa lại toàn bộ khuôn viên và một số hạng mục trong đền. Khoảng năm 2013, theo ý kiến đóng góp của nhiều thanh đồng, quản đền T.V.A đưa Mẫu Cửu Trùng Thiên xuống thờ ở cung cô Chín, việc này làm cho bà N.T.M (quản đền cũ) không hài lòng và yêu cầu phải chuyển về thờ ở cung Đệ Nhị. Nếu cứ để thờ ở cung cô Chín mà dân thôn bản làng có bị lụi bại thì quản đền phải chịu trách nhiệm. Chính vì vậy quản đền lại đưa vào thờ ở cung Đệ Nhị như cũ.

Hiện nay, đền Tân La có cấu trúc gồm các tòa: Tiền tế, Trung từ, Ông muống và Hậu cung.

Từ ngoài vào cách cửa đền khoảng 15m là Nghi môn được dựng kiểu chồng diêm, hai bên có hai trụ biểu. Phần cổ diêm phía trên đắp hổ phù, phía dưới ghi 4 chữ Hán “*Tân La linh từ*”. Cận cửa chính là hai cửa phụ kiểu uốn vòm.

Phía trước cửa đền còn có một hồ bán nguyệt, trước kia hồ bán nguyệt cũng khá rộng nhưng về sau hồ bán nguyệt bị san lấp một phần để làm sân đền. Hiện nay, hồ được khôi phục nhưng bị thu nhỏ lại, xây thành xung quanh hồ, trong hồ có nuôi rùa và cá vàng. Phía trước sân đền còn có cây sung cổ thụ xòe tán xanh tốt che mát cho hồ bán nguyệt.

Tiếp đến là khu nội tự, các hạng mục chính của đền có phần mái lợp ngói ta. Đường bờ tường nóc tiền tế đắp lưỡng long châu hổ phù ngậm chữ Thọ. Qua ngưỡng cửa bức bàn vào bên trong 3 gian tiền tế. Các bộ vì tiền tế làm kiểu giá chiêng giả cổ. Phía trên xà ngang gian giữa treo bức cửa võng. Cửa võng được chia thành nhiều ô, trong mỗi ô được chạm thủng các đề tài tứ quý, tứ quý hóa tứ linh. Hai gian bên cạnh còn treo hai bức cửa võng chạm tích cửa long tranh châu.

Tại Tiền tế treo 4 bức đại tự sơn son thiếp vàng, trang trí rồng phượng. Nội dung đại tự như sau:

Tiên La từ
Đền Tiên La
Thánh cung vạn tuế
Cung thánh muôn tuổi
Trần triều hiển thánh
Vị Thánh triều Trần hiển linh
Trang chủ tọa sơn
Bà chúa tọa sơn

Gian giữa treo câu đối:

*“Trung Vương anh tài truyền vạn cổ
Nữ tướng uy hùng vĩnh thiên thu”*

Tại trung tâm đặt bàn thờ Ngũ vị tôn ông gồm 5 vị ngồi trong khám đầu đội mũ cánh chuồn, tay của mỗi vị được đặt theo các tư thế khác nhau. Các vị có tên như sau: Quan Thượng Thiên mặc áo đỏ; Quan Giám Sát mặc áo xanh; Quan Thủy phủ mặc áo trắng; Quan Khâm Sai mặc áo vàng; Quan Tuần Tranh mặc áo đen.

Bên trái gian trung tâm đặt bàn thờ Trần Triều, tượng Trần Triều được đặt trong khám, tạc ở tư thế ngồi, đầu đội mũ cánh chuồn. Gian hồi bên phải đặt ban thờ bà chúa Sơn Trang, tượng tạc trong tư thế ngồi.

Nối với gian Tiền tế là 3 gian Trung từ. Kết cấu các bộ vì tòa này được làm kiểu kèo cầu quá giang đơn giản. Gian giữa treo bức đại tự:

“Mẫu nghi thiên hạ”

Người mẹ uy nghiêm trong thiên hạ

Cạnh đó còn treo đôi câu đối có nội dung ca ngợi công thân. Gian giữa Trung từ đặt ban thờ Tam tòa thánh mẫu. Tượng đặt trong khám, tạc ở tư thế ngồi. Mẫu Thượng Thiên ngồi ở giữa, mặc áo đỏ, trùm khăn đỏ. Hai bên là mẫu Thoải mặc áo trắng, khăn trắng và mẫu Thượng Ngàn mặc áo xanh, khăn xanh.

Gian bên trái Trung từ đặt ban thờ 3 ông Hoàng, tượng tạc trong tư thế ngồi. Ông Hoàng Mười mặc áo vàng, ông Hoàng Bảy mặc áo xanh, ông Hoàng Ba mặc áo trắng. Gian bên phải đặt ban thờ Tứ phủ thánh châu.

Nối với Trung từ là một hạng mục (gọi là cung Đệ nhị) có kết cấu bộ vì làm kiểu kèo cầu đơn giản, ở cung này đặt ban thờ Mẫu Cửu Trùng Thiên, ban thờ này do mẹ con N.T.M (quản đền cũ) công đức xây dựng lên. Phía trên treo bức đại tự: “Phù Trung cứu quốc” (Bảo Đại thân Ty). Tiếp đến là 3 gian Hậu cung (còn gọi là cung đệ nhất). Hậu cung có kết cấu kiểu vì kèo đơn giản, gian giữa đặt ban thờ bà Vũ Thị Thục, tượng đặt trong khám, tạc ở tư thế ngồi, đầu đội mũ, mặc áo vàng. Bên ngoài khám đặt những án thờ bằng gỗ, bên trái đặt một số đồ thờ tự như: Bát hương, chân nến, lục bình...

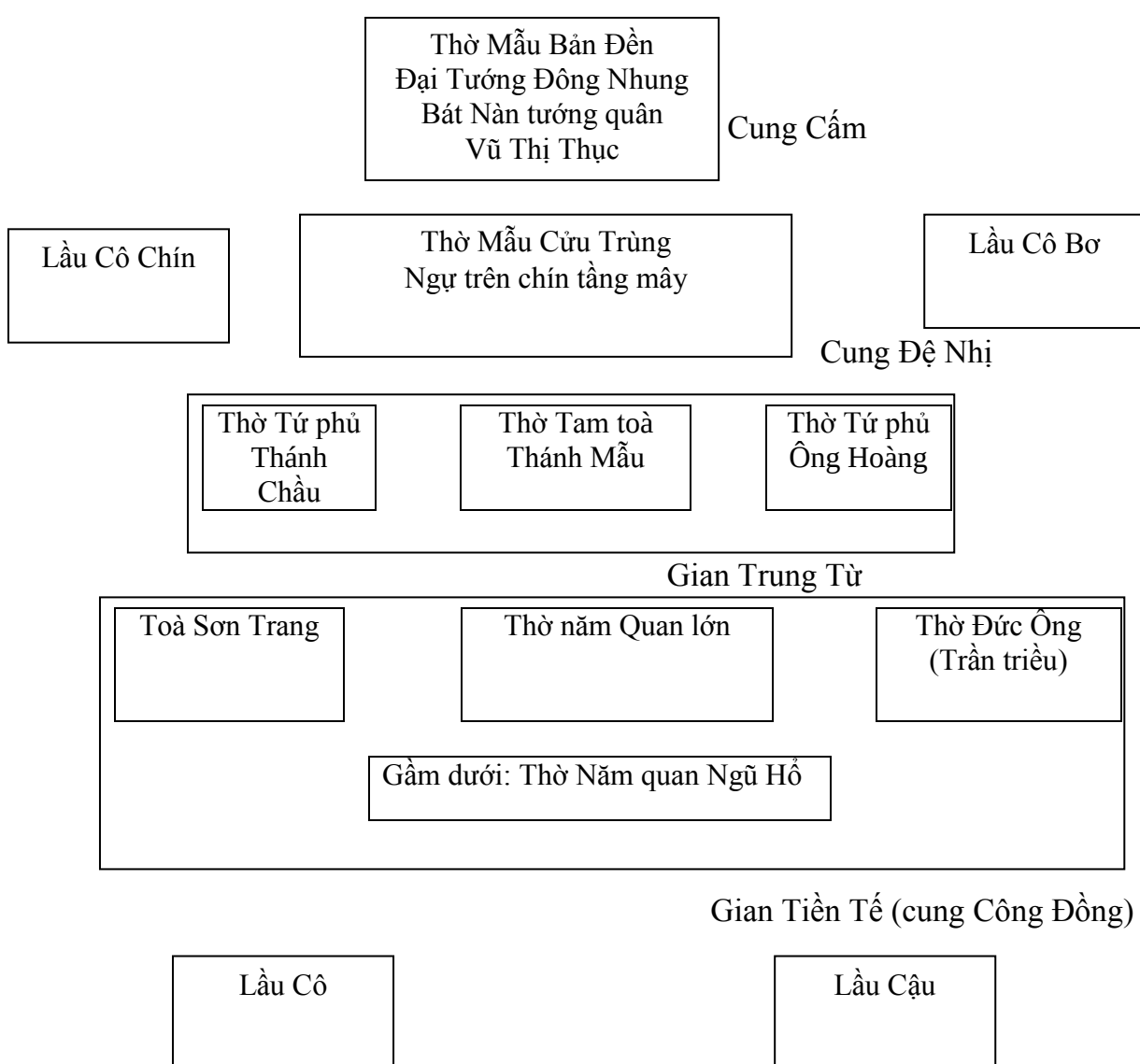
Phía bên trái đền là lầu cô Bơ được làm theo kiểu phương đình hai tầng tám mái. Phần cổ diềm đề chữ Hán “Đệ Tam Tiên cô”, bên trong lầu đặt ban thờ cô Bơ, tượng tạc trong tư thế ngồi trong khám.

Phía bên phải là lầu cô Chín được làm theo kiểu phương đình hai tầng tám mái. Phần cổ diềm đề chữ Hán tự “Đệ cửu Tiên cô”. Bên trong lầu đặt ban thờ cô Chín tượng tạc trong tư thế ngồi trong khám.

Phía trước sân đền là lầu Cậ và lầu Cô được làm theo kiểu 4 mái đơn giản. Nhìn chung đền Tân La là di tích có quy mô nhỏ nhưng cảnh quan cây cối xanh tốt đã tạo nên một vẻ đẹp vừa linh thiêng vừa trong lành đối với người dân có dịp về dâng hương lễ Mẫu.

Sự thay đổi điện thần của đền so với thời kỳ trước đó là việc phối thờ các thánh của tín ngưỡng Tứ phủ của người Việt ở đền Tân La, thể hiện qua việc xây thêm các cung, ban thờ các vị thánh Tứ phủ khi trùng tu đền.

Sơ đồ nội tự của đền Tân La hiện nay:



Ngoài ra trong quần thể di tích đền Tân La còn có đền Công Đồng, được cho là dưới quyền giám sát của Mẫu Tân La. Tên ban đầu của đền là đền Quan Lớn, có diện tích nhỏ như một ngôi miếu, được dân làng xây dựng từ khá sớm. Đến năm 2010, Ông Hựu – trưởng ban văn hóa xã tiến hành trùng tu xây dựng đền và đổi tên thành đền Công Đồng. Theo lời kể lại của các cụ cao niên, trước đây làng có 3 đền là đền Tân La, đền Quan Lớn và đền Công Đồng, thời kỳ 1975-1976, hai đền Quan Lớn và Công Đồng bị phá bỏ, sau đó dân làng xây lại đền trên đất đền Quan Lớn nhưng gọi là đền Công Đồng và thờ vua cha Ngọc Hoàng.

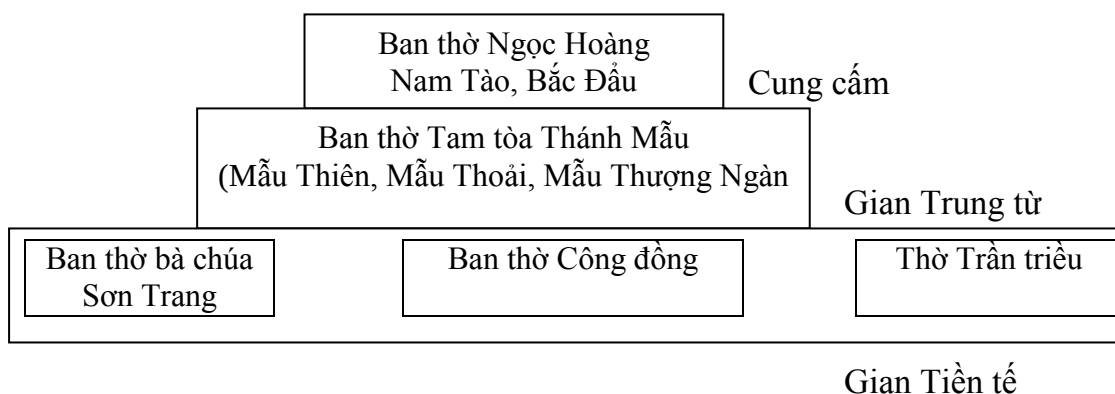
Đền Công Đồng có kết cấu chữ Tam gồm Tiền tế, Trung từ và Hậu cung, mặt tiền có hướng Tây, mái đền lợp ngói ta.

Tiền tế 3 gian, các bộ vì kèo làm theo kiểu giá chiêng đơn giản, gian giữa treo bức đại tự: “Ngũ nhạc trung linh”, hai bên treo đôi câu đối có nội dung ca ngợi công thần. Giữa đặt ban thờ công đồng để thờ những người có công với nhân dân, với nước. Gian bên trái đặt bàn thờ Trần Triều, tượng Trần triều được làm bằng gỗ trong tư thế ngồi. Gian bên phải là ban thờ bà chúa Sơn Trang.

Nối với Tiền tế là 3 gian Trung từ, kết cấu các bộ vì kèo làm kiểu quá giang đơn giản. Gian giữa treo bức cuốn thư: “*Mẫu nghi thiên hạ*”, phía dưới đặt ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu gồm mẫu Thượng Thiên ngồi ở giữa, hai bên là mẫu Thoải và mẫu Thượng Ngàn. Tượng tạc trong tư thế ngồi.

Nối với Trung từ là ba gian Hậu cung có kết cấu vì kèo đơn giản. Gian giữa đặt ban thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, đứng hầu hai bên là Nam Tào và Bắc Đẩu.

Sơ đồ nội tự đền Công Đồng:



2.2.2. Việc trông coi quản lý di tích

Bắt đầu từ năm 1991, khi đền được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia thì đền mới có BQL di tích. BQL di tích gồm có 05 người không bao gồm quản nhang, chịu trách nhiệm toàn bộ trong việc trông coi, trùng tu, tôn tạo đền. Hiện nay BQL di tích gồm có: Ông Đỗ Văn P (Trưởng BDT – CBVH xã); Ông Nguyễn Khắc H (Phó ban – Bí thư thôn Đoàn Thượng); Ông Phạm Văn L (Phó ban); ông Phạm Văn H (UV); Ông Nguyễn Quang Q (UV). Riêng ông L đã làm trong BQL từ năm 1991. Quản đền từ năm 1985 đến 1995 là cụ Lãng; cụ N.T.M làm quản đền từ năm 1995 đến năm 2010, cụ M là một thanh đồng, cụ làm 4 năm tổ trưởng các giã, 5 năm trong BQL di tích, 16 năm làm quản nhang của đền.

Việc quản lý đền Tân La hiện nay cũng có nhiều thay đổi, từ năm 2000 trở về trước thì người trông coi đền Tân La cũng theo đúng như lệ làng truyền thống. Nhưng từ năm 2009 khi cụ N.T.M - thủ nhang cũ vì tuổi cao không thể trông coi đền được nữa thì đã truyền lại cho ông T.V.A sinh năm 1965 người quê Thái Bình không phải người làng làm thủ nhang trông coi quản lý đền. Để được làm thủ nhang quản lý đền, cụ M đã nhận ông A làm con nuôi và nhập ông vào trong hộ khẩu của gia đình, ông A làm chấp tắc (giúp việc) cho cụ M. Việc chuyển lại cho người không phải là người làng làm quản lý đền của cụ M được dân làng và Ban quản lý di tích ủng hộ bởi một phần có sự giúp đỡ và ủng hộ của cụ M, xem xét gia đình nhà ông A là gia đình thuận hòa, có 2 con, ông cũng là người có đóng góp nhiều trong các lần trùng tu, tôn tạo đền. Hơn nữa ông T.V.A cũng là một thanh đồng có kinh nghiệm 37 năm đồng nên càng được dân làng ủng hộ. Thanh đồng T.V.A cũng là một trong sáu thanh đồng được vinh danh là nghệ nhân đồng thầy vừa được trao tặng vào tháng 4 năm 2016.

Kinh phí trông coi, quản lý ngôi đền hiện nay rất rõ ràng. Ông N.V H – Bí thư xã Bảo Khê có chia sẻ: *“Tiền công đức tại đền trong dịp lễ hội sẽ do BQLDT thu để Ủy ban xã quản lý. Tiền thu được sẽ sử dụng tổ chức lễ hội, trùng tu đền. Vào những ngày hội chính, BQL sẽ sắp người để đưa tiền giọt dầu của khách đặt trên các ban lễ vào hòm tiền công đức. Còn ngoài dịp hội, tiền giọt dầu ở đền do quản*

đền quản lý để duy trì đền nhang, cúng lễ ở đền. Còn các nghi lễ khác được tổ chức tại đền như hầu đồng, cúng lễ cầu may đầu năm cuối năm, lễ giải hạn... đều do quản đền tổ chức và trực tiếp quản lý nguồn thu này”.

2.2.3. Sinh hoạt nghi lễ

Thờ Mẫu Tân La là một việc làm diễn ra thường xuyên trong năm, vào các ngày Sóc, Vọng thì nhân dân địa phương và du khách thập phương đến lễ Mẫu với mong muốn cầu tài, cầu lộc, cầu danh cho gia đình và bản thân. Hiện nay các sinh hoạt nghi lễ chính của đền gồm:

*** Các lễ tiết theo âm lịch:** Các lễ tiết truyền thống ở đền vẫn được duy trì như trước năm 1986, nhưng sau khi phối thờ các thánh của tín ngưỡng Tứ phủ thì các lễ tiết truyền thống có thêm nghi lễ hầu đồng, như: lễ Thượng Nguyên, các lễ tạ trong năm, đại lễ tất niên. Việc xây dựng thêm cung cô Bơ và cô Chín nên có lễ tiết mới đó là: Tháng 6 làm tiệc mẫu cô Bơ tại lầu cô Bơ; tháng 9 làm tiệc mẫu cô Chín tại lầu cô Chín.

*** Lễ hội**

Sau một thời gian dài bị gián đoạn bởi chiến tranh, đến năm 1991 khi đền Tân La được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia thì lễ hội đền Tân La mới dần được khôi phục và bắt đầu được tổ chức trở lại.

- *Ban tổ chức lễ hội:* Từ khi đền được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1991, thì tất cả mọi hoạt động của đền đều dưới sự quản lý của chính quyền, từ việc tổ chức lễ hội đến việc quản lý tiền công đức của đền, việc xây dựng, sửa chữa đền. Việc tổ chức lễ hội đền Tân La hiện nay là do Ủy ban xã trực tiếp chỉ đạo và huy động các tổ chức, đoàn thể, cộng đồng tham gia. Ủy ban xã Bảo Khê phân công trực tiếp cho Ban Văn hóa xã, BQLDT lập kế hoạch, xây dựng chương trình, chuẩn bị nội dung và huy động lực lượng tham gia thực hiện lễ hội. Thành lập Ban tổ chức lễ hội với sự tham gia của các ban ngành đoàn thể. Điều này có thể thấy rõ trong bản họp bàn, phân công nhiệm vụ thực hiện lễ hội của Chi bộ Đảng.

Để tổ chức lễ hội, Ban tổ chức lên kịch bản chương trình, dự trù kinh phí. Hiện nay, Ban tổ chức đã định hình mô hình buổi khai mạc lễ hội theo một trình tự

cố định như sau: Trong ngày khai mạc lễ hội, đầu tiên là các tiết mục văn nghệ chào mừng, sau đó là đại diện Ban tổ chức lên đọc lý do tổ chức lễ hội và giới thiệu đại biểu về dự; Đại diện cho Ban tổ chức đọc tóm tắt về truyền thuyết và lịch sử của đền; Mời đại biểu dâng hương, sau đó là dân làng và khách thập phương vào dâng hương. Sau đó là rước kiệu và tế lễ.

- *Thời gian và địa điểm tổ chức lễ hội*: Hiện nay, cứ 3 năm đền Tân La sẽ tổ chức lễ rước một lần, còn những năm thường không tổ chức lễ rước mà chỉ có làm lễ tế ở đền. Lễ hội sẽ diễn ra trong 3 ngày từ 15/3 đến 17/3 âm lịch gồm 2 phần là tế lễ và rước kiệu. Tế lễ được tổ chức ở đền sau đó tiến hành rước kiệu.

Lễ hội đền hiện nay chuyển sang tổ chức ở đền Công Đồng, đồng đền Tân La chia sẻ: *“Trước đây thì lễ hội vẫn tổ chức vào sân chính của đền, nhưng từ khi xây thêm ban Công Đồng thì diện tích đền thu hẹp lại, việc tổ chức lễ hội ở đây khó khăn vì vậy BQLDT quyết định chuyển địa điểm tổ chức lễ hội sang tổ chức tại đền Công Đồng vì ở đây có sân rộng và có nhà Văn hóa thôn có thể sử dụng cho việc thay phục trang của đội tế lễ, đội văn nghệ”*. Việc chuyển đổi địa điểm tổ chức lễ hội cũng được dân làng ủng hộ và tự nguyện thực hiện. Vào ngày hội chính, kiệu Mẫu sẽ rước Mẫu từ cung cấm để sang đền Công Đồng tham dự tế lễ, múa lân. Sau đó kết thúc lễ hội lại rước Mẫu về đền Tân La.

- *Việc chuẩn bị*: Trước khi lễ hội diễn ra, BQLDT sẽ tiến hành họp, lập kế hoạch, bầu ra các ban chuẩn bị cho lễ hội, phân công các tiểu ban dọn dẹp, sửa chữa kiệu, ghép đòn kiệu, chuẩn bị đội rước kiệu, đội tế lễ. Ban tổ chức đã thành lập một ban trụ bị chịu trách nhiệm soạn và kiểm kê phục trang cho đội tham gia rước kiệu, cũng như càn cờ, quạt, cán cờ, khung lọng. Khiêng kiệu vòng cần 16 thanh niên là nữ giới sẽ được giao cho hội phụ nữ và đoàn thanh niên trong xã lựa chọn người. Tất cả những tiểu ban thực hiện đều phải tổ chức luyện tập.

Việc lựa chọn người tham dự vào đội tế lễ, rước kiệu cũng rất được chú trọng, chu đáo, chẳng hạn như việc chọn người khênh kiệu phải là nam thanh, nữ tú chưa vợ, chưa chồng. Việc lựa chọn người tham gia lễ hội hiện nay đã có nhiều thay đổi so với trước và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của địa phương nhưng

nhìn chung vẫn đảm bảo một số tiêu chuẩn truyền thống. Cụ thể, việc người được lựa chọn tham gia rước kiệu, cầm cờ, lộ bộ trước đây quy định là nam thanh nữ tú đủ 18 tuổi chưa vợ, chưa chồng nhưng hiện nay không nhất thiết là phải đủ 18 tuổi, có thể nhiều tuổi hoặc ít tuổi hơn nhưng cần phải có sức khỏe, đạo đức tốt.

Việc chuẩn bị cho nghi thức tế lễ cũng là khâu vô cùng quan trọng, thành viên đội tế lễ cũng họp bàn, luyện tập chu đáo nhiều ngày trước khi vào ngày hội. Phụ trách đội tế lễ là Ban bộ lễ do dân làng bầu ra, họ đều phải là những người cao tuổi, có đạo đức, có tinh thần trách nhiệm cao, quán xuyến toàn bộ công việc liên quan đến lễ tiết. Theo quy định, độ tuổi của những người tham gia tế là từ 45 tuổi trở lên, có phẩm chất tốt, gia đình hạnh phúc. Đội tế cũng có nhiều sự thay đổi có khác với đội tế truyền thống, chỉ bao gồm: 01 chủ tế và 30 thành viên trong đội tế.

Trong thờ cúng lễ vật biểu hiện lòng thành kính, sự tôn vinh và lòng biết ơn của dân làng đối với thần thánh. Sự dâng cúng lễ vật chính là sự dâng cúng tượng trưng những thành quả lao động mà nhân dân đã nhận được nhờ sự giúp đỡ của thần thánh. Trong lễ hội đền Tân La, việc chuẩn bị lễ vật dâng cúng Mẫu được thực hiện một cách kỹ càng, cẩn thận. Lễ vật dâng cúng Mẫu do người quản đền giao cho hai cụ trực tiếp chuẩn bị. Lễ vật gồm có: Thanh bông, hoa quả dâng Mẫu trong những ngày diễn ra lễ hội; trong 3 ngày lễ hội chính phải có mâm cơm chay cúng Mẫu, đặc biệt là phải có cơm nắm muối vừng. Mâm cơm chay được chuẩn bị chu đáo, từ những nguyên liệu tốt nhất được lựa chọn kỹ càng. Sau khi được chế biến xong thì các món ăn sẽ được người quản đền dâng vào cung cấm để lễ Mẫu.

Để chuẩn bị cho lễ hội thì ngay từ đầu tháng 3 mọi công tác chuẩn bị cho lễ hội đã được tiến hành. Khu vực đền, khuôn viên, nơi thờ Mẫu được lau chùi, dọn dẹp sạch sẽ, đường vào đền được quét dọn, sửa sang cho phong quang. Trước ngày tổ chức lễ hội, BQLDT kiểm tra lại toàn bộ khu vực xung quanh đền, sửa sang, dọn dẹp nơi thờ cúng, chuẩn bị thần điện cho những nghi lễ quan trọng nhất của lễ hội, sửa sang, dọn dẹp bên ngoài di tích, tạo sự thông thoáng, linh thiêng để đón tiếp du khách về dự hội.

BQLDT kết hợp với ban an ninh của xã cho dọn dẹp đường đường để phục vụ đoàn rước, cho cấm cờ ngũ sắc trên các con đường mà đoàn rước đi qua. Ban tổ chức lễ hội lên danh sách đại biểu và soạn giấy mời dự lễ hội, gửi giấy mời đến các đại biểu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, lên kế hoạch tuyên truyền, quảng bá cho lễ hội qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài phát thanh, truyền hình...

Ngay từ đầu tháng 3 âm lịch, một số hộ dân trong làng đã chuẩn bị dọn hàng quán để bán trong dịp lễ hội như bán đồ ăn, đồ lưu niệm,... Những người kinh doanh những trò chơi hiện đại phải đưa đồ đến lắp ráp hoàn thiện để phục vụ cho du khách. Tất cả những người làm dịch vụ trong dịp lễ hội đều phải được Ban tổ chức lễ hội cho phép, chỗ ngồi kinh doanh theo kế hoạch sắp xếp của Ban tổ chức.

-Nội dung phần lễ: Sáng ngày 14 tháng 3 âm lịch, chủ nhang cùng các cụ trong làng tổ chức lễ khai quang tẩy uế. Lễ vật là lễ chay dâng tại các ban trong cung cấm và trung từ. Khai quang với ý nghĩa xin phép thần linh lau rửa đồ tế tự cho thanh tịnh trước khi vào hội. Khai quang (nói chệch đi là khai công), tức là xua đuổi cái trần tục, làm thanh sạch để dâng cho các vị thánh [27, Tr. 115]. Lễ này do ông chủ nhang thực hiện, sau đó chủ nhang cùng các cụ tiến hành lau chùi ngai, đồ tế tự, sắp đặt đồ thờ, dọn dẹp các ban thờ bằng nước gừng và nước ngũ vị hương, quét dọn lại khu vực cung cấm, khu vực toàn bộ đền cho sạch sẽ, khang trang.

Sáng sớm ngày 15 tháng 3, chủ nhang làm lễ rước Mẫu lên kiệu và rước sang đền Công Đồng để dự các nghi lễ của lễ hội. Kiệu rước Mẫu phải có một cụ già đi theo để đưa võng cho Mẫu. Cụ già này phải là người có sức khỏe, gia đình thuận hòa, con cháu đầy đủ thành đạt. Kiệu Mẫu rước đến đâu là người già, trẻ em chui qua lại kiệu Mẫu để xin lộc của Mẫu, người ôm thì mong Mẫu ban lộc cho nhanh khỏe lại, trẻ em không nói được thì chui qua chui lại kiệu Mẫu nhiều lần thì về nhà sẽ nói được... 7h sáng ngày 15 tháng 3 âm lịch Ban tổ chức lễ hội tiến hành viếng nghĩa trang liệt sỹ, sau đó sẽ tổ chức lễ tế ở đền. Trước khi lễ tế diễn ra, có chương trình văn nghệ khai mạc lễ hội do đội văn nghệ của xã kết hợp với Đoàn chèo Hưng Yên biểu diễn. Sau khi chương trình văn nghệ kết thúc, đại diện ban tổ chức đọc

tiểu sử nữ tướng Vũ Thị Thục, sau hồi trống khai hội là lễ dâng hương của các đoàn đại biểu và du khách thập phương về dự lễ hội. Sau đó đến nghi thức rước kiệu, được chia thành các kỳ: Ngày 15/3 tổ chức rước chân kinh ở chùa Cao Thôn về cúng; ngày 17/3 rước chân kinh xuống chùa Cao Thôn làm lễ trả chân kinh. Chính hội là ngày 17 tháng 3 âm lịch trùng ngày hy sinh của bà là 17 tháng 3 năm Quý Mão (năm 43).

Lộ trình ngày 15/3 đi từ đền Tân La sang đình Đoàn Thượng, rồi xuống chùa Cao Thôn rước chân kinh, sau đó về đình Cao Thôn phát du làm lễ, về đình Tiền Thắng rồi về đền Tân La rước chân kinh lên thờ. Ngày 17/3 lộ trình như ngày 15/3 nhưng khác là đến chùa Cao Thôn làm lễ trả chân kinh. Sự tham gia của Chùa, Phật vào lễ hội của Mẫu cho thấy sự ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và Đạo Mẫu, Phật đã đi vào các đền phủ thờ Mẫu.

Những năm gần đây, so với lễ hội truyền thống có xuất hiện hầu đồng. Trước khi 3 ngày hội chính diễn ra, đồng đền sẽ tổ chức một buổi hầu đồng, được đồng đền gọi là hầu khai hội. Theo chia sẻ của quản đền buổi hầu đồng này hầu như là do con nhang, đệ tử góp tiền ủng hộ cho quản đền hầu. Trong buổi hầu có diễn các giá của Tam tứ phủ và giá của Mẫu Bát Nàn.

- *Nội dung phần hội*: Phần hội thường tổ chức các trò chơi như đấu cờ, bịt mắt đập niêu, bịt mắt bắt vịt, kéo co... Những trò chơi dân gian thu hút rất nhiều các bạn thanh niên, người dân trong xã tham gia.

Kéo co là trò chơi dân gian phổ biến trong các làng quê Việt Nam. Trước khi vào cuộc, ban tổ chức chuẩn bị: Dây thừng đường kính 3cm, dài 30cm, chính giữa buộc dải đỏ làm chuẩn. Trên sân kẻ 3 vạch cách đều nhau 1,5m. Lực lượng tham gia là thanh niên các thôn trong xã, mỗi đội 10 người (5 nam, 5 nữ). Trò chơi diễn ra tại sân nhà văn hóa thôn Đoàn Thượng. Bắt đầu cuộc thi mỗi bên giữ một đầu dây, sau hiệu lệnh của trọng tài, hai bên thi nhau kéo, bên nào khỏe hơn kéo đối phương vượt ra ngoài ranh giới bên ấy dành phần thắng.

Bịt mắt bắt vịt là trò chơi mới cách chơi đơn giản song vui nhộn, ai chơi cũng có thưởng. Phần thưởng chính là những chú vịt siêu nạc dành cho người chiến

thắng. Đối tượng tham gia chơi chủ yếu là nam giới có độ tuổi từ 18 đến 45 tuổi. Cách chơi như sau: sân chơi được vẽ 1 vòng tròn rộng 3m, quây bằng lưới để không cho vịt chạy ra ngoài. Ban tổ chức thả 2 con vịt nặng 1,5 đến 1,8kg vào trong vòng tròn. Mỗi lượt chơi có hai người, thời gian chơi là 5 đến 7 phút, người chơi được trọng tài bịt mắt bằng vải đỏ và đi vào vòng lưới. Hai người sẽ nghe theo tiếng vịt kêu để đuổi bắt, trong khi khán giả xung quanh hò reo cổ vũ mách cho người chơi biết vị trí của con vịt, cuộc chơi kết thúc khi một trong hai người bắt được vịt.

Trước kia ngoài các trò chơi truyền thống còn có tục chơi xóc đĩa, tổ tôm, hát ví, hát đối, hát ca trù, ngày nay chỉ còn lưu lại được hình thức hát chèo, hát văn trong ngày hội. Các trò chơi tại lễ hội hiện nay cũng có nhiều biến đổi, nhiều trò chơi mới, hiện đại đã xuất hiện. Như trò chơi đu quay ngựa, câu cá nhựa, máy bay... hầu hết các trò chơi này đều để phục vụ các em nhỏ theo bố mẹ đến tham dự lễ hội hay trẻ em ở trong xã.

Trong cả ba ngày tổ chức lễ hội vào buổi tối có tổ chức văn nghệ, đặc biệt là có các đội hát chèo, hát tuồng, hát trống quân, biểu diễn văn nghệ của đội văn nghệ xã, thôn, biểu diễn tại sân đền.

Trong ba ngày lễ hội chính tại đền, có nhiều thanh đồng mang theo con nhang đệ tử của mình đến để làm lễ cầu lộc, cầu danh, tiền tài... Khi chưa có chỗ để lễ các thanh đồng sẽ ngồi đợi để đến lượt của mình, những ngày lễ hội các cung văn cũng làm việc hết công suất. Thanh đồng N.T.L (chủ bản điện ở Trương Xá) chia sẻ: *“Năm nào cũng vậy cứ đến dịp lễ hội là tôi dù có bận đến mấy cũng phải đưa con nhang đệ tử của bản điện về với Mẫu Tân La, cầu xin Mẫu phù hộ cho công danh, sức khỏe, bình an, mong nhận được sự che chở và ban lộc của Mẫu”*.

***Nghỉ lễ hầu đồng**

Ngoài những nghi lễ theo cổ truyền thì ngày nay ở đền còn xuất hiện thêm nhiều hình thức nghi lễ mới, nổi bật là nghi lễ hầu đồng.

Lên đồng là nghi lễ chính của tín ngưỡng Tứ phủ cũng như một số dạng thờ Mẫu khác. Đó là nghi lễ nhập hồn của các vị Thánh Tam phủ, Tứ phủ vào thân xác

các ông đồng, bà đồng, là sự tái hiện lại hình ảnh các vị Thánh, nhằm phán truyền, chữa bệnh, ban phúc lộc cho các tín đồ đạo Mẫu [29, tr. 85].

Từ sau khi ngôi đền được Tứ phủ hóa thì các buổi hầu đồng cũng được tổ chức ở đền Tân La làm cho việc thờ cúng ở đền trở nên nhộn nhịp hơn. Dưới đây là các dịp diễn ra các nghi lễ hầu đồng chính ở đền:

- Hầu đồng trong các dịp lễ tiết âm lịch: Hầu đồng được diễn ra vào nhiều dịp trong năm, nhiều nhất là vào dịp đầu năm, cuối năm và đặc biệt là vào dịp lễ hội. Với những thầy đồng đền, trong một năm có lễ hầu Thượng nguyên (kết hợp hầu xông đền), lễ hầu Nhập hạ, lễ Tán hạ, lễ Tất niên,... Quan đền cũng là một thanh đồng nên nghi lễ hầu đồng được thực hiện thường xuyên ở đền và thu hút nhiều tín đồ tham gia. Đồng đền chia sẻ: *“Ngày mùng 6 tháng giêng hàng năm là cậu tổ chức hầu Thượng nguyên, xông đền. Năm nào có đủ kinh phí thì cậu sẽ chủ trì hầu, còn năm nào ngân xuyên không đủ, cậu sẽ xin phép Mẫu được mời thanh đồng khác mà năm đó có tuổi đẹp để hầu xông đền”*. Hầu xông đền với mục đích là khi bắt đầu một năm mới, đền lựa chọn được một thanh đồng tuổi đẹp hầu thì cả năm công việc nhà đền luôn thuận lợi, sau đó nếu có người tuổi xấu hầu ở đền thì cũng không sao. Ngày 1 tháng 4 âm lịch làm lễ khép hội, xin cầu an cho 3 tháng hè, ngày 1 tháng 7 âm lịch làm lễ tạ 3 tháng hè, xin lộc cho 3 tháng thu, chủ trì là quan đền, các lễ vật đơn giản nhưng bao giờ cũng là xôi chè, mâm lễ mặn, hoa quả, bánh kẹo để sau đó có thể tán lộc được cho nhiều người. Đại tiệc tất niên cuối năm vào ngày 26 tháng Giêng âm lịch, lễ rất lớn, có hầu đồng và tất cả đều do đồng đền chủ trì. Lễ được làm với mục đích cảm ơn Thánh Mẫu đã phù hộ, ban lộc và che chở cho dân làng trong cả một năm.

Những thanh đồng mà muốn hầu đồng tại đền phải liên hệ trước với đồng đền, sắp xếp thời gian và người phục vụ cho buổi hầu đồng đó. Mục đích hầu đồng tùy thuộc vào các thanh đồng, sau khi hầu ở đền xong họ sẽ phải trả cho đồng đền tiền “lệ phí” ghé hầu, trước thời gian hầu, các thanh đồng phải đến đền lễ Mẫu xin phép được hầu.

- Hầu đồng ngày thường: Đền Tân La thờ bà Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục, trong nghi lễ hầu đồng thì bà là mẫu Bát Nàn nằm trong Tứ vị Châu Bà gọi là Châu Bát Nàn (Châu Tám), nên hầu đồng thường xuyên được tổ chức ở đền quanh năm. Không chỉ có thanh đồng ở tỉnh Hưng Yên đến hầu mà còn rất nhiều các thanh đồng từ các tỉnh khác về đền để tổ chức nghi lễ hầu đồng với các mục đích khác nhau để giải tỏa cho vấn đề tâm linh của họ.

Đồng đền T.V.A cho biết, trong những năm gần đây khi tín ngưỡng thờ Mẫu phát triển và có chỗ đứng trong đời sống tâm linh của người Việt thì ngày càng có nhiều đồng thầy con nhang đệ tử đến hầu đồng. Đặc biệt có những ngày lễ khai xuân, khai hội hay tất niên phải có 3 đến 4 đồng cô, đồng thầy đến xin hầu Mẫu Tân La với những nghi lễ tiêu biểu như:

+ Lễ trình đồng mở phủ: Người có mệnh đồng (con nhà Tứ phủ) thì phải ra trình đồng, trong khóa lễ trình các giá hàng Quan Lớn giáng ứng đồng thầy để làm các thủ tục khai phủ gọi là trình đồng mở phủ. Những người trình đồng mở phủ ở đền có thể là những người có căn với Mẫu Tân La hoặc cũng có thể là những người không có căn với Mẫu bản đền.

+ Lễ cắt tiền duyên (cắt duyên âm): “Cắt Tiền Duyên” là việc tìm hiểu kiếp trước mình còn nợ tình ai đó, kiếp này “người ta” nấn ná, dùng dằng theo mình. Hễ cứ chớm yêu được cô (hay anh) nào thì “người ta” lại xông vào phá. Lễ cắt tiền duyên có nghĩa là nhờ thầy thay mặt mình mà lạy lục van xin người kiếp trước tha cho.

+ Lễ Khất đồng: Người đã biết mình có căn quả, nhưng do điều kiện hoàn cảnh, điều kiện kinh tế và nhiều lý do chính đáng khác chưa thể nào ra trình hầu được, đến một thời điểm nào đó hợp lý có thể nhờ thầy làm lễ xin khất đồng (hoãn việc ra trình đồng). Tùy theo mệnh căn mỗi người mà có thể khất đồng được 1 khóa là 3 năm, 2 khóa là 6 năm, 3 khóa là 9 năm hoặc 4 khóa là 12 năm.

+ Lễ tiền căn: Có những người mang căn đồng nhưng chưa có duyên phận hoặc là người mà bản thân không phù hợp với việc múa đồng (què chân, gãy tay,...) hoặc là người tuổi tác đã cao, già yếu, thì đều có thể xin tiền căn để yên bản mệnh,

không phải trình đồng mở phủ. Việc này sau khi làm lễ tiền căn xong thì người xin tiền căn không còn mang mệnh đồng nữa, cuộc sống của người đó cũng như những người bình thường khác, làm công việc đường trần sẽ thuận lợi.

+ Trả nợ mã Tam phủ, Tứ phủ, trả nợ tào quan: Có những người không có mệnh đồng nhưng vì tiền kiếp có những mối liên quan tới nợ nần, hứa hẹn điều gì với Thánh Thần hoặc vì những lý do đặc biệt nào đó mà phải trả nợ mã cho Tam phủ, Tứ phủ thì cuộc sống mới được yên ổn, làm ăn không bị thất bát... Sau khi trả xong nợ mã rồi thì mọi sự yên vui, gia đình thuận hòa, làm ăn thuận lợi.

Các nghi lễ này ngoài đồng đền làm thì bất cứ thanh đồng nào cũng có thể làm lễ trình đồng mở phủ tại đền nhưng phải có sự liên hệ trước với nhà đền, xin phép Mẫu cho làm lễ và gửi đồng đền phí lễ tại đền.

*** Các nghi lễ khác:**

- Lễ dâng sao giải hạn: Mỗi dịp đầu năm, tùy theo tuổi tác và giới tính khác nhau mà theo quan niệm của mọi người có thể gặp các sao chiếu khác nhau. Đó có thể là sao chiếu tốt hoặc sao chiếu xấu. Nếu gặp sao chiếu hạn xấu để hóa giải vận hạn, người ta thường cúng hay làm lễ dâng sao giải hạn đầu năm tại nhà, chùa, đền hoặc một thần điện nào đó. Ở đền Tân La, cứ sau rằm tháng Giêng lại có rất nhiều thanh đồng dẫn con nhang đệ tử của mình đến đền để cúng lễ dâng sao giải hạn, xóa bỏ những điều xấu mà sao đó đem lại trong một năm cho bản thân mình.

- Lễ bán khoán cửa đền: Sinh một đứa con như ý đã khó, nhưng nuôi con cái còn khó trăm bề. Đứa dễ nuôi thì không sao, đứa khó nuôi, hay ốm đau hoặc “trai mừng một, gái hôm rằm” thì phải bán khoán con cho người khác hoặc nhà chùa, cửa Thánh. Việc bán khoán con còn phụ thuộc vào ngày giờ sinh của bé có phạm xấu không hoặc cung mệnh của bé với cung mệnh của bố hoặc mẹ có khắc nhau không. Bán khoán con vào đền là gửi con cho Mẫu, cho Thánh để Mẫu gia ân bảo hộ cho con mình. Việc các gia đình bán khoán vào đền Tân La đã diễn ra từ rất lâu, những đứa trẻ bán khoán vào đền đến năm 13 tuổi sẽ làm lễ chuộc con về nuôi. Đồ lễ là hương, hoa, trầu, cau, trái quả, dâng, trà,... Thầy cúng viết một lá sớ xin bán khoán đứa bé và một tờ khoán thành hai bản. Tờ khoán này như tờ văn tự bán con cho

Mẫu, có dấu của đèn, gia đình cầm tờ khoán này mang về nhà treo ở đầu giường của đứa bé. Hết thời gian bán khoán thì lại mang tờ khoán đó đến đèn làm lễ bán khoán để chuộc đứa con về và hóa tờ bán khoán tại đèn.

2.3. Nhận định về sự biến đổi của đèn Tân La

Đèn Tân La tồn tại và phát triển cùng với sự vận động và phát triển của lịch sử, bên cạnh việc giữ những cái cũ thì đèn Tân La còn tích hợp các yếu tố mới theo xu hướng thích nghi, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, xã hội ở thời hiện đại. Trong khuôn khổ luận văn này, bước đầu tác giả luận văn đưa ra một số nhận định về sự biến đổi của đèn Tân La như sau:

2.3.1. Quy mô kiến trúc và điện thần đèn Tân La được mở rộng theo thời gian

Có thể xem xét quy mô kiến trúc và điện thần đèn Tân La theo các mốc thời gian chính sau đây:

- Thời gian đầu: quy mô nhỏ, đơn giản, chỉ có một cung thờ nữ tướng.
- Thời gian tiếp theo gắn với vai trò của tổng lãnh binh Lãnh Thành (năm Mậu Thìn 1928): Tu sửa lại đèn xây dựng thêm cung Đệ nhị.
- Thời gian từ sau 1986: bổ sung thêm cung III (Trung từ) thờ hệ thống Tứ phủ và xây dựng gian Công đồng (Tiền tế).

Khi đèn được trùng tu, dựa trên nền tảng thờ Nữ thần, Mẫu thần của đèn mà người dân nơi đây đã phối thờ trong đèn các vị thánh của tín Tứ phủ của người Việt. Sự phối thờ này cũng theo quy luật chung hiện nay của các ngôi đền thờ Mẫu. Tục thờ Mẫu và đạo Mẫu Tứ Phủ có những nền tảng chung là tôn thờ Nữ thần và thờ Mẫu thần, nên nó có sự thâm nhập và ảnh hưởng tín ngưỡng Tứ phủ là hiện tượng bình thường, nhất là khi châu Bát Nàn trở thành một vị nổi tiếng trong hàng châu của tín ngưỡng Tứ phủ. Chính nhờ uy linh của châu Bát Nàn cũng như sự Tứ phủ hóa ngôi đền thờ Bà đã góp phần làm cho đèn Tân La nổi tiếng hơn trước bởi sự quảng bá của các thanh đồng, các tín đồ đạo Mẫu.

2.3.2. Chuyển đổi hình thức quản lý và trông coi đền

- Chuyển đổi mô hình quản lý từ truyền thống sang hiện nay: Trước đây mọi công việc của đền đều do quản đền thực hiện, khi thành lập BQLDT thì BQL chịu

trách nhiệm quản lý mọi công việc của đền. BQL lên kế hoạch các công việc trong năm, tổ chức lễ hội, giám sát hoặc thực hiện trùng tu, sửa chữa đền; Quản đền làm nhiệm vụ trông coi đền, đèn nhang, cúng lễ. Với mô hình quản lý như vậy, quản đền và BQLDT ít nhiều có sự mâu thuẫn. Tháng 6 năm 2016 Quản đền tiến hành sửa chữa khu vực nhà khách nhưng không báo cáo cho BQL, chính vì vậy làm cho BQL không hài lòng và đã tổ chức hội nghị về vấn đề tự ý sửa chữa đền của quản đền. Mặc dù qua hội nghị vấn đề đã được giải quyết nhưng vẫn tồn tại những mâu thuẫn nhất định.

- Thay đổi cách thức quản lý nguồn thu chi: Hiện nay, theo quy định thì BQLDT quản lý toàn bộ nguồn thu trong lễ hội, ngày thường do quản đền quản lý. Chính điều này cũng tạo nên sự mâu thuẫn, quản đền cho rằng những ngày thường thì tiền giọt dầu không đáng là bao, nguồn thu chủ yếu là trong lễ hội nhưng BQL không chia cho ông một chút nào cả. BQLDT lại cho rằng, ngày thường ở đền tuy có ít người đến lễ nhưng các ngày trong năm có nhiều sự kiện, nhiều thanh đồng đến hầu đồng, quản đền cũng thường cúng lễ cho các tín đồ nên số tiền thu được của quản đền là không nhỏ...

2.3.3. Mở rộng tầm ảnh hưởng và đa dạng hóa các thực hành nghi lễ

Điểm nổi bật thể hiện sự mở rộng tầm ảnh hưởng ra khỏi địa phương của đền Tân La là ở xu hướng trở thành trung tâm thờ Mẫu Tứ phủ của tỉnh Hưng Yên. Hiện nay đền Tân La được chọn làm địa điểm sinh hoạt chính của CLB nghiên cứu và bảo tồn đạo Mẫu Việt Nam chi nhánh Hưng Yên trực thuộc trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn đạo Mẫu Việt Nam. CLB được thành lập từ năm 2014 tại đền, ngày mùng 1 tháng 7 năm 2016 CLB kỷ niệm một năm thành lập với việc trao tặng bằng khen và giấy chứng nhận thành viên chi hội cho các thanh đồng Hưng Yên của trung tâm. Trong khuôn khổ tổ chức kỷ niệm 1 năm thành lập, CLB đã tổ chức liên hoan diễn xướng châu văn thu hút 34 thanh đồng ở nhiều tỉnh trong cả nước về tham dự. Chi hội trưởng CLB là bà Dương Thị Phương Đông (Mỹ Hào - Hưng Yên), quản đền Tân La T.V.A là Ủy viên của Chi hội. Nhờ có sự ảnh hưởng CLB

Đạo Mẫu mà một phần nào đó đền Tân La ngày càng nổi tiếng và được nhiều người biết đến hơn.

Mặt khác, cùng với sự Tứ phủ hóa ngôi đền và danh tiếng của Châu Bát Nàn mà các thực hành nghi lễ ở đền Tân La cũng ngày một đa dạng hơn với sự xuất hiện các thực hành nghi lễ hầu đồng bên cạnh các nghi lễ sinh hoạt truyền thống ngôi đền.

2.3.4. Cấu trúc lại việc tổ chức lễ hội và nội dung lễ hội

Cũng như nhiều hiện tượng sinh hoạt văn hóa khác, lễ hội đền Tân La cũng biến đổi để phù hợp với sự biến đổi của lịch sử, của xã hội, của địa phương trong đời sống đương đại. Như đã trình bày, trước kia lễ hội là do các phe giáp thực hiện theo lệ làng, ngày nay do chính quyền địa phương chỉ đạo trực tiếp. Từ đó dẫn đến những thay đổi chính sau đây:

Về thời gian tổ chức lễ hội: Xưa kia, lễ hội Đền Tân La thường kéo dài từ đầu tháng đến cuối tháng 3 âm lịch. Ngày nay, theo quy định của Sở VH TT & DL Hưng Yên, những đền được xếp hạng di tích chỉ được tổ chức lễ hội trong 3 ngày. Lễ hội được tổ chức đơn giản hơn, 5 năm mới tổ chức lễ rước một lần. Theo như ông Đ.V.P: *“Hiện nay lễ hội tổ chức 5 năm một lần là do quy định của UBND xã. Điều này là do mỗi một rước kinh phí rất lớn và xã không đủ chi phí cho việc này”*. Thời gian hội diễn ra ngắn hơn, lễ hội được tổ chức vào các ngày 15, 16, 17 tháng 3 âm lịch, nhưng vẫn bảo đảm nội dung và quy trình của lễ hội cổ truyền. Việc thay đổi này là phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của xã. Nếu như trước kia, dân xã Bảo Khê ngoại trừ làng Cao Thôn có nghề làm hương truyền thống thì dân cư trong xã chủ yếu là trồng lúa, hoa màu và chăn nuôi. Cho nên vào dịp đầu năm từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch là thời gian nông nhàn, người dân được nghỉ ngơi. Vì vậy lễ hội thường được tổ chức cả tháng 3 để cho người dân được vui chơi giải trí, thỏa mãn nhu cầu tâm linh và phục hồi sức khỏe chuẩn bị tinh thần cho vụ mùa tiếp. Nhưng hiện nay, do nhu cầu của cuộc sống cũng như việc người dân bán đất ruộng cho các doanh nghiệp nên diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp. Hơn nữa nhiều người dân trong làng đã đi buôn bán làm ăn xa, thanh niên đi làm ở các công ty nên thời gian

được nghỉ không nhiều. Chính vì vậy lễ hội hiện nay chỉ tổ chức trong vòng 3 ngày từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 3 âm lịch hàng năm để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Về không gian lễ hội: Đã có sự linh hoạt hơn cho phù hợp với thực tế. Diện tích sân đền hiện nay khá chật, không thích hợp cho tổ chức một buổi lễ quy mô lớn nên lễ hội được chuyển sang đền Công Đồng.

Về quy trình lễ hội: Cũng có sự cấu trúc lại theo hướng bổ sung một số nội dung mới phản ánh sự tham gia của chính quyền địa phương vào việc tổ chức lễ hội như BQL lên toàn bộ kế hoạch, chương trình, nội dung của lễ hội.

Về nội dung lễ hội: Cũng có sự cắt giảm và giản lược, lễ hội truyền thống phải rước kiệu sang bãi sông Hồng để lấy nước nhưng hiện nay không còn thực hiện. Sự đơn giản hóa nghi thức còn được thể hiện ở việc rút ngắn thời gian, số người tham gia và số buổi tiến hành nghi thức. Nếu như trước đây nghi thức tế được tiến hành mỗi ngày một lần những ngày lễ hội thì ngày nay chỉ được tiến hành vào ngày mở đầu lễ hội và kết thúc lễ hội. Thời gian cho buổi tế cũng bị rút ngắn lại và số người tham dự tế lễ cũng bị giảm bớt. Trong 3 ngày hội chính không tổ chức hầu đồng.

Về lựa chọn người tham gia lễ hội: Cũng có sự linh động hơn, trước đây các tiêu chí lựa chọn phải được tuân thủ nghiêm ngặt nhưng giờ đã có nhiều biến đổi cho phù hợp. Độ tuổi những người tham gia tế lễ và rước kiệu cũng được linh động với điều kiện thực tế. Vì sự thay đổi của thành phần dân cư, trong làng không chỉ là còn là người làng sinh sống mà còn có nhiều dân từ nơi khác đến. Do vậy, nếu như trước đây việc tham gia đội tế hay đội rước phải là dân chính cư trong làng thì hiện nay có nhiều thành phần dân cư cùng tham gia không còn có sự phân biệt giữa dân chính cư và dân ngụ cư nữa.

Ngoài ra, ở đây cũng xuất hiện *xu hướng giải thiêng trong lễ hội*. Trước kia những người được tham gia lễ hội luôn tin rằng chỉ một sai trái, một lời nói hay một hành động bất kính trong khi thực hiện công việc thánh sẽ có thể đem đến tai họa cho bản thân và gia đình mình đặc biệt là cho cả cộng đồng. Khi niềm tin vào các vị thần đã giảm thì ta có thấy việc lo sợ trước thánh thần đã không còn như trước. Ta

có thể thấy điều đó rõ ở trong lễ hội, những cử chỉ, hành động không nghiêm túc trong đội rước kiệu, cười nói, nô đùa thoải mái; trong buổi tế lễ các tư thế, động tác không nghiêm trang mất đi vẻ linh thiêng của buổi lễ. Khi đang diễn ra tế lễ hề có máy ảnh chụp là một số người tế lại quay sang tạo dáng trước máy ảnh mà không quan tâm đến việc tế lễ. Dường như việc thực hiện nghi lễ theo nghĩa là làm cho xong, cho đủ thủ tục của một lễ hội mà thôi. Trước đây các lễ vật được lựa chọn cẩn thận, kỹ lưỡng và phải lựa chọn người chuẩn bị lễ vật thì hiện nay lễ vật được chuẩn bị theo xu hướng đơn giản hóa, việc lựa chọn người chuẩn bị lễ vật cũng không quá khó hầu như ai cũng có thể làm được.

Tóm lại, từ một ngôi đền nhỏ trong phạm vi làng xã, từ sau 1986 cùng với chính sách đổi mới về bảo tồn văn hóa cũng như tự do tôn giáo tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước mà đền Tân La đã có sự đổi thay toàn diện với xu hướng trở thành một trung tâm thờ mẫu Tứ phủ của thành phố Hưng Yên.

Tiểu kết chương 2

Đền Tân La – một ngôi đền nằm trong quần thể các di tích lịch sử văn hóa Phố Hiến Hưng Yên. Với các giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc cộng thêm sự cổ kính, linh thiêng của ngôi đền, hàng năm đã thu hút nhiều khách thập phương đến tham quan, chiêm bái đặc biệt là vào dịp đầu xuân và lễ hội. Hiện nay đền Tân La là một trong những di tích của thành phố nổi tiếng về hầu đồng. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, của thời gian đền Tân La cũng không nằm ngoài xu hướng biến đổi như nhiều ngôi đền khác, sự biến đổi của đền vẫn dựa trên nền truyền thống, tôn trọng những giá trị đã có. Nhiều nghi thức, nghi lễ đã bị trầm lắng, cũng như việc xuất hiện những nghi lễ mới song về cơ bản người dân vẫn còn gìn giữ và duy trì được những nghi lễ phong tục đặc trưng của ngôi đền.

Thông qua các phong tục, lễ nghi, lễ hội truyền thống thì chúng ta có thể nhận thấy đền Tân La thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Lễ hội đền Tân La diễn ra từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 3 âm lịch hàng năm. Lễ hội là một dịp để người dân trong vùng đến tham quan, vui chơi và là dịp để họ cầu xin thần thánh phù hộ cho may mắn và hạnh phúc.

Chương 3

ĐỀN TÂN LA TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN XÃ BẢO KHÊ HIỆN NAY

Hung Yên là tỉnh có hệ thống các di tích lịch sử văn hóa rất đa dạng và phong phú nên thế mạnh của du lịch Hung Yên là du lịch văn hóa. Đền Tân La là di tích nằm ở cửa ngõ vào thành phố Hung Yên và nằm trong hệ thống các di tích tại Phố Hiến, nên đã đến Hung Yên là không thể không đến Tân La. Với tư cách là một ngôi đền thờ châu Bát Nàn – một vị tướng của Hai Bà Trưng đồng thời là một vị thánh nổi tiếng trong Tứ phủ, từ khi được phục hồi và mở rộng, đền Tân La đã trở thành điểm đến tâm linh nổi tiếng của thành phố Hung Yên, từ đó cũng có những tác động không nhỏ đến mọi mặt đời sống của địa phương. Với ý nghĩa đó, trong nội dung này tác giả sẽ tập trung tìm hiểu tác động của đền Tân La đến đời sống của người dân địa phương hiện nay trên ba phương diện cơ bản là đời sống kinh tế, xã hội và tinh thần.

3.1. Đền Tân La với sự đóng góp vào đời sống kinh tế, xã hội của người dân xã Bảo Khê

Cho đến trước những năm 1986 có rất ít người biết đến đền Tân La, chỉ đến năm 1991 khi đền Tân La được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia, nhờ công tác quảng bá tuyên truyền giới thiệu được đẩy mạnh, đông đảo quý khách gần xa mới biết đến khu di tích này, và nhờ vậy lợi nhuận kinh tế của người dân càng cao hơn. Khách đến đền Tân La ngày một đông đã tạo ra một môi trường giao lưu trao đổi, buôn bán về kinh tế, những tác động này có ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống kinh tế, xã hội người dân nơi đây. Vì vậy, trong nội dung này chúng tôi sẽ tập trung đề cập đến đóng góp của ngôi đền từ góc độ kinh tế, xã hội cho địa phương.

3.1.1. Đóng góp một nguồn thu đáng kể cho bản đền và địa phương

Nguồn kinh phí chi cho các hoạt động hàng năm của ngôi đền một phần được trích từ ngân sách, một phần được trích từ nguồn tiền công đức, đóng góp của người dân và các tín chủ. Theo BQLDT thì việc ghi công đức tại đền chủ yếu vào

mỗi dịp lễ hội và có 2 bản để ghi công đức. Người công đức thấp nhất là 20.000đ, cao nhất thì có thể là vài triệu hoặc vài chục triệu đồng (đối với người công đức bằng hiện vật). Qua mỗi dịp lễ hội, số tiền thu về từ tiền công đức có thể từ 300 triệu đến 400 triệu tùy thuộc vào từng năm. Số tiền thu công đức được thực hiện theo luật tài chính hiện hành. Tất cả số tiền được kiểm kết và nộp vào kho bạc Nhà nước và dùng để đầu tư trùng tu tôn tạo, khi có công trình, dự án phải được chủ tịch UBND thị xã phê duyệt. Ngoài ra đền còn tiếp nhận được rất nhiều đồ thờ có giá trị, các công trình phụ trợ như nhà tạo soạn, nhà bếp, nhà bia...kể cả những phần sắm lễ cũng được khách thập phương đóng góp. Bác N.T.T người phục vụ tại đền Tân La chia sẻ: *“Khi xây dựng thêm cung Tiền tế, toàn bộ các pho tượng, gạch lát nền, xi măng xây dựng, các bộ đỉnh thờ, hoành phi câu đối... đều do các tín chủ công đức. Vợ chồng ông bà N.H.S giám đốc một công ty ở Hà Nội công đức cả trăm triệu tiền xây dựng, có người ít nhất là 500.000đ cho đến hàng chục triệu đồng... Trước đây thời kỳ cải cách văn hóa, toàn bộ tượng trong đền bị đem chôn, hiện nay toàn bộ tượng thờ ở trong đền là do người dân cúng tiến. Quả chuông trong đền có giá trị lớn là do gia đình ông Phạm Đình Phú công đức”*.

Lễ hội đền Tân La được tổ chức hàng năm vào dịp tháng 3 âm lịch, cũng là dịp tạo cho UB xã có thêm nguồn thu. Tất cả những người đến bán hàng ở đền vào dịp lễ hội đều phải trả cho BQL một khoản tiền gọi là chi phí thuê chỗ để kinh doanh. Chỗ bán nhỏ thì giá tiền nhỏ còn chỗ bán lớn hơn phải đóng tiền nhiều hơn. Theo như P.V.L (BQLDT): *“Mỗi người đến cửa đền bán hàng phải đóng lệ phí bán hàng cho xã, trung bình khoảng 200.000đ đến 1.000.000đ tùy theo từng loại hàng và chỗ ngồi lớn hay nhỏ. Số tiền này được đưa về nguồn thu của xã và được sử dụng cho những công việc của xã”*.

Những năm gần đây, BQLDT cũng dành một phần tiền nhỏ để thưởng cho con em địa phương đạt thành tích cao trong học tập, những em học sinh nghèo vượt khó trong cuộc sống. Số tiền tuy không được nhiều nhưng cũng đã động viên con em địa phương cố gắng phấn đấu trong học tập và đạt thành tích cao hơn nữa, từ đó có thể làm rạng danh cho quê hương.

Nhờ có di tích mà địa phương đã sớm được Ủy ban tỉnh đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, các con đường ở trong toàn thôn đã được đầu tư và được bê tông hóa, đường xóm thôn khang trang sạch đẹp.

3.1.2. Góp thêm một nguồn thu nhập cho người dân địa phương

****Đối với thu nhập của người dân làm dịch vụ quanh đền***

Đền Tân La là một ngôi đền có ý nghĩa quan trọng về mặt tâm linh đối với người dân Hưng Yên, vì vậy mà hàng năm cứ đến dịp lễ hội, ngày Sóc, Vọng, dịp lễ tết là nhân dân trong vùng, du khách thập phương đều kéo về thăm đền. Xuất phát từ nhu cầu mua sắm của du khách đã xuất hiện một bộ phận người dân trong xã làm nghề buôn bán quanh đền, ước tính khoảng hơn 50 hộ tham gia dịch vụ. Những người này buôn bán đa dạng các mặt hàng, có thể là đồ lưu niệm, hàng ăn, kinh doanh đặc sản địa phương, kinh doanh các trò chơi hiện đại... Hầu hết những hàng quán này được mở bán vào dịp lễ hội, tập trung bán từ mùng 1 đến hết tháng 3 âm lịch.

Những năm trước đây đời sống kinh tế của người dân thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê còn nhiều khó khăn, người dân trong thôn chủ yếu làm nông nghiệp, cấy lúa, trồng ngô, trồng lạc... Từ khi đền Tân La được đầu tư phát triển thì có một bộ phận dân cư thôn Đoàn Thượng chuyển sang kinh doanh dịch vụ quanh đền. Thực tế thì những người dân chuyển sang làm dịch vụ nhưng đa số vẫn làm nông nghiệp, vì vậy họ vừa là tiểu nông, vừa là tiểu thương.

Chị N.T.N bán hàng nước ngay đền chia sẻ: *“Vì nhà ngay cạnh đền nên chị mở quán nước này bán quanh năm. Vào dịp lễ hội, du khách về lễ đông. Chị phải huy động cả người thân trong gia đình để phụ giúp bán hàng”*. Theo như khảo sát, quán của chị N bán nhiều loại nước uống khác nhau, nhưng bán nhiều nhất là nước mía, nước ngọt, nước khoáng đóng chai và trà đá. Chỉ tính đơn giản mỗi cốc nước mía chị bán ngày thường là 7.000đ nhưng vào lễ hội chính bán 10.000đ một cốc, trà đá 3.000đ/, những chai nước ngọt của nhiều hãng khác nhau bán khoảng 10.000đ hoặc hơn. Trung bình một tháng lễ hội trừ tiền gốc bỏ ra chị kiếm thêm cho gia đình khoảng từ 15 đến 20 triệu, có năm còn nhiều hơn, số tiền này là rất lớn đối với gia đình vẫn còn làm nông nghiệp như gia đình chị. Chị N cũng cho biết thêm: *“Ở đền*

Tân La vào những ngày có buổi hầu đồng, có rất đông con nhang đệ tử đến hầu, chị cũng bán được nhiều hàng. Mặc dù số tiền này không kiếm được nhiều như trong dịp lễ hội, những ngày này thường chỉ còn có 2 đến 3 nhà bán nên tiền bán hàng cũng khá, thu nhập cũng được gần triệu đồng. Đây là một số tiền khá lớn nếu so với những ngày thường trung bình chị chỉ bán được xấp xỉ 100.000đ”.

Theo khảo sát, có khoảng gần 10 hộ dọn hàng bán nước, đồ ăn nhanh, chè ở khoảng sân rộng trước cửa đền. Chị P.T.N.H (31 tuổi, thôn Đoàn Thượng) bán chè, xúc xích, nước mía ở đền chia sẻ: “Nhà chị thường có cửa hàng bán chè ở chợ Bảo Khê, cứ mỗi dịp lễ hội đến là chị lại mở thêm một quán bán ở gần đền trong gần một tháng tổ chức lễ hội. Vì lượng khách đến khá đông cộng thời tiết cũng khá nóng nên số lượng chị bán cũng khá. Trung bình 10.000đ một cốc nước mía, 10.000đ một cốc chè thập cẩm (giá bán gấp đôi ngoài chợ), xúc xích chị bán cái bé là 10.000/1 cái. Với lượng khách ổn định trung bình chị thu được hơn 10 triệu đồng tiền lãi”.

Gia đình chị N và chị H vì có địa điểm đẹp nên bán được đông hơn các quán khác cũng bán mặt hàng như vậy nhưng nhìn chung, mức thu của các hộ kinh doanh cũng trung bình từ 6 đến 8 triệu đồng.

Một mặt hàng được bán nhiều ở đền Tân La là đồ lưu niệm. Theo thống kê của tác giả có khoảng hơn 14 sạp bán hàng lưu niệm với nhiều loại mặt hàng như đồ chơi cho trẻ em, vòng đeo cổ, đeo tay, sáo... Mỗi một mặt hàng được bày bán đều được bán lãi gấp đôi thậm chí là gấp ba. Ví dụ một chiếc ô tô trẻ em của Trung Quốc nếu ước lượng giá nhập chỉ khoảng từ 20.000đ đến 30.000đ nhưng được bán với giá khoảng 50.000đ đến 60.000đ tùy thuộc từng khách, một chiếc vòng tay chỉ đáng giá bán 10.000đ nhưng họ bán là 20.000đ. Tổng thu nhập của các hộ kinh doanh mặt hàng này cũng khá cao so với thu nhập từ việc làm nông nghiệp. Vì người mua thường là các bạn trẻ thanh niên, bố mẹ đi lễ mua quà về cho con nên lượng bán ra cũng khá nhiều.

Vào mỗi mùa lễ hội, khi đến thăm đền Tân La lúc ra về hầu như du khách nào cũng mang theo một túi bánh đa về làm quà cho gia đình. Những chiếc bánh đa giòn tan được nướng tại chỗ, thơm nức mùi vừng đường như là món quà đặc sản

không thể thiếu dành cho du khách mỗi khi về thăm đền. Mặc dù bánh đa không phải do người dân làng Đoàn Thượng làm ra mà được lấy từ nơi khác về bán nhưng nó vẫn được coi như là một loại đặc sản của địa phương. Nguyên do là từ khi lễ hội đền Tân La được mở lại, một số hộ gia đình trong làng đã lấy bánh đa về bán, nhận thấy hầu hết các du khách đều ưa dùng nên hàng năm vào dịp lễ hội họ lại lấy bánh về bán. Từ đó, bánh đa trở thành một mặt hàng truyền thống được bán ở đền Tân La. Những chiếc bánh đa tròn, dày, nhiều lạc, vùng, ăn giòn tan được bán với giá 10.000đ/1 cái, theo thống kê có 7 sạp bán bánh đa đều là người dân xã Bảo Khê. Chị N.T.O (người làng Tiền Thắng) chia sẻ: *“Bánh đa chưa nướng là 5.000đ/1 cái, sau khi nướng xong chị bán với giá 10.000đ 1 chiếc. Trừ chi phí mua than củi để nướng chị lãi được 4.000đ. Mỗi ngày chị bán được khoảng 100 cái, lãi được khoảng 400.000đ/1 ngày. Vì đền chỉ có ngày hội là đông nên chị chỉ bán trong gần 1 tháng tổ chức lễ hội, còn những ngày thường chị trồng ngô”*.

Người Việt luôn có niềm tin rằng đã đi lễ Phật, lễ Thánh, lễ Mẫu là phải có sớ dâng lên các “Ngài” thì các “Ngài” mới biết mình là ai, cầu khẩn việc gì và khi đó mới phù hộ cho mình đạt được mọi ước nguyện. Đền Tân La chỉ có hai người viết sớ là cụ N.Đ.T (thầy cúng) và ông N.V.Y, đều là người ở thôn Đoàn Thượng. Số lượng người có nhu cầu viết sớ rất đông đặc biệt là 3 ngày chính hội từ 15 đến 17 tháng 3 âm lịch. Theo quan sát, vào 3 ngày hội chính ước chừng thấp nhất 100 người đền nhờ thầy viết sớ. Mỗi lá sớ có giá là 10.000đ, như vậy bình quân thu được một ngày là khoảng gần 1 triệu. Đây là một con số rất lớn so với mức thu nhập bình quân của người dân trong thôn.

Xã Bảo Khê có làng Cao Thôn có nghề làm hương truyền thống nổi tiếng khắp cả nước. Lễ hội Tân La là một dịp để người làm hương có thể quảng bá, giới thiệu sản phẩm hương truyền thống của làng mình đến với du khách thập phương. Bác L.T.M (làng hương Cao Thôn) có chia sẻ: *“Gia đình bác làm nghề hương này đã được mấy chục năm, chủ yếu là xuất buôn, mặc dù số lượng bán ở đền không nhiều nhưng bác bán vừa vui và cũng vừa là để quảng bá sản phẩm hương cổ truyền của quê hương. Mỗi bó hương loại bình thường là 10.000đ còn loại đặc biệt*

là từ 30.000đ đến 50.000đ. Bác bán chủ yếu là loại hương 10.000đ, kết hợp bán thêm vàng mã, cây lộc cũng kiếm thêm được trung bình khoảng từ 300.000đ đến 500.000đ/1 ngày”.

Chị L.T.H (thôn Tiền Thắng) có cửa hàng bán hoa trong chợ Bảo Khê, tranh thủ mấy ngày lễ hội chị cùng con mình vào bán hoa lễ Mẫu, hoa chị bán chủ yếu là hoa hồng, hoa cúc và một ít hoa ly. Đông khách mua nhất vào 3 ngày lễ hội, mỗi một bông hoa chị bán gấp đôi hoa ngày thường, hoa cúc thường bán 2.000đ/bông, ngày lễ hội chị bán 4.000đ/bông.

Vào những ngày hội, trên con đường dẫn vào đền Tân La du khách đến có thể thấy rất nhiều biển trông giữ xe. Các gia đình hai bên đường vào đền, cứ gia đình nào có sân rộng đều tranh thủ tháng hội để kiếm thêm thu nhập. Xe ô tô thì gửi bãi ở ngoài với giá 20.000đ/1 xe. Còn những gia đình mở tại nhà thì chỉ trông giữ xe đạp và xe máy. Giá của các ngày trong 1 tháng lễ hội cũng khác nhau. 3 ngày chính lễ hội có giá là 10.000đ/xe máy và 5.000đ/xe đạp, các ngày khác giá là 5.000đ/xe máy và 2.000đ/xe đạp. Bác N.V.Q nhà ngay gần đền cho biết: “Ngày chính hội đông lắm, hôm nào sân nhà tôi cũng kín xe. Gia đình chủ yếu làm nông nghiệp, các ngày lễ hội là một dịp để chúng tôi có nguồn thu dành cho gia đình, một tháng trông giữ xe hơn cả tiền chúng tôi trồng lúa một vụ. Lúc đầu chỉ có mấy gia đình gần đền trông giữ xe thôi, về sau thấy du khách đến mỗi ngày một đông, năm sau tăng hơn năm trước. Nhiều gia đình cũng đã tận dụng những khoảng sân rộng nhà mình để trông xe. Hiện tại bây giờ có khoảng gần 20 hộ trông xe, nhờ có lễ hội của đền Tân La giúp chúng tôi tăng thêm nguồn thu cho gia đình”.

Du khách đến với lễ hội ngoài việc cầu may mắn còn là dịp để họ vui chơi giải trí sau những ngày làm việc căng thẳng với những trò chơi dân gian như thi bắt vịt, đập niêu, kéo co... Những năm gần đây ở lễ hội đền Tân La còn xuất hiện những trò chơi hiện đại như đu quay, câu cá trong phao, thi ném trứng bóng nhận phần thưởng... Những trò chơi này rất hấp dẫn đối với trẻ em đi cùng bố mẹ. Theo như quan sát của tác giả, hầu như gia đình nào có con em đi lễ cùng đều dành một khoảng thời gian cho các bé vui chơi, có thể chơi một vài trò chơi hoặc chơi tất cả.

Trên thực tế có rất nhiều phụ huynh chỉ là tranh thủ đi lễ và không muốn cho con chơi các trò chơi hiện đại này nhưng vì sự đòi hỏi của con cái mà cũng đành chấp nhận. Mỗi trò chơi có giá trung bình là 15.000đ/1 lượt, một mức giá cũng không quá cao nên có khá nhiều phụ huynh cho con em mình chơi. Những trò chơi này không chỉ hấp dẫn trẻ em nơi khác đến mà còn hấp dẫn với cả trẻ em trong làng. Cứ mỗi buổi chiều có rất nhiều em được bố mẹ cho ra chơi. Tuy nhiên, người tổ chức những trò chơi này thường đến từ địa phương khác, năm nào cũng vậy cứ đến mùa lễ hội là họ lại đến để phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ em và cũng là kiếm thêm thu nhập. Vì họ từ nơi khác đến kinh doanh nên phải trả cho xã chi phí thuê chỗ ngồi cao hơn so với cư dân địa phương.

Hai năm trở lại đây, khi đến lễ hội Tân La ai cũng có thể nhận thấy ngay có một trò chơi mới xuất hiện thu hút rất nhiều bạn trẻ tham gia đó là trò chơi ném phi tiêu nổ bóng nhận phần thưởng. Họ dựng một giá gỗ trên đó chia nhiều ô khác nhau, mỗi một ô dựng một quả bóng và nếu ném trúng nhiều thì người chơi sẽ được tặng một phần thưởng. Mỗi một lượt chơi là 10.000đ cho 3 lần ném, quà tặng là những con thú bông to, nhỏ tùy loại. Người chơi chủ yếu là các bạn thanh niên đi chơi theo hội, nên số lượng người chơi rất đông. Theo quan sát có 6 sạp dựng trò chơi này và đều là người xã Bảo Khê. Vợ chồng anh C.V.M (thôn Triều Tiên) cho biết: *“Đây là năm thứ hai chúng tôi tổ chức trò chơi này tại đền. Số lượng người chơi cũng nhiều, thu nhập một ngày của gia đình là khoảng 500.000đ đến 700.000đ. Người chơi đông chúng tôi rất phấn khởi, hy vọng rằng lễ hội năm sau có nhiều du khách đến và chúng tôi kiếm được nhiều hơn năm nay”*.

Vì những người bán hàng vừa là tiểu thương, vừa là tiểu nông nên việc bán hàng vẫn còn manh mún, chưa có quy củ và vẫn còn tình trạng chặt chém khách du lịch với những mức giá tăng gấp đôi giá bán ở nơi khác. Các mặt hàng nói giá khá cao để du khách phải mặc cả nên cũng không ít người bị mua đắt, nhiều mặt hàng cũng bị nâng giá, đồ ăn thức uống nhiều chỗ còn chưa hợp vệ sinh... Ngoài ra, chủ yếu người bán hàng là nông dân nên còn thiếu tính chuyên nghiệp, việc buôn bán mang tính tự phát, trò chơi ném phi tiêu trúng bóng như trò chơi may rủi.

Như vậy, đền Tân La đã mang lại nguồn thu nhập mới cho một bộ phận người dân xã Bảo Khê, góp phần nâng cao thêm thu nhập cho người dân và cải thiện cuộc sống. Số tiền thu nhập thêm vào ngày lễ hội là tương đối cao so với người dân ở quê, giúp họ chăm lo thêm cho cuộc sống của mình. Tuy bộ phận những người dân có thu nhập thêm như vậy không nhiều nhưng sự biến chuyển kinh tế cũng góp phần làm thay đổi diện mạo và đời sống của người dân, xóm làng trước kia thưa thớt nay trở nên đông đúc, nhộn nhịp hơn.

**** Thu nhập của ban quản lý di tích và chủ nhang đền***

Hiện nay BQLDT có 5 người, trong đó có một người là CBVH xã, một người là trưởng thôn, còn lại 03 người là các cụ cao tuổi trong thôn được dân làng tín nhiệm bầu ra. Đây là những người có trách nhiệm chăm lo, tổ chức các công việc tại đền. Vào tháng lễ hội thì UBND xã sẽ chi trả cho mỗi thành viên trong BQLDT là 3.000.000đ – 4.000.000đ tùy theo doanh thu từng năm của đền. Đối với những ngày lễ hội, hoặc những ngày tổ chức các sự kiện thì BQLDT sẽ lập ra một đội trông xe, số tiền thu được BQL sẽ tự cân đối và chi cho các thành viên trong BQLDT. Với số lượng khách gửi xe ở lễ hội, tính trung bình mỗi ngày có khoảng gần trăm lượt gửi xe, vé xe máy 5.000đ, xe đạp 2.000đ, số tiền thu được một ngày khá cao cũng góp thêm vào thu nhập cho từng thành viên trong BQLDT. Các thành viên trong BQLDT ngoại trừ cán bộ văn hóa xã được trả lương theo ngân sách, mỗi người được trợ cấp 200.000đ/tháng.

Số tiền công đức và tiền giọt dầu vào ngày lễ hội sẽ do BQLDT thu về nguồn thu của UBND xã, còn lại những ngày khác sẽ do chủ nhang quản lý. Vào những ngày tết, ngày rằm, mùng một người dân cũng đến lễ khá đông chính vì vậy tiền giọt dầu trong một năm khá nhiều. Quản đền của đền Tân La là ông T.V.A, là một đồng thầy nên cũng có nhiều con nhang đệ tử, tùy theo từng khóa lễ đồng đền lễ cho các gia chủ mà có các mức giá khác nhau. Các thanh đồng khác khi về hầu đồng phải liên hệ trước với đồng đền và phải trả chi phí, số tiền này trực tiếp quản đền thu và không phải nộp cho BQL. Như vậy, mặc dù nguồn thu chủ yếu của đền vào dịp lễ hội nhưng những ngày khác trong năm du khách thập phương về lễ đền cũng

khá đông cộng với nhiều các sinh hoạt nghi lễ khác nên nguồn thu của đồng đền cũng không nhỏ.

Trên thực tế vì quyền lợi kinh tế nên giữa BQL và chủ nhang cũng có một chút mâu thuẫn. Ông quản đền không hài lòng khi cho rằng: *“Theo như thường lệ và sự thống nhất thì BQL chỉ thu tiền công đức lễ hội trong 3 ngày hội chính nhưng trên thực tế thì họ thu gần hết cả tháng lễ hội và chẳng để lại gì cho nhà đền. Mà nguồn thu chính tại đền chỉ có trong 1 tháng lễ hội diễn ra, còn những ngày thường thì không đáng là bao”*.

Tuy nhiên, trong quá trình trao đổi với BQLDT, một thành viên trong BQL lại chia sẻ với tôi: *“Quản đền vẫn còn nợ BQL tiền, khi trùng tu tôn tạo di tích vào khoảng tháng 6 vừa rồi lại không báo cho BQL biết. Chúng tôi đã tạo điều kiện tốt nhất cho quản nhang để ông ấy làm việc của mình, nhưng như vậy là không tôn trọng chúng tôi”*. Nhìn chung mâu thuẫn giữa BQL và quản đền là mâu thuẫn về quyền lợi, về thu nhập. Chính từ mâu thuẫn này làm ảnh hưởng lớn đến tính thiêng của đền mà theo như chia sẻ của một cụ già trong làng thì: *“Những năm trước đây lúc cụ M còn làm quản nhang, đền Tân La vào mùa lễ hội đông lắm, nhiều người đến lắm. Đến vì sự thiêng liêng của đền mà mấy năm gần đây mặc dù lễ hội đền vẫn đông nhưng tôi cảm thấy không còn được như trước”*.

*** Thu nhập của những người phục vụ trong đền**

Trong các buổi hầu đồng, một thành phần không thể thiếu được đó là cung văn. Một đội cung văn thường có 4 người hoặc có thể ít hơn, nhưng đối với một buổi hầu đồng lớn thì phải có 4 người với một cung hát và 3 cung nhạc cụ. Những người này giữ vai trò không nhỏ trong thành công của nghi lễ hầu đồng. Ở đền Tân La trong một năm có rất nhiều buổi hầu đồng của các thanh đồng khác nhau. Khi về đền hầu có thể thanh đồng sẽ mang theo cung văn của mình nhưng cũng có khi liên hệ với quản đền nhờ tìm giúp cung văn. Ở đây tác giả chỉ đề cập đến các cung văn là người xã Bảo Khê. Có hai cung văn hát nhiều ở đền Tân La là ông N.V.Y và anh N.V.H (thôn Đoàn Thượng), anh N.V.H chia sẻ với tôi: *“Sau mỗi lần hát cho một lễ hầu đồng số tiền kiếm được trung bình từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ tùy thuộc vào*

từng buổi lễ. Với mức thu nhập như vậy là rất lớn so với mức thu nhập ở quê". Theo anh H thì mỗi năm trung bình anh đi hát hầu đồng tại bản đền không dưới 10 lần, nhờ có những buổi hầu đồng lớn ở đền mà các thanh đồng ở các nơi khác cũng biết anh nhiều hơn. Chính nhờ vậy mà anh cũng có thêm nhiều buổi hát hầu ở các địa điểm khác, giúp cho thu nhập gia đình anh cao hơn trước. Hiện nay gia đình anh đã không còn cấy lúa, vợ anh ở nhà chăm sóc con cái còn một mình anh làm kinh tế. Gia đình anh cũng chuyển từ nhà mái ngói sang nhà 2 tầng, cuộc sống cũng ổn định và mức sống cũng cao hơn.

Ngay cả đồng đền cũng ngồi hát văn dâng Mẫu ở ban Công đồng trong ngày lễ hội, mỗi người khi đến lễ lại được để vào khay một ít tiền. Vì là đồng đền nên mọi người đưa tiền cũng nhiều hơn, có người còn đưa tạ 50.000đ.

Vào dịp lễ hội theo quan sát của tác giả, mỗi một cung ở đền Tân La sẽ có một cung văn ngồi hát cho mọi người đến lễ. Khi mọi người lễ xong có thể tùy tâm cho cung văn từ 2.000đ đến 10.000đ, còn nếu hát cho thanh đồng cúng cho đệ tử thì số tiền được thưởng sẽ nhiều hơn. Ngồi 3 cung là 3 cung văn khác nhau, cộng với cung văn ở lâu cô Chín và lâu cô Bé. Cô Đ.T.L (người làng Triều Tiên) nói: *"Năm nào cũng vậy cứ đến dịp lễ hội cô lại về đền Tân La để hát dâng lễ cho du khách thập phương. Ngoài mục đích kinh tế đó còn là niềm yêu thích của cô, cô chỉ hát trong 2 tuần lễ hội bởi lúc đó là lúc khách đông nhất. Làm gần một tháng cô cũng kiếm được tiền bằng gần nửa năm làm việc, giúp gia đình cô có thể trang trải cuộc sống và lo cho con cái học hành".* Theo quan sát thực tế, trung bình mỗi người đến lễ ít nhất phải để 2.000đ vào khay để cảm ơn cung văn hát cho họ dâng lễ. Mỗi lần có một thanh đồng đưa con nhang đệ tử của họ đến lễ thì cứ tín chủ nào lên lễ sẽ đưa cho cung văn tiền, thấp nhất là 10.000đ. Một đoàn đi lễ khoảng 10 người trung bình cung văn sẽ có được 100.000đ, cộng tất cả số tiền kiếm được trong ngày lễ hội là khá lớn.

Chính vì số tiền kiếm được từ hát văn trong lễ hội khá lớn nên đã làm nảy sinh mâu thuẫn tranh chỗ giữa các cung văn. Theo đó, mỗi cung văn khi đến đền hát đều phải xin phép BQLDT và phải nộp lệ phí. Trong dịp lễ hội năm 2016, ở cung cô

Chín đã xảy ra mâu thuẫn giữa hai người hát cung vãn. Bà T.T.B và con trai của mình đã hát ở đền được nhiều năm và mỗi năm đều phải đóng lệ phí. Hôm chính hội, có một thanh đồng cũng đến cung cô Chín, nói là có thánh nhập và sẽ giúp đỡ mọi người, điều này khiến cho du khách đến lễ tập trung nhiều vào thanh đồng này mà không cảm ơn cho cung vãn hát lễ. Chính vì vậy đã xảy ra xô xát giữa hai bên, phải nhờ đến chính quyền giải quyết. Việc này ít nhiều làm ảnh hưởng đến hình ảnh và sự tôn nghiêm của ngôi đền trong những ngày lễ hội.

Trong những ngày hội, đền Tân La cũng có các vị thầy xem tướng, một đối tượng phổ biến ở các lễ hội đền. Thường mỗi mùa lễ hội có 4 bàn xem tướng cạnh lầu cô Chín. Họ đều là người địa phương, biết xem tướng và tranh thủ mấy ngày hội để kiếm thêm thu nhập. Hầu hết những người vào xem là các bạn trẻ thanh niên, học sinh đi lễ vào xem vừa vì tò mò, vừa vì giải trí. Mỗi một người xem trả cho các thầy 10.000đ. Theo quan sát, trong một buổi sáng mỗi thầy có khoảng gần 50 bạn học sinh vào xem, các bạn thanh niên, học sinh thường đi theo nhóm vì vậy khi đã vào xem thì cả nhóm cùng xem. Chính vì vậy số lượng người xem rất đông, thu nhập của các thầy khá cao.

Vào những ngày hội hay ngày thường nhà đền luôn cần có những người giúp việc, từ nấu ăn cho đến dọn dẹp. Bác N.T.T (1954) người đã giúp việc hơn chục năm ở nhà đền cho biết: *“Tôi với bà B đã giúp việc nhà đền đã lâu, từ lúc mà đền chưa được nhiều người biết đến. Chúng tôi ra giúp nhà đền vì lòng thành kính dâng Mẫu, lúc đó chỉ là tự nguyện và không có gì cả. Mấy năm gần đây, khi du khách thập phương về lễ đông hơn, chúng tôi cũng được chia lộc nhiều hơn. Mỗi lần nhà đền có việc cũng được ban lộc cho mấy trăm ngàn, cũng giúp chúng tôi có thêm đồng rau, đồng thịt cho gia đình”*.

Như vậy, có thể nói rằng nhờ có đền Tân La mà phần nào đó đời sống của người dân thay đổi, thu nhập kinh tế của một bộ phận dân cư cũng cao hơn, góp phần thay đổi chất lượng cuộc sống của người dân. Sự chuyển biến về kinh tế đã làm thay đổi phần nào diện mạo của người dân xã Bảo Khê. Tuy nhiên, bên cạnh

những nguồn lợi mà ngôi đền mang lại thì cũng không tránh khỏi những hệ lụy do quyền lợi vật chất gây nên.

3.2. Đền Tân La trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân xã Bảo Khê

Có thể xem đền Tân La là nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa tinh thần chủ yếu của người dân Bảo Khê, là nơi lưu giữ một phần lịch sử của xã. Mọi sinh hoạt văn hóa của đền đã có từ rất lâu và gắn liền với cuộc sống của cư dân địa phương từ bao đời nay. Chính vì vậy, đối với người dân xã Bảo Khê thì đền Tân La có một ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của họ, mỗi dịp đến đền là một cơ hội để người dân có thể bày tỏ tấm lòng thành kính của mình trước Mẫu.

3.2.1. Đền Tân La trong việc ổn định đời sống tâm linh của người dân xã Bảo Khê

Người Việt luôn quan niệm “Trần sao âm vậy”, “sống khôn thác thiêng” nên việc thờ cúng tổ tiên, thờ cúng những vị anh hùng dân tộc, người có công với làng với nước... chính là biểu hiện niềm tin của nhân dân đối với thế giới tâm linh, là sợi dây kết nối tâm linh của người dân Việt Nam. Thế giới tâm linh bắt nguồn từ chính cuộc sống con người và ngược lại con người luôn coi thế giới tâm linh là chỗ dựa tinh thần của mình, giúp con người có thể vững vàng vượt qua những khó khăn, sợ hãi.

Đền Tân La được xây dựng để tưởng nhớ và biết ơn công lao của Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục. Cư dân địa phương luôn tin tưởng và mong muốn có sự che chở trong tâm thức. Người dân luôn tin vào sự tồn tại và linh thiêng của Mẫu.

Hiện xã Bảo Khê có 1 ngôi đền, 4 ngôi chùa, 5 ngôi đình và 1 nhà thờ tổ nghề. Ngoại trừ làng Cao Thôn có nghề làm hương truyền thống, họ thường đi lễ nhà thờ tổ nghề nhiều hơn là đền Tân La thì còn lại hầu như người dân trong xã hay đi lễ đền Tân La nhất. Đối với người dân Mẫu Tân La như một vị Thành hoàng làng bảo vệ che chở cho toàn xã chứ không phải là một thôn. Trưởng thôn Đoàn Thượng N.K.H chia sẻ: *“Cứ ngày rằm, mùng một hay bất kì một sự kiện trọng đại nào của các gia đình như cưới xin, xây nhà, mua xe, ... các gia đình đều mang lễ đến đền như là sự báo cáo và cũng mong Mẫu phù hộ cho công việc được thành công”*.

Theo khảo sát, lượng du khách đến đền nhiều nhất vào ngày lễ hội, xấp xỉ 5.000 người; Ngày rằm, mùng một khoảng từ 15 đến 20 người, các ngày lễ tết

khoảng gần 1.000 người; Những ngày đèn có hầu đồng số lượng người đến đèn cũng phải mấy trăm người.

Dù ngày nay những tài liệu ghi chép về đèn Tân La không có nhiều, nhưng nhiều giai thoại về ngôi đèn này vẫn được người dân nơi đây truyền miệng từ đời này qua đời khác. Cứ đến nơi đây hỏi về ngôi đèn, là bất kì du khách nào cũng được nghe nhiều người kể lại những câu chuyện ly kỳ gắn với đèn như thể họ đã thuộc lòng từ lâu, đó là những câu chuyện được truyền tai nhau từ đời nay sang đời khác.

Chuyện kể rằng, vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mặc dù ngôi đèn đã có nhưng xung quanh cây cối vẫn rất um tùm, người dân trong làng gọi là khu rừng thu nhỏ, quân du kích của địa phương lựa chọn nơi đây làm nơi họp bàn và trao đổi thông tin đánh giặc. Do đèn nằm sát con đê, lại khá gần bốt Dốc Lã của địch, nên giặc Pháp thường xuyên câu bom về phía đèn nhằm mục đích phá hủy nơi tập kết của quân du kích. Tuy nhiên, điều lạ xảy ra là những trái bom thả vào đèn đều rơi vào những ngọn cây cao bao quanh đèn và mắc lại ở trên đó không phát nổ. Quân Pháp thấy vậy liền sai lính tìm đường vào trèo lên cây để tìm hiểu vì sao bom lại không nổ, lính Pháp gỡ bom mang về nhưng vừa đưa ra khỏi vị trí của ngôi đèn thì liền phát nổ khiến quân địch vô cùng khiếp sợ và không dám phá hủy ngôi đèn nữa.

Cũng trong thời kỳ này, tướng Pháp thường cho quân lính vào thôn Đoàn Thượng để tìm giết Việt Minh, dẹp yên khu vực tập kết của quân du kích. Vào một hôm địch tiến hành càn quét thôn, một toán lính Pháp tiến sâu vào khu vực của đèn, quân du kích đã bắn bị thương nhiều lính Pháp, trong đó có một tên bị bắn chết ngay trong khu vực đèn và người dân định hất xuống một cái ao. Tuy nhiên, chưa kịp hất thì một toán lính đã quay lại tìm xác, dù dân làng vẫn nhìn thấy nửa người của tên lính vấp trên miệng ao, nhưng không hiểu sao toán lính Pháp lại không nhìn thấy, chúng lúng lúng một lúc rồi quay về. Đến đêm, dân làng đã đem xác tên lính Pháp chôn ở bờ ruộng của làng nhưng nay không biết ngôi mộ chôn cụ thể ở đâu. Chỗ mà lính Pháp chết ở gần khu vực nhà tiếp khách của đèn hiện nay.

Người dân làng luôn kể rằng, lễ hội đèn Tân La thường được tổ chức từ 15 đến 17 tháng 3 âm lịch hàng năm, thời điểm này mặc dù chưa bắt đầu vào mùa mưa

nhưng lạ là cứ đến ngày trước khi lễ hội diễn ra thì đều có một trận mưa giông rất to, thậm chí còn có lốc. Ông L.V.M kể: *“có những năm mà mưa giông to đến mức có gia đình trong làng khi đó đang dựng rạp chuẩn bị giỗ cũng bị bay đổ rạp, bay hết ghế nhựa, mỗi lần đến lễ hội là hai lần mưa hai lần gió”*... Điều đặc biệt nữa là *“mưa to giông lốc chỉ diễn ra ở quanh khu vực của xã Bảo Khê. Mưa to kèm giông lốc không chỉ có trước ngày tổ chức lễ hội mà sau khi kết thúc lễ hội cũng có một trận mưa to”*. Các cụ cao niên nói rằng, mưa to kèm giông lốc xảy ra trước và sau khi tổ chức như vậy với ý nghĩa là mưa to sẽ gột rửa những bụi bẩn, tẩy uế và làm sạch đền trước và sau khi tổ chức lễ hội. Bà N.T.B (77 tuổi) nói *“Gió to này là gió ở Thượng Ngàn về, gió ở quê của Mẫu thổi xuống”*.

Như vậy có thể thấy sự linh thiêng của ngôi đền luôn nằm trong tiềm thức của người dân Bảo Khê. Làm bất kì một việc gì cũng vậy cư dân nơi đây đều tin tưởng Mẫu đang che chở bảo vệ. Cụ M quản nhang đền cũ đã chia sẻ với tôi: *“Bà thôi làm quản nhang đã được gần chục năm, mấy năm vừa rồi do tuổi cao sức yếu nên ít ra đền, chỉ ở nhà cúng lễ. Tuy nhiên, Mẫu đã về báo mộng và quở trách phải ra hầu để Ngài ban cho sức khỏe. Từ đó hầu như ngày nào bà cũng ra đền, bây giờ bà còn khỏe hơn trước, đi lại thoăn thoắt, đầu óc cũng minh mẫn hơn là vì có Mẫu bảo vệ và che chở cho Bà”*.

Cứ đến dịp đầu năm, đền Tân La luôn nhộn nhịp người đến cúng lễ dâng sao giải hạn, cầu mong một năm mới làm ăn thuận lợi, tiền tài dồi dào và thành công hơn năm trước. Chị L.T.T (31 tuổi, thôn Tiền Thắng) chia sẻ: *“Năm nào chị cũng nhờ đồng đền xem hộ sao chiếu mệnh của các thành viên trong gia. Nếu là sao xấu chị sẽ nhờ đồng đền làm lễ dâng sao giải hạn đầu năm, chị chỉ làm ở đền và mong mọi việc sẽ suôn sẻ thuận lợi trong cả năm đó”*. Không chỉ riêng chị T mà rất nhiều người trong xã làm lễ dâng sao giải hạn đầu năm tại cửa đền. Ông N.Đ.T (xã Bảo Khê) một thầy cúng nổi tiếng, chia sẻ: *“Hàng năm cứ sau ngày rằm tháng Giêng, ông thường có một lễ lớn cúng ở đền để dâng sao giải hạn cho những người bị sao xấu chiếu mệnh trong năm đó. Có những khóa lễ rất đông phải gần trăm người*

tham gia, không chỉ có người dân địa phương mà cả người từ địa phương khác cũng về để lễ”.

Bán khoán con vào cửa chùa chúng ta có thể thấy ở rất nhiều nơi nhưng ở riêng xã Bảo Khê thì người dân chỉ bán khoán vào cửa đền mặc dù trong xã cũng có chùa. Những đứa trẻ khó nuôi, sinh vào giờ xấu và xung khắc với bố mẹ thì sẽ được bố mẹ bán khoán vào cửa đền để Mẫu, Thánh bảo vệ và che chở. Bán khoán ở đền Tân La đến năm 13 tuổi sẽ chuộc lại, khi bán khoán và chuộc lại con đều phải có lễ dâng Mẫu, dâng Thánh và nhờ đồng đền cúng lễ cho. Anh N.H.Q (thôn Đoàn Thượng, công an huyện Kim Động) chia sẻ: *“Bản thân anh được nghe bố mẹ kể lại rằng mình khi bé khó nuôi, nên bố mẹ đã bán khoán anh vào cửa đền, đến năm anh 13 tuổi thì bố mẹ đã làm lễ chuộc anh ra. Con gái anh lúc bé mới sinh đi xem về giờ sinh thì được nói là bé sinh vào giờ xấu, khó nuôi. Trong 1 tháng đầu, bé quấy, ít ngủ và hay khóc đêm. Vì vậy, gia đình anh quyết định làm lễ bán khoán cho bé vào cửa đền. Từ khi bán khoán bé rất dễ nuôi, không quấy khóc và ngoan ngoãn. Không chỉ gia đình anh N.H.Q mà rất nhiều gia đình khác trong xã cũng như ở địa phương khác có trẻ em khó nuôi đều thường bán khoán đến cửa đền. Đối với những đứa trẻ được cha mẹ bán khoán vào cửa đền thì hầu như năm nào gia đình cũng về cúng lễ tại đền và thường cho đưa bé đi cùng.*

Thầy cúng N.V.Y (Bảo Khê) có kể về chị N nhà ngay gần đền Tân La năm nay hơn 30 tuổi và đã có gia đình, từ xã khác về làm dâu ở đây. Trước khi lấy chồng chị bình thường, nhưng sau khi lấy chồng về ở nhà chồng thì bắt đầu có biểu hiện giống như người bị bệnh tâm thần, thầy bói cho biết có một vong không siêu thoát ở ngay gần chị hành bởi vong này hợp căn duyên với chị. Gia đình đã nhờ thầy cúng N.V.Y về đền để làm lễ cắt duyên âm cho chị. Đến nay chị đã khỏi bệnh, sinh được một bé, khỏe mạnh phụ giúp gia đình buôn bán làm ăn. Những trường hợp phải làm lễ ở đền như chị N còn rất nhiều. Có những gia đình trong xã khi đi xem bói, thầy bói phán là gia đình đang gặp hạn lớn phải làm lễ giải hạn, hay phải trả nợ tào quan tại cửa điện nhà thầy, nhưng hầu như họ đều xin khất và quay về đền nhờ đồng đền

hay một thầy cúng nào đó làm lễ trực tiếp tại đền Tân La chứ không phải ở nơi khác.

Trước bất kì một công việc gì quan trọng, người dân trong làng đều ra cúng lễ và cầu xin thánh Mẫu Tân La ban lộc. Trên thực tế, có rất nhiều quan chức địa phương cũng như của tỉnh về lễ Mẫu Tân La và cầu xin Mẫu cho đạt được mọi mong ước. Từng biết có một vị quan chức cấp cao của tỉnh Hưng Yên, trước một kì họp quan trọng đã về đền lễ Mẫu, xin Mẫu ban cho may mắn, ông còn biếu nhà đền tiền giọt dầu và có nhờ quản đền trong mấy ngày diễn ra cuộc họp cứ sáng sớm 5h sáng là thấp nhang và cầu khẩn cho ông. Có thể coi Mẫu Tân La như là một vị thánh che chở, bảo hộ cho người dân, giúp người dân đi đến thành công.

Hiện nay khi đạo Mẫu phát triển mạnh mẽ thì đền Tân La là một trong những ngôi đền có nhiều nghi lễ hầu đồng nhất ở tỉnh Hưng Yên. Bà T.T.H cho biết: Bà là người có căn đồng, phải trình đồng mở phủ. Ban đầu bà không có ý định ra trình đồng nhưng bà luôn thấy trong người mệt mỏi, không thể tập trung buôn bán làm ăn vì vậy bà đã quyết định ra trình đồng mở phủ. Bà được thầy cúng làm lễ trình đồng tại bản đền Tân La năm 1997. Từ đó bà liên tục về đền hầu đồng bất cứ dịp nào trong năm hoặc khi có điều kiện. Trên thực tế hiện nay có rất nhiều người như bà H đã làm lễ trình đồng mở phủ hay khất đồng tại cửa đền. Mẫu Tân La như là một vị thánh chứng giám cho những việc làm của người cõi trần, bảo hộ cho người dân trước những việc mà họ chưa thực hiện được.

Chị Đ.T.L (Bảo Khê) kể rằng chị hiếm muộn, đi cầu nhiều nơi mà chưa có con. Cuối cùng chị quyết định về đền Tân La cầu xin Mẫu ban lộc con cái, sau đó về nhà 3 đêm liên tiếp được Ngài báo mộng cho con. Sau đó chị có bầu sinh con, nhưng chị lại quên không đến tạ lễ Mẫu. Thấy con hay ốm mà cũng ít nói, chị đi xem bói thì thầy bói phán là con cầu tự nhưng lại không lễ tạ, nếu không làm lễ thì đến năm 18 tuổi sẽ bắt con. Chị đã về đền làm lễ tạ ơn và bán khoán con vào cửa đền. Từ đó con chị khỏi ốm đau, tinh thần hoạt bát vui vẻ hơn hẳn. Chị còn kể rằng nhiều lần con đi học, bố mẹ không liên lạc được với con, cũng không biết tìm con ở đâu. Lại về đền nhờ đồng đền làm cầu nối với Mẫu giúp soi đường chỉ lối cho chị

tìm được con và trong ngày hôm đó là chị lại liên lạc được hoặc tìm thấy con. Chị chia sẻ: *“Bất cứ khi nào gặp chuyện gì khó khăn, trắc trở, chuyện gì đó bất an chị lại vào đền, ngồi trước Thánh Mẫu mong Mẫu chứng dám cho lòng mình để phù hộ cho mình. Những lúc đó chị cảm thấy tâm mình thanh thản và nhẹ nhàng lắm, có thể đối diện với khó khăn, thử thách...”*.

Thông qua những tờ sớ có thể hiểu rõ được nhu cầu, mục đích, động cơ của người đi lễ đền. Sớ được xem như là sợi dây kết nối giữa con người với thế giới tâm linh, là những lời khẩn cầu, trình bày nguyện vọng của con người lên các vị thánh thần. Những điều được ghi nhiều nhất trong những tờ sớ khi đến lễ đền Tân La đó là cầu mong sức khỏe, công danh, tài lộc, thăng tiến, đỗ đạt... Theo khảo sát thực tế thì đại đa số người đến đền là phụ nữ, là những người bà, người mẹ, người vợ đến đền để cầu mong cho người thân và cho chính bản thân họ.

Em N.V.T người làng Tiên Thắng, được cha mẹ bán khoán vào đền từ nhỏ, đến năm 13 tuổi em được chuộc về. Hiện nay, em đang học đại học năm thứ 3. Ba năm gần đây năm nào em cũng đón giao thừa ở đền, giúp đồng đền những công việc chuẩn bị đón năm mới, cúng Mẫu, cúng Giao thừa. Sau đó sáng mùng 1 em mới về nhà. Không chỉ có T mà còn có 2 bạn nữa cũng người trong xã cũng ở đền cho đến hết Giao thừa mới trở về nhà.

Thông qua khảo sát tại đền Tân La và cũng thông qua BQL đền, có thể thấy những người đến lễ đền thuộc nhiều tầng lớp, nghề nghiệp khác nhau, nhưng họ đều đến đền với mục đích là để cầu mong sức khỏe, tiền tài, những điều liên quan mật thiết đến với chính cuộc sống của họ, những điều họ mong ước sẽ đạt được trong cuộc sống thường nhật.

Đi lễ đền dần trở thành một sự mật thiết đối với người dân địa phương. Đền Tân La mở cửa vào tất cả các ngày trong năm, người dân nơi đây thường đi lễ đền vào ngày rằm, mùng một vì họ cho rằng các vị thần thánh có thể chứng dám cho lòng thành của họ. Những ngày thường ở đền cũng vẫn có nhiều người đến chiêm bái và cầu khẩn. Đối với một số người dân địa phương thì việc họ đến đền đã trở thành một nhu cầu để thanh thản về tinh thần, an tâm về tâm lý. Cô P.T.O và cô

N.T.T đều cho biết khi tham gia vào việc thực hành nghi lễ ở đền, các cô cảm thấy sức khỏe tốt lên, tinh thần phấn khởi và họ cho rằng Mẫu đã ban cho họ sức khỏe.

Có thể thấy, đền Tân La có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với đời sống tâm linh của người dân Bảo Khê, họ đến đền là để cầu mong sự che chở, phù hộ, độ trì, cầu mong sự linh ứng đối với những điều mà họ mong muốn. Đền Tân La còn là nơi con người có thể kết nối với tâm linh, từ đó họ cảm thấy cuộc sống thanh thản hơn, sống với tư tưởng có nhân ắt có quả. Đền Tân La đã tạo ra một niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp hơn, thông qua đền con người có thể bày tỏ được nỗi niềm mà họ không thể nói được với người bình thường, không thể cầu mong các thế lực trần gian giúp đỡ. Người dân đến đền ngoài sự cầu nguyện còn là mong sự thanh thản, tìm sự yên tâm trong cuộc sống. Cuộc sống hiện nay có quá nhiều sự nguy hiểm, chính vì vậy sự an toàn về tinh thần là điều mà con người luôn tìm kiếm, đi lễ đền là người dân cảm nhận được sự che chở, bảo vệ của Mẫu, xóa nhòa những nỗi đau từ đó họ an tâm hơn trong cuộc sống.

3.2.2. Đền Tân La với việc củng cố, gắn kết cộng đồng

Cộng đồng hiểu theo nghĩa đơn giản là một nhóm người, một tập thể cùng chung sống, cùng làm việc và cùng cư trú trong một vùng lãnh thổ nhất định. Chính vì vậy những người trong cùng một cộng đồng thường có cùng ý thức, tình cảm, sự thống nhất trong một địa phương và có khả năng tham gia những hoạt động mang tính tập thể vì quyền lợi của địa phương. Con người Việt được sống trong một tập thể sống được gọi là làng “Làng xã có đời sống riêng, địa bàn riêng, là cơ cấu tổ chức xã hội gốc cũng đồng thời là tế bào sống của xã hội. Làng Việt là một cơ cấu sinh động, linh hoạt và vững bền, là sản phẩm tự nhiên sinh ra từ quá trình cộng cư và định cư rồi dần dần được bồi đắp bởi nhiều tầng, lớp văn hóa...”[33, tr. 59].

Cộng đồng làng xã ngoài việc gắn kết với nhau bằng “Lệ làng phép nước” thì tôn giáo tín ngưỡng cũng là yếu tố để gắn kết họ lại với nhau. Đền là một trong những loại hình kiến trúc tôn giáo, đền là nơi tồn tại của tín ngưỡng dân gian – thờ Thánh. Người dân đến với đền là để cầu cúng, cầu xin may mắn, xóa bỏ những rủi ro, đen đủi. Khi đến đền cúng lễ, người dân có thể gặp gỡ, trao đổi với nhau những

câu chuyện, những ước mong, kinh nghiệm sống... Từ những người không thân thiết, họ gặp nhau trong các buổi lễ, buổi hầu đồng, họ kể cho nhau nghe những câu chuyện của gia đình, và họ cũng nhận lại sự động viên, chia sẻ, chính điều đó làm cho con người xích lại gần nhau hơn.

Trong các buổi lễ như các buổi hầu đồng lớn, những người giúp việc cho đền thường báo cho dân làng biết, để ai cũng có thể đến dự. Vào những ngày đó, nhiều người già, trẻ em, những người không bận việc đều ra đền, xem nghệ nhận trình diễn hầu đồng, mọi người đều vui vẻ, hoà nhịp vào từng tiếng phách, lời ca, điệu múa của một giá đồng. Những giá đồng với những tiền lộc được tung ra là sự chờ đợi háo hức của dân làng, có khi chỉ 1.000đ hay 2.000đ nhưng người dân đều cảm thấy thích thú, tiền lộc tung đến ai thì người đó nhặt và không có sự tranh giành. Trẻ con thì háo hức với tâm lý đơn giản nếu mình có được tiền lộc lát có thể sẽ mua được cái kẹo hoặc gói bim bim. Khi ra về từng tốp người đi bộ trên con đường làng, bàn tán sôi nổi về việc giá cô này hầu đẹp, người đàn hát hay... Từ những dịp như vậy làm cho dân làng xích lại gần nhau hơn, họ được thư giãn thoải mái về tinh thần.

Lễ hội đền Tân La là một dịp vui chơi, giải trí thư giãn tinh thần cho người dân và cũng là để ghi nhớ công ơn của Đại tướng Bát Nàn Đông Nhung Vũ Thị Thục – một vị thần theo dõi, bảo vệ, che chở cho dân làng. Lễ hội Tân La là sự kiện của cả làng chứ không phải việc riêng của một người nào đó, chính vì vậy người dân Bảo Khê tham gia rất nhiệt tình và đóng góp công sức cho tổ chức lễ hội, mọi người đều chung tay vào công việc chung của làng xã, từ việc dọn dẹp đường xá, mua đồ cúng lễ, chuẩn bị các tiết mục văn nghệ... Khi đến lễ hội, dường như mọi cách biệt trong cuộc sống thường nhật bị xóa bỏ, sự phân biệt giàu nghèo, hèn kém không còn trong lễ hội. Người dân làng cảm thấy mình cũng như tất cả mọi người, đều được sự che chở của Mẫu, không bị Ngài bỏ rơi. Theo lời chia sẻ của một cụ già, lễ hội đền như là một niềm động viên đối với những người dân nghèo quanh năm lam lũ, trước Thánh ai cũng có thể nói lên niềm mơ ước chính đáng của mình trong cuộc sống. Lễ hội là sản phẩm của nhân dân, do người dân tự đứng ra tổ chức,

sáng tạo và tái hiện các sinh hoạt văn hóa cộng đồng và chính họ lại là người trực tiếp hưởng thụ các giá trị tâm linh. Chính vì vậy, lễ hội bao giờ cũng thấm đượm tinh thần dân chủ, mọi cách biệt trong đời sống đều bị xóa nhòa.

Lễ hội đền là một dịp quan trọng để những người con xa quê hương trở về với niềm ước vọng cầu mong thần thánh phù hộ, trở về với họ hàng, với hàng xóm láng giềng, với cộng đồng làng xã. Chú L.V.Đ (1960) làm việc tại Hà Nội cho biết: *“Mình và vợ đều là người xã Bảo Khê nhưng hiện cả hai vợ chồng cùng đang công tác ở Hà Nội, bận quanh năm nhưng bao giờ cũng vậy ngoài dịp tết Nguyên đán thì cứ đến lễ hội đền Tân La là năm nào mình cũng cho cả nhà về lễ Mẫu, cầu an cho bản thân, gia đình, cho con trai biết được lễ hội truyền thống của quê hương. Về là để được tham gia vào những công việc của lễ hội, cùng nhau chung sức cho công việc của quê hương và cảm nhận được sức mạnh đoàn kết của cộng đồng”*.

Đến lễ hội không chỉ cầu an, may mắn mà còn để vui chơi, thưởng thức văn nghệ. Những trò chơi dân gian trong lễ hội như kéo co, bịt mắt bắt vịt... đều là trò chơi tập thể, là những trò chơi cần có sự đoàn kết, khéo léo và sức khỏe của mỗi thành viên trong đội, sự cổ vũ động viên của những người đến xem. Dù thua hay thắng thì cuối cùng mọi người đều vui vẻ, hòa đồng, đoàn kết và không hề có sự mâu thuẫn. Trong lễ hội không chỉ có người dân trong làng mà còn có sự tham gia, giao lưu giữa người làng này với làng khác, giữa các địa phương với nhau, điều đó càng làm tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng.

Trong xã hội hiện đại hiện nay, khi cuộc sống con người càng ngày càng thay đổi hơn trước, nhiều bon chen, phức tạp cũng làm cho con người sống khép kín và không hòa đồng như trước. Đến lễ hội đền dịp quan trọng để biểu dương sức mạnh cũng như củng cố đoàn kết cộng đồng.

3.2.3. Đền Tân La với việc xây dựng lối sống văn hóa, hướng về cội nguồn dân tộc và bảo lưu văn hóa truyền thống

Đền Tân La có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân Bảo Khê, đền vừa là biểu tượng, vừa là một lời nhắc nhở con cháu về truyền thống của địa

phương, của dân tộc, cũng như là một lời răn dạy giới trẻ trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

Hàng năm UBND xã Bảo Khê và BQLDT mở lễ hội đền Tân La không chỉ là để tưởng nhớ công ơn to lớn của Đại tướng Đông Nhung Bát Nàn mà một phần để giáo dục văn hóa cho lớp thế hệ trẻ trong hành vi ứng xử, lối sống trong xã hội hiện đại ngày nay.

Giới trẻ tham gia vào việc chuẩn bị cho lễ rước kiệu, trong quá trình chuẩn bị họ sẽ được người già kể cho nghe những câu chuyện lịch sử của địa phương, của đền, về công lao của Thánh Mẫu... Từ đó vun đắp trách nhiệm cho mỗi cá nhân trong tập thể làng, khi đã làm việc thì đều có trách nhiệm hoàn thành tốt các phần việc được giao. Chính điều đó giáo dục cho thế hệ trẻ không có tính ỷ lại trong công việc, có tinh thần hăng hái làm việc dù đó là công việc chung hay riêng. Với việc tham gia những trò chơi, giáo dục cho giới trẻ tinh thần đoàn kết, làm việc theo nhóm và tăng sự bạo dạn cho giới trẻ.

Đền Tân La hàng năm thường trích những phần tiền nhỏ trong việc giúp đỡ người nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn, các em học sinh nghèo vượt khó. Từ những việc làm đó, giáo dục cho giới trẻ trong việc hướng con người làm việc thiện, hướng con người làm những việc nhân đức, hiểu được đạo lý “lá lành đùm lá rách”, từ đó sẽ học được cách chia sẻ và giúp đỡ mọi người trong cuộc sống.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, đền Tân La hiện nay ngày càng khang trang và to đẹp hơn. Điều đó thể hiện lòng biết ơn của nhân dân tới vị Thánh Mẫu rèn luyện, dạy võ cho dân làng đánh giặc. Tất cả các hoạt động của lễ hội đền Tân La đều hướng về cội nguồn lịch sử và tưởng nhớ đến người có công với dân với nước. Thông qua lễ hội hướng người dân nhớ về những giá trị lịch sử, văn hóa mà cha ông để lại, từ đó lưu giữ và phát huy những giá trị văn hóa đó đến đời sau.

Tiểu kết chương 3

Trải qua thời gian với những biến cố thăng trầm của lịch sử, đền Tân La càng ngày càng khẳng định vai trò trong đời sống của người dân xã Bảo Khê. Đền Tân La góp phần thay đổi bộ mặt của làng xã, đời sống kinh tế của người dân cũng được cải thiện hơn trước. Khi con người chịu nhiều sức ép, gánh nặng của cuộc sống, những lo lắng bất an thì đền Tân La như là một điểm đến tâm linh để con người đến cầu an, mong may mắn và được Mẫu che chở, bảo vệ. Mẫu Tân La như là một vị Thành hoàng làng của cả xã Bảo Khê, trấn an tinh thần và bảo vệ dân làng khỏi những tai ương, mang đến giàu có, hạnh phúc. Đền Tân La là nơi giáo dục con dân địa phương truyền thống, đạo lý uống nước nhớ nguồn và lòng tự hào dân tộc. Lễ hội đền Tân La là một hình thức sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong đời sống tín ngưỡng của người dân Bảo Khê, giúp tăng cường, củng cố gắn kết cộng đồng làng xã.

KẾT LUẬN

Xã Bảo Khê là một xã nằm đầu cửa ngõ vào Thành phố Hưng Yên, là xã có lịch sử phát triển từ lâu đời, nơi đây có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp, sản xuất làng nghề hương truyền thống. Đời sống kinh tế và văn hóa xã hội của xã so với trước kia ngày càng được cải thiện và nâng cao. Cư dân nơi đây có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ Mẫu, thờ Phật... Điều đó cho thấy, đời sống sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của người dân trong xã rất phong phú và đa dạng. Toàn xã có 5 thôn với cư dân thuộc nhiều dòng họ khác nhau, họ luôn sống chan hòa, yêu thương, giúp đỡ, động viên cùng nhau làm kinh tế, phát triển quê hương.

Đền Tân La là một trong những ngôi đền thờ Đại tướng Bát Nàn Đông Nhung Vũ Thị Thục, một vị tướng giỏi dưới thời Hai Bà Trưng, có công lớn trong cuộc đấu tranh chống lại quân Đông Hán xâm lược nước ta trong thời kỳ Bắc thuộc. Đền được xây dựng từ sớm, trải qua thời gian và những thăng trầm của lịch sử, đền Tân La ít nhiều cũng có sự biến đổi, dù đã qua nhiều lần trùng tu và tôn tạo nhưng đền vẫn giữ được nhiều kiến trúc, phong tục truyền thống. Đền hiện nay có cấu trúc gồm các tòa: Tiền tế, Trung từ, Ống muống và Hậu cung. Đền có giá trị lớn về lịch sử, kiến trúc và nằm trong hệ thống các di tích lịch sử văn hóa nổi bật khi về thăm thành phố Hưng Yên. Trước năm 1986, điện thần thờ Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục, sau năm 1986 từ điện thờ truyền thống, ở đền đã phối thờ các vị Thánh của tín ngưỡng Tứ phủ. Từ việc phối thờ này xuất hiện nghi thức hầu đồng - một nghi thức không thể thiếu trong tín ngưỡng thờ Tứ phủ cũng như việc xuất hiện nhiều các nghi lễ mới trong năm như trình đồng mở phủ, cắt tiền duyên... Sau một thời gian dài lễ hội bị gián đoạn từ năm 1991 sau khi đền được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, lễ hội đền đã được tổ chức trở lại. Lễ hội đền diễn ra từ ngày 15 đến 17 tháng 3 âm lịch hàng năm, đây là một dịp để người dân trong vùng đến cầu an, cầu lộc và cũng là dịp vui chơi giải trí, lấy lại tinh thần, sức khỏe.

Sự biến đổi của ngôi đền theo các mặt: Quy mô kiến trúc và điện thần, chuyển đổi hình thức quản lý và trông coi đền; việc mở rộng sự ảnh hưởng của ngôi

đền và đa dạng hóa các thực hành nghi lễ ở đền; việc tổ chức lễ hội được cấu trúc lại và nội dung lễ hội có nhiều thay đổi so với thời gian trước.

Đối với người dân Bảo Khê, đền Tân La có vai trò hết sức quan trọng, đến lễ đền Tân La người dân có thể cảm nhận được bình yên, thanh thản, xua tan những mệt mỏi, căng thẳng của cuộc sống thường ngày, ngôi đền là một điểm tựa về tinh thần cho người dân địa phương. Mỗi một gia đình trong làng khi có bất kì một công việc gì dù lớn hay đều đến lễ Mẫu như là để trình báo với Mẫu mong công việc đó sẽ được thuận lợi và thành công. Đối với người dân Bảo Khê Mẫu Tân La là vị Thành hoàng làng bảo vệ cho cả làng. Từ sự linh thiêng của ngôi đền đã trở thành điểm đến của các du khách từ nhiều địa phương trong cả nước. Sức mạnh về tâm linh đã vượt qua giới hạn không gian, thời gian, có sức sống lâu bền, đền là điểm đến về tâm linh xoa dịu nỗi đau về tinh thần. Đây chính là động lực phấn đấu, một liều thuốc về tinh thần của người dân trong sản xuất, làm kinh tế và trong đời sống thường ngày.

Từ sau khi lễ hội đền Tân La được tổ chức trở lại, du khách thập phương biết đến đền nhiều hơn. Người dân bắt đầu làm kinh doanh nhờ sức hút của ngôi đền. Nhờ đó đền Tân La một phần nào đó góp phần thay đổi bộ mặt cuộc sống của người dân nơi đây, lễ hội đền là một dịp mà người dân có thể làm ăn kinh tế, kiếm thêm thu nhập ngoài việc sản xuất nông nghiệp quanh năm.

Thông qua những hoạt động văn hóa của đền Tân La giáo dục người dân tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc. Với những hoạt động của đền cũng giúp thế hệ trẻ thanh niên có thể trau dồi những kiến thức quý báu về văn hóa và lối sống, thêm yêu ngôi đền và mảnh đất quê hương.

Đền Tân La đã đáp ứng được nhu cầu văn hóa tâm linh và tín ngưỡng của người dân. Đền có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, trong việc ổn định đời sống tâm linh, giáo dục truyền thống, lối sống cho thế hệ trẻ, và sự gắn kết cộng đồng địa phương nơi đây, ngôi đền là cầu nối cho sự cố kết cộng đồng, giao lưu văn hóa giữa các địa phương trong tỉnh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1993), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa thông tin Hà Nội.
2. Toan Ánh (1991), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam*, tái bản, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Toan Ánh (1992), *Nếp cũ hội hè đình đám*, tái bản, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Toán Ánh (1992), *Nếp cũ - tết lễ - hội hè*, Nxb. Thanh Niên.
5. Phan Kế Bính (1999), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Duy (1996), *Văn hóa tâm linh*, Nxb. Hà Nội.
7. Ban chấp hành Đảng bộ xã Bảo Khê (2010), *Lịch sử Đảng bộ xã Bảo Khê*.
8. Ban chấp hành Đảng bộ xã Bảo Khê (2015), *Lịch sử Đảng bộ xã Bảo Khê*.
9. *Báo cáo tổng kết Đảng bộ xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên năm 2015*.
10. *Báo cáo thành tích xây dựng làng văn hóa Cao Thôn năm 2015*.
11. *Báo cáo thành tích xây dựng làng văn hóa thôn Vạn Tường năm 2015*.
12. *Quy ước thôn Đoàn Thượng*.
13. *Báo cáo thành tích xây dựng làng văn hóa thôn Triều Tiên năm 2015*.
14. *Báo cáo thành tích xây dựng làng văn hóa thôn Tiên Thắng năm 2015*.
15. *Bộ luận về đền Tân La của Ban quản lý đền*.
16. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học Hà Nội.
17. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hưng Yên (2009), *Báo cáo khoa học đề tài nghiên cứu bảo tồn di sản phi vật thể và lễ hội cổ truyền Phố Hiến*, tài liệu lưu giữ tại Thư viện tỉnh Hưng Yên.
18. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hưng Yên (1994), *Báo cáo khoa học về Phố Hiến*.
19. *Hồ sơ di tích đền Tân La* của Bảo tàng tỉnh Hưng Yên.
20. *Hồ sơ di tích đền Tân La* của Ban Quản lý di tích tỉnh Hưng Yên.
21. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

22. Vũ Ngọc Khánh (2012), *Tục thờ Thánh - Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
23. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
24. Đinh Gia Khánh (1989), *Trên con đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Trịnh Như Tấu (1934), *Hung Yên địa chí*, Nhà in Ngô Từ Hạ Hà Nội.
26. Hoàng Mạnh Thắng (2012), *Lễ hội cổ truyền Hưng Yên và sự biến đổi hiện nay*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
27. Ngô Đức Thịnh (2012), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
28. Ngô Đức Thịnh (2001), *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, Viện văn hóa và Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
29. Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới; Hà Nội.
30. Ngô Đức Thịnh (2001), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Ngô Đức Thịnh, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
31. Viện văn hóa dân gian (1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
32. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý (đồng chủ biên 2005), *Lễ hội Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin.
33. PGS.TS Lê Trung Vũ - GS.TS Lê Hồng Lý – PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm (2014), *Lễ hội dân gian*, Nxb. Khoa học xã hội, giáo trình sau đại học.
34. Lê Trung Vũ (chủ biên), (1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Nguyễn Phúc Lai, Nguyễn Quang Ngọc (2001), *Hung Yên 170 năm*, Nxb. Sở Văn hóa Thông tin.
36. *Luật di sản văn hóa* (2001), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Thục Anh (2007), *Phong tục cổ truyền người Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

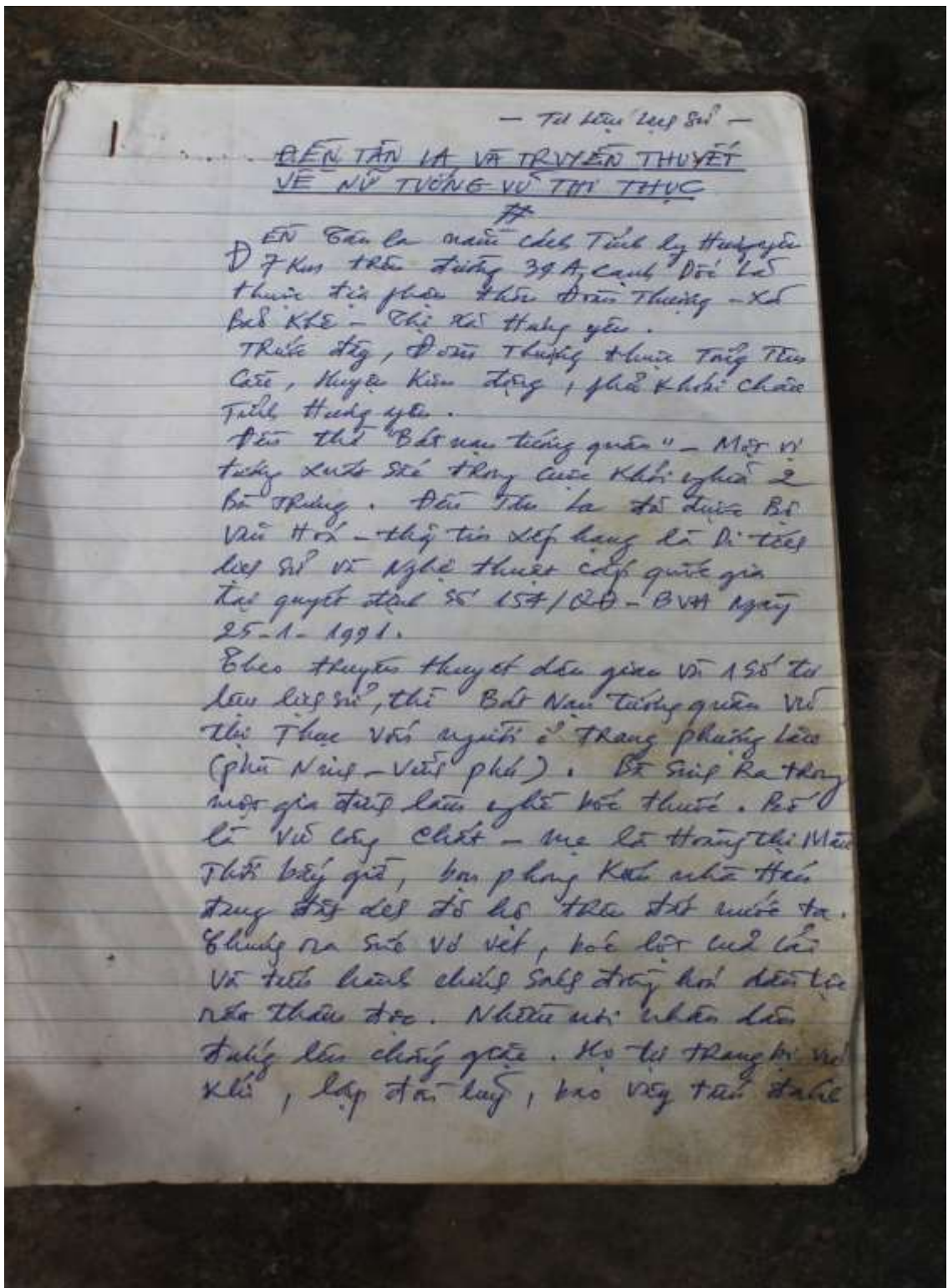
38. Phạm Như Tiên – Hoàng Văn Trị (1968), *Sơ lược lịch sử đất Hưng Yên*, Ty Văn hóa Hưng Yên.
39. Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
40. Lê Xuân Quang (1996), *Thờ thần Việt Nam*, tập 1-2, Nxb. Hải Phòng.
41. Hồ Đức Thọ (2002), *Nghi lễ thờ cúng truyền thống tại nhà và chùa, đình, đền, miếu, phủ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
42. Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế (2006), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Tổng hợp, tp Hồ Chí Minh.
43. Thu Linh – Đặng Văn Lung (1984), *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
44. Phạm Lan Oanh (2014), *Sự thờ phụng Thánh Mẫu Bát Nàn trong bối cảnh tín ngưỡng thờ Mẫu ở Bắc Bộ*, tạp chí Văn hóa học ấn bản số 2, tr.52.
45. Phạm Lan Oanh (2010), *Tín ngưỡng Hai Bà Trưng ở vùng châu thổ sông Hồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Phạm Lan Oanh (2011), *Di sản văn hóa làng nghề và các giải pháp phát triển du lịch Hưng Yên*, Sở VH TT&DL Hưng Yên.
47. Trương Thìn (2007), *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
48. Mai Thị Hạnh (2015), “*Đồng thầy: Từ năng lực đặc biệt đến quyền lực trong bản hội đạo Mẫu*”, tạp chí Văn hóa dân gian số 3(159), tr. 50-63.
49. Mai Thị Quyên (2014), *Luận văn thạc sỹ: Lễ hội đền Mẫu hiện nay tại thành phố Hưng Yên*, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
50. [Http://baohungyen.vn/dat-va-nguoi-xu-nhan/di-tich-le-hoi](http://baohungyen.vn/dat-va-nguoi-xu-nhan/di-tich-le-hoi) (2006), *Đền Tân La*; Báo Hưng Yên.
51. [Http://hatvan.vn/thap-nhi-chau-ba/chau-tam-bat-nan](http://hatvan.vn/thap-nhi-chau-ba/chau-tam-bat-nan); “*Chầu tám Bát Nàn*”

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI PHỎNG VẤN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ
1	P V L	1942	Thôn Tiền Thắng xã Bảo Khê
2	N K H	1959	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
3	N Đ T	1938	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
4	N V H	1970	Thôn Triều Tiên xã Bảo Khê
5	N H Q	1986	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
6	L T T	1986	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
7	P T N H	1986	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
8	N T M	1932	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
9	N T T	1954	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
10	N T T A	1986	Thôn Tiền Thắng xã Bảo Khê
11	Đ V P	1960	Thôn Vạn Tường xã Bảo Khê
12	C V M	1986	Thôn Triều Tiên xã Bảo Khê
13	N T N	1984	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
14	N T O	1983	Thôn Tiền Thắng xã Bảo Khê
15	L T M	1960	Thôn Cao xã Bảo Khê
16	L T H	1980	Thôn Tiền Thắng xã Bảo Khê
17	N V Q	1965	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
18	T V A	1965	Quản đền
19	N V H	1980	Thôn Đoàn Thượng xã Bảo Khê
20	Đ T L	1962	Thôn Triều Tiên xã Bảo Khê
21	T T B	1966	Huyện Kim Động
22	N T B	1939	Thôn Cao xã Bảo Khê
23	L V M	1946	Thôn Cao xã Bảo Khê
24	T T H	1929	Thôn Vạn Tường xã Bảo Khê
25	Đ T L	1970	Thôn Vạn Tường xã Bảo Khê
26	N V T	1993	Thôn Tiền Thắng xã Bảo Khê
27	N T L	1968	Trương Xá – Kim Động
28	Sư thầy trụ trì chùa Hoàng Bà		Thôn Cao – Bảo Khê

PHỤ LỤC 1

TƯ LIỆU VIẾT TAY VỀ ĐỀN TÂN LA CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN MẬT BAN PHÁT THANH ĐỀN TÂN LA TRƯỚC ĐÂY



cái dưng sô? cuối gĩa. Vũ Thị Thục
lên cô gáo với tiếng xít đập và vô
nghệ nhất vùng. Thục Nương đã đứng
hỏi với phạm Dạng Hường (con trai
Huỳnh Thạc Huyên Chu Diên).

Thị Thù Gĩa chi? dưng sô là Tô Đẩu.
Nghe tiếng tài Sô của Thạc Nương -
bất Vũ Công phải gáo Thục Nương cho
đầu lặn vô. Vũ Công Chết Cú Tuyết
Tô Đẩu đã tằm cái gĩa hai ông và
phạm Dạng Hường. Sau đó, cho quân
vô lạng lạng bắt Thục Nương. Đuối dưng
lạng che chỗ, Thục Nương đã chạy
thoát ra phía Sông Hồng lạng một vài
người theo. Họ vô vô lên thuyền vô
vô thế theo thuyền xuôi đi mãi.

Đi ngày sau, họ đứng thuyền ở một
vùng đất tả ngạn cuối Sông Hồng (nay
thuộc vùng Tả Lả, Xã Đoàn Hùng,
Huỳnh Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình).
Tại nơi này, Vũ Thị Thục đã tằm
được nhiều người cùng chí hướng gĩa gĩa
"Đi an nước - Trả thù nhà".

Mỗi ngày, vô Vũ chỉ hay dưng lạng
lạng đập vô nghệ, Vô Tô Chết Khai
dưng dưng thêm lạng mới.

Bấy tại đầu của nước, Thục Nương
khắc dưng lạng cái phước, di phước
lên "BÁT NẠN TƯỚNG QUÂN" (Người
đẹp nam nước dưng). Nhiều thủ lĩnh

Thống Vương Trai tãi, gởi gắm đất tãi
về Tiêu La Tự uyển.

Tháng 3 năm 40 / Hai Bà Trưng
có khởi nghĩa ở Mê Linh (đầu châu núi
Vua Bà - Bà Vi. Ngày nay). Nghe tin,
Báo mai tướng quân Kêb Cỗ đến quân
về ứng uyển. Hai Bà Trưng đã phay
Báo mai tướng quân Vũ thư Thục Lân
ĐỐC LINH TIÊN QUÂN, Trưng nhưn
TRÂN CỨ THẬP VỊY HẠNH GIÁC, bà lập
nhiệm chức công việc trực phay tãi
ĐÔNG NHUNG ĐẠI TƯỚNG QUÂN.

Từ Mê Linh, Giảo chủ - Cuội Khố
Nghĩa của 2 Bà Trưng đã tỏ rõ vào
Cuối châu, Nhật Nam Sang hợp pho.
Chức được 65 + thanh. Các thủ lĩnh
địa phương cũng tỏ rõ đến sự tôn Trưng
TRẮC LÂN VUA (TRƯNG VƯƠNG) đứng ở
ở Mê Linh.

Tháng 4 năm 42 - Vua Hán phay
Mở Viện Lân Phay Ba Tủy quân,
thống xuất quân Sĩ Sang Xâm lược đất
nước của Trưng Vương. Mở Viện đến
quân theo đường bộ và đường thủy
qua Long Biên, Tây Vu (Vùng Quốc Vĩ,
Tiêu Sơn, Hà Bắc), đến Lăng Bơ.

Trưng Vương đã cử các tướng gởi đi
châu giặc gồm Bà Thánh Thiên (Đức ở
Hà Bắc) chống giặc ở vùng Thanh Hóa
Vết Bão. Bà Lê Chân (Đức ở Khố phay)

lập Sứ, ngay Sứ chắt ít dẻ thừng biết
giữ. Bà Bơ chắt từng quơ dẻ
quơ chắt giữ ở cuối rừng, bẻ củi.
Hai Bà Thằng Thèn quơ từ Mễ lượm Xưng
Lạng Bơ nhấm chắt giữ tại xa để bảo
Vũ quơ đồ Mễ lượm. Nhảy vào quơ dẻ
mảnh, bị thua - Hai Bà Thằng chắt quơ
bẻ về Cầm Khê (mảnh dẻ bẻ lượm ngay
Sứ Hạng) dẻ chắt mủi Bơ ở ngay này.
Ở đây, Hai Bà dẻ chắt dẻ ở đây
vũ hũ Sứ. Dẻ Nhưng Đại tướng quơ
Vũ Thề Thèn dẻ quơ về ở Vũ Hạng
Sứ Hạng, lượm phởng tượng thề giữ.
Nghĩa quơ lượm chung hai con Sứ dẻ
là Sứ Hạng và Sứ Lược ngay này
lượm chắt hao từ nhấm, dẻ thề lượm.
Bà và quơ Sứ dẻ giữ chắt giữ giữ ở
Thần. Thần thề 7 dẻ dẻ ra tại khu
Vực Đền Tào la. Khi bà mủi quơ khỉ
dẻ dẻ này, có dẻ lại mủi lá cở
nghỉ biết. Ngay này, nhấm dẻ con gọi
là "ĐO LA' CỎ". Nghĩa quơ chắt dẻ

Sau nhấm thề ở rất dẻ Cầm & Sứ và thề giữ, không phở
giữ chắt giữ mủi Vũ và lượm giữ, bẻ mủi tướng quơ
dẻ giữ giữ - Do dẻ ~~lượm~~ tại quơ Kim quy ngày 18 tháng
lượm giữ giữ 3 năm 43. Nay dẻ Kim Quy Thề Khế
đẻ, khỉ giữ mủi Vũ Đền Tào la, dẻ Đền Hạng, Hạng
Vũ và lượm chắt - Hạng Hạng, Tẻ Thề Bẻ.
Đẻ quơ Vũ Khỉ dẻ Lượm này, dẻ tướng mủi từ Vũ mủi tướng
ở hũ dẻ thề, tại ba - Tại giữ

lưu lại. Bức thư Tịch gia và thành như
một bức thư Bả cũng gửi tới đồng chí
hàng, như đến đến hàng các công nhân
từng năm. Đây là là một thư
như công nhân thư Bả.

Thư qua thời gian dài, với lòng yêu mến
của nhân dân, yêu đến đến với tiếng là
"TÔI LINH TỬ".

Thư đến pháp như như như ta, pháp
thư Cao Vương chỉ pháp pháp như như.
Các khối của của của của của
như như như như như như.

Tại Bắc Kinh, hai thư Quốc Thư và
Đô Quang và Khu và. Đây là là như
tập như như, tập như như tại như
Đến và đến tập như như như, gây
cho & như như pháp như như hai.

Cao thư các như thư 8 năm 1945 -
Đến thư và và như như các như, đến
tập như tại đến, như giữa giữa như
thư của như và giữa giữa như.

Năm 1947, Thư như pháp thi như
như như như như, Đây là là như
các như như như bi' một của các bi'
một thư như như, để như như là
quan các như.

Năm 1952 - 1953, Bả thư và Du như tập
thư & đến & như như như qua như
thư như 39 và như như Dục như.

Bên cạnh công trình là "Hố Lỗ Cỏ"
liền với thuyền thuyền "Bến Nam Tạng"
Thuyền của Đền chính là Hồ Bắc Nguyễn
Lung lộng lộng ở Sỏi bãi Ngồi Đền.
Đền có kiến trúc hình chữ "CỔ B"
gồm 3 gian Tiền, 1 gian Trung và Hậu
Lung. Các tòa nhà đều xây dựng theo
kiểu kiến trúc Bắc Đốc. Trên nền đền, đặt
hình "Lưỡng long chầu nguyệt". phía trên
lầu trên tầng gỗ theo kiểu con chông đầu
sừng. phía trước sân đền chính có 1 giếng
nhỏ. Tầng thượng tầng là giếng Bà Vũ thờ
Thần thủy chủ để thờ thần Sỏi giếng, khi
thời trước có 1 dãy - nên được gọi là Giếng
Gubay. Trên tường giếng đặt hình thuyền
Bắc Đốc và đôi câu đối "Lòng cầu nước
thuyền giữ hồn, Cầu sông thuyền giữ hồn"
quán thờ dân cư. phía trên gác lầu,
chính tòa Tiền Tế là bài đại tự "Bát đại
tôn tuế quốc". Bên trên Tiền Tế, ở
gian gác là bài thơ "Tôn Tồn thánh Mãn"
Thần phật, Nhạc phật, Thủy phật. Trên là
bài đại tự "Quốc Mãn hưng từ". Bên
hậu là bài thơ "Cải bát Tôn la", bên trái
là bài thơ "Khai Quốc Sơn Môn", tầng trên
tên sáng. Tầng sau là tòa Trung và ở
gian thờ bài thơ "Mãn Thủy Thần", trên có
bài đại tự "phật thủy quốc"
Thượng cùng là gian Hậu Lung đặt tượng "Mãn Thủy"
Bên phải Tiền Tế là gian thờ "Cổ B"
Bên phải Tiền Tế là gian thờ "Cổ B"
Bên phải gian Hậu Lung ở phía ngoài tầng trên
thờ "Thủy Thần". Đền Công Đồng ở phía
phía Tây, địa điểm xây dựng theo hướng Đông

thuyền thủy. Có đến gần 3 hũ hũ
bên Vỡ. Trên thuyền 4 lốt thuyền đáp hũ
gần nước. phía thuyền tằm hũ công
← Đều, đáp 4 chữ Hán "TÂN LA HỮU TỬ"
→ Tại đây, người dân đến ghé và khoét
tháp ghé để vào đến hũ khí, thấy
nhiều tin tủy, tằm kềm - lốt ghé, cẩu
lốt, cẩu tằm, sứt kềm, mìn mìn
tốt tằm cho mìn và cho cẩu tằm mìn.
Hàng nước, Vỡ Tể Lể, mìn Hũ tại Đều
trên đến ra từ đến thấy ghé đến
hết thấy ba đến lốt. Thấy nhũ
ngay này, Đều thấy thảy hũ này
nó: Đều mìn, cẩu Thảy tằm thảy
Khỹ ghé thảy thảy lốt, mìn mìn
thảy ghé lốt ghé. Từ khắp mìn
mìn, Khỹ thảy thảy hũ hũ và
Đều Tằm la Thảy Hũ, thảy tằm hũ lốt.
Tằm lốt mìn người đến hũ và cẩu hũ,
mìn cẩu ghé Đều mìn và ghé mìn cẩu
Tể Tể. Lốt Hũ Đều Tằm la, nhũ ngay
đang nhũ, thảy thảy nhũ và cẩu Vỡ
nhũ là từ ngay 15 đến 17 thảy 3 đến
lốt. Đây là hũ Hũ chũm tại Di Tể.
Vỡ cẩu ghé thảy Rũc thảy, Rũc Kềm
(Kềm Bớt lốt, Kềm Vỡ) Vỡ cẩu Đều
Tể Nam, Tể mìn, Đều Bớt Bớt, mìn hũ
lốt sứt tằm, thảy chũm, cẩu ghé hũ hũ
thảy sứt mìn hũ. Tại lốt Hũ Tằm la
cẩu tằm chũm nhũ thảy chũm đến ghé nhũ

↑
Tằm la.

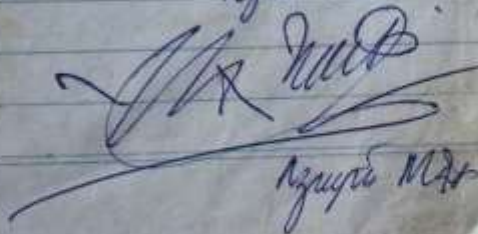
hợp đến mang đến với truyền thống dân
tộc như: Chọi gà, đánh cờ, đá quay
và nhiều trò chơi dân gian khác. Các
hội thi thể thao cũng là một trong những
trò chơi thể thao được ưa chuộng của
địa phương. Một quan họ, một chèo và một
bài hát ca ngợi quê hương đất nước.

Lễ Hội Đền Tản Lâu từ lâu nay
mang đến cho thành cấp sống vui hơn, đời
sống tốt đẹp hơn. Không thể thiếu được trong
đời sống văn hóa của người dân địa phương
và khách thập phương. Hàng năm, nhiều kỳ
Lễ Hội, Đền Tản Lâu đã thu hút hàng
hàng triệu người từ khắp các hướng
về Đền tham dự Lễ Hội.

Lễ Hội Đền Tản Lâu là một dịp vui
vào ngày dân gian với những trò chơi
giải trí, thi đấu thể thao, giao lưu
hội văn hóa - nghệ thuật, thi hát
về cơ người, đưa nhau gia đình
sống tốt đẹp hơn.

Đây là một Lễ Hội truyền thống
của vùng, được duy trì, phát triển và
phát triển với tâm CỐ HỘI VĂN

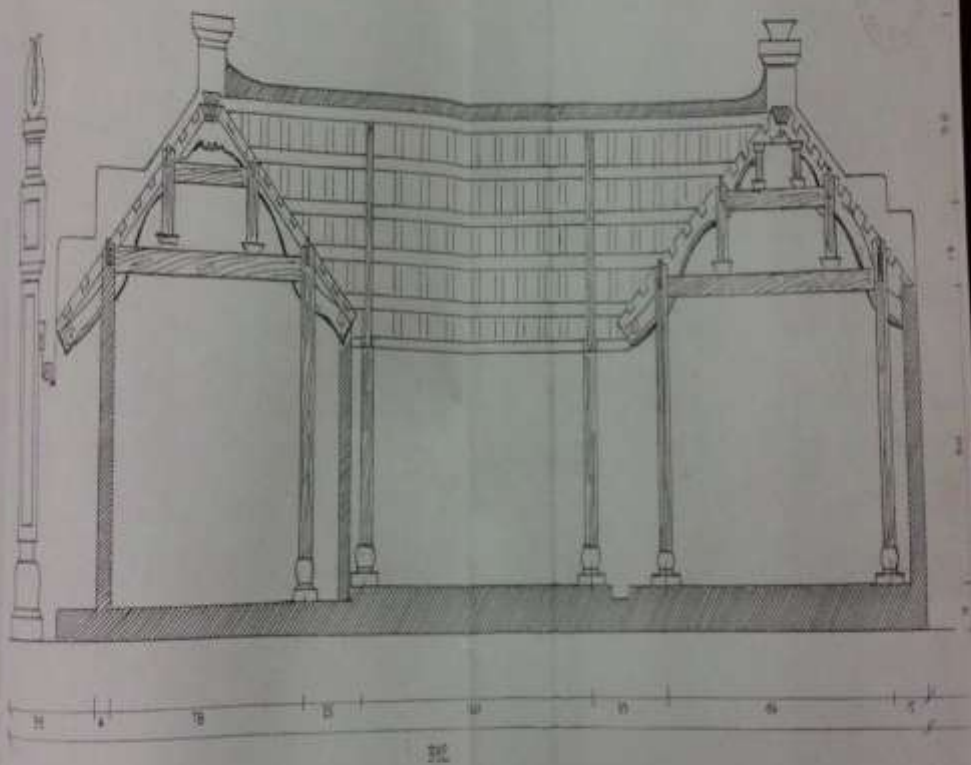
Ngày 10/3 Giáp Thìn
Người biên soạn

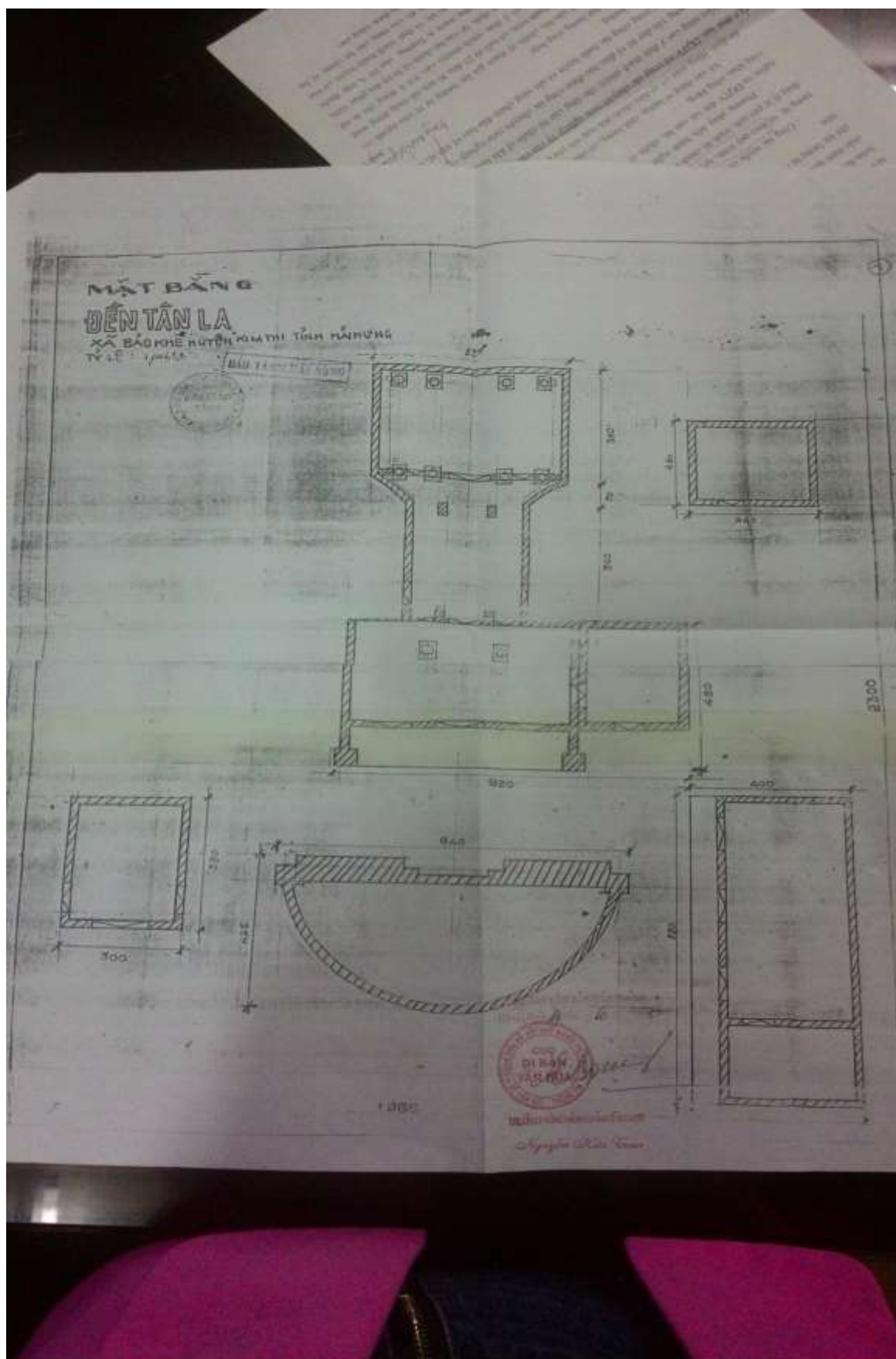

Nguyễn Mạnh





MẶT CẮT AA ĐỀN TÂN LA
XÃ BẢO KHÊ - HUYỆN KIM THÌ, TỈNH HÀ HƯNG, TỶ LỆ 1/200





BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN
THI THAO và DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do hạnh phúc

SỐ : 154 - QĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 1994

BỘ THƯỜNG
BỘ VĂN HÓA-THÔNG TIN-THI THAO và DU LỊCH

- Căn cứ điều 46 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12-12-1960;

- Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh số 14-LCT/HBTN công bố ngày 4-4-1984 của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ điều 72 Luật đất đai của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 6-1-1993 và việc quy định chế độ quản lý và sử dụng đất đai của di tích;

- Qua xét duyệt hồ sơ di tích và văn bản đề nghị của ông Chủ tịch UBND **TỈNH HẢI HUNG** và đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Bảo tàng;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1 - Nay công nhận :

DI TÍCH LỊCH SỬ và NGHỆ THUẬT

ĐỀN TÂN LA

XÃ BẢO KHÉ, HUYỆN KIM THỊ, TỈNH HẢI HUNG

Điều 2 - Nhiệm vụ của mọi hoạt động xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ của di tích đó không được trái với pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh được công bố được phép của Bộ trưởng Bộ Văn hóa-Thông tin-Thể thao và Du lịch.

Điều 3 - Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quyền quản lý nhà nước đối với di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh theo pháp luật quy định.

Điều 4 - Các cơ quan Chính Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Bảo tàng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân **TỈNH HẢI HUNG** và Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin **TỈNH HẢI HUNG** có trách nhiệm thi hành quyết định này. **TƯ**

Hội nghị

- Ban điều hành

KY SỞ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA-THÔNG TIN
THI THAO và DU LỊCH
THƯỜNG

Nông Quốc Chấn

Phải Sơn

LỘ TRÌNH RƯỚC KIỀU

* Ngày 03/5/2015 (ngày 15/3 âm lịch)

1. Điểm xuất phát: Đến Tân La thôn Đoàn Thượng
2. Điểm đến 1: Đình Đoàn Thượng lộ trình đình Đoàn Thượng ra đường sông
Đống Lỗ đường 61 cũ quốc lộ 39A xuôi Dốc Lã. Quốc lộ 39A
đường trên đến Dốc Suối về chùa Cao Thôn
3. Điểm đến 2: Chùa Cao Thôn rước chân nhang tiếp tục ra đường 39A đường
dưới về đình Cao Thôn
4. Điểm đến 3: Phát du làm lễ đình Cao Thôn song trở lại quốc lộ 39A đường
dưới về đình Tiến Thắng
5. Điểm đến 4: Phát du làm lễ đình Tiến Thắng song trở lại Quốc lộ 39A về bưu
điện Cầu điểm về đường sông Đống Lỗ về đến Tân La
6. Điểm đến 5: Về đến Tân La đưa kiệu vào vị trí quy định rước chân nhang lên
thờ

* Kết thúc xong lộ trình ngày thứ nhất.

* Ngày 5/5/2015 (ngày 17/3 âm lịch)

(lộ trình như ngày 03/5/2015)

Chỉ khác lộ trình ngày 1 là đến chùa Cao Thôn làm lễ trả chân nhang.

* Những quy định trên lộ trình rước kiệu.

1. Đi đúng chiều theo luật giao thông đường bộ không rước kiệu ngược đường làm cản
trở giao thông.
2. Đội hình đi theo hàng 2 theo hành lang quy định cho người đi bộ.
3. Lên kiệu, xuống kiệu và đội hình đi nhất nhất phải chấp hành hiệu lệnh của người
chỉ huy.
4. Tuyệt đối đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trong quá trình rước kiệu.

TM. BAN TỔ CHỨC LỄ HỘI



CHỦ TỊCH
NGUYỄN NGỌC HOAN

**DỰ KIẾN LỰC LƯỢNG
THAM GIA RƯỚC KIỆU LỄ HỘI 2015**

STT	Nhân sự công việc	Dự kiến số người	Ghi chú
1	Đội lễ	6	
2	Cờ vĩa	1	
3	Long cầm chấp kích	20	
4	Cờ thần	20	
5	Kiệu bát công cả LL thay đổi	20	
6	Kiệu võng	20	
7	Kỳ lân nhạc cụ	16	
8	Tể nam	15	
9	Tể nữ	15	
10	Đội kiểm	10	
11	Thanh đồng	20	
12	Nam quan	20	
13	Nữ quan	20	
14	Các giả, các đoàn thể	30	
15	Hội tổng kiệu + chỉ huy	2	
16	Hội phụ nữ	25	Tham gia cầm cờ thần
17	Đoàn thanh niên	25	Tham gia cầm chấp kích + khênh kiệu
	Cộng	285	

1. Lộ trình rước đã có kế hoạch.
2. Thứ tự đội hình như trên từ (1-14)

CHƯƠNG TRÌNH

Buổi lễ dâng hương khai mạc lễ hội Đền Tân La - xã Bảo Khê
Ngày 03/5/2015 (tức ngày 15/3 âm lịch)

Thời gian	Nội dung	Địa điểm	Người thực hiện
7 giờ	- viếng nghĩa trang liệt sỹ	Hội trường UBND xã	Đ/c tuất+ đ/c Phiêu
7h30' - 8h30'	- Văn nghệ chào mừng - Đón khách	Sân đền công đồng	+ Lãnh đạo xã - đ/c Hải - đ/c Hoàn, đ/c Quý
8h30'	- ổn định tổ chức - Giới thiệu đại biểu	- Sân đền Công đồng	đ/c Phiêu
8h30'-9h	Khai mạc lễ hội	Sân đền Công đồng	đ/c Hoàn CT UBND xã
9h-10h	Dâng hương thăm quan	Dì tích đền Tân La	BQLDT
10h -10h30'	Rút kinh nghiệm lễ dâng hương	Nhà văn hoá thôn Đoàn Thượng	Đ/c Hoàn CT UBND xã và đ/c Phiêu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẢO KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../CT-UBND

Bảo Khê, ngày 2... tháng 4... năm 2015

CHƯƠNG TRÌNH

**Tổ chức lễ hội Đèn Tán La xã Bảo Khê - Thành Phố Hưng Yên
Năm 2015**

STT	Thời gian	Nội dung	Người điều hành
	Ngày 03/5/2015 (Tức ngày 15/3 Âm lịch)		
1	7 giờ	Viếng nghĩa trang liệt sỹ	Đ/c Đỗ Văn Phiêu+ đ/c Nguyễn Thị Tuất
2	7h30 - 8h 30phút	- Văn nghệ hát chào mừng - Đón khách	Đ/c Đỗ Văn Phiêu BTC + lãnh đạo xã
3	8h30'	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu	Đ/c Đỗ Văn Phiêu
4	9 giờ	Đọc tiểu sử nữ tướng Vũ Thị Thục Nương và dâng hương khai mạc	đ/c Nguyễn Ngọc Hoan
5	9h - 12 h	Rước kiệu đến Chùa Cao Thôn, Đình Cao Thôn , Đình Tiến Thắng	Ông Phạm Văn Ly đ/c Trọng
6	13h 30 - 17 h	Các trò chơi dân gian Chương trình văn nghệ	đ/c Hải – Trưởng thôn
7	19h - 23 h	Giao lưu văn hoá văn nghệ thanh niên + Phụ nữ	- Đ/c Minh , đ/c Nhung đ/c Hải – trưởng thôn
Ngày 4 / 5/2015 (Tức ngày 16/3 âm lịch)			
1	7 h - 11h	Đón nhân dân đến lễ và tổ chức các trò chơi dân gian	Ông Phạm Văn Ly
2	13h 30 - 17 h	Mua sanh tiến , cờ kiểem , trò chơi dân gian	đ/c Hải – trưởng thôn + ông Ly
3	19h 30 - 23 h	Văn nghệ quần chúng	đ/c Hải- trưởng thôn + Đ/c Minh , đ/c

			Nhung
	<i>Ngày 5/5/2015(Tức ngày 17 / 3 âm lịch)</i>		
1	7 h 30 - 12h	Rước trà chân hương chùa Cao Thôn Phát du Đình Cao thôn, đình Tiên Thăng	Đ/c Phạm Văn Ly đ/c Trọng
2	16h - 17 h	Tổ chức lễ tạ khóa bế mạc lễ hội	BTC lễ Hội
3	19h30'-23h	Chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ quần chúng	Đ/c Hải - Trưởng thôn

TM. BAN TỔ CHỨC LỄ HỘI
TRƯỞNG BAN


Nguyễn Ngọc Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẢO KHÊ**

Số: 40/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bảo Khê, ngày 29 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH

Tổ chức lễ hội và công tác chuẩn bị cho lễ hội Đền Tân La

Ngày 01/4 họp Ban quản lý di tích phân công chuẩn bị sửa chữa kiệu

Ngày 5/4 tập chung đội hình rước kiệu (chuẩn bị lực lượng lên danh sách)

1. Tổ chức các buổi họp chuẩn bị lễ hội

** 15 giờ ngày 9 tháng 4 năm 2015 (ngày 21 /2 âm lịch- thứ 5)*

- Báo cáo chương trình lễ hội và công tác chuẩn bị với thường vụ Đảng uỷ -
Lãnh đạo UBND xã.

** 15 giờ ngày 11/4/2015 (ngày 23/2 âm lịch - thứ 7)*

- Họp các ban ngành đoàn thể trong thôn làm công tác chuẩn bị lễ hội và
phân công cụ thể các ban ngành ở thôn.(Chuẩn bị lực lượng rước kiệu)

** 15 giờ ngày 16/4/2015(ngày 28/2 âm lịch thứ 5)*

- Họp ban tổ chức lễ hội thành phần như trong quyết định

** 14 giờ ngày 24/4/2010 (6/3/2010 Âm lịch) thứ 6*

Họp lần thứ 2 BTC lễ hội , Mời phòng VH TT thành phố , công an thành phố
Báo cáo tổng thể lễ dâng hương tổ chức đội hình rước kiệu và các trò chơi
dân gian.

2. Riêng các công việc cụ thể của BQL di tích (đã được giao cho từng đóng chỉ)

3. Khách mời dự lễ dâng hương

** Tỉnh*

- Ủy ban MTTQ tỉnh

- Sở văn hoá

- BQL di tích tỉnh

** Thành phố*

- Ban Thường vụ Thành uỷ + HĐND thành phố

- Lãnh đạo UBND thành phố - MTTQ , một số ngành liên quan ; Công an ,
quân sự , văn hoá

** Lãnh đạo các đơn vị đóng trên địa bàn và các di tích bạn*

* Xã:

- BTV - BCH Đảng bộ
- Các đ/c nguyên là Bí thư Đảng ủy, nguyên là Chủ tịch UBND xã, nguyên là Trưởng BQL di tích qua các thời kỳ
- Trưởng + phó các ban ngành đoàn thể tổ chức chính trị xã hội trong xã
- Bí thư chi bộ, trưởng thôn, phó thôn
- Hiệu trưởng 3 nhà trường, các đơn vị quanh xã
- Các chi hiệp hội ở cơ sở thôn Đoàn Thượng
- Các di tích xếp hạng và chưa xếp hạng trong xã.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN NGỌC HOAN

PHỤ LỤC 2



Ban thờ năm Quan lớn (gian Tiền tế)



Ban thờ Tam tòa Thánh mẫu (Trung từ)



Ban thờ Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục trong cung Cẩm



Rước kiệu Mẫu



Đoàn rước



Trò chơi Bịt mắt đập niêu



**Lễ kỷ niệm 1 năm thành lập CLB bảo tồn Đạo Mẫu Hưng Yên
tại đền Tân La**



Nghị môn đền Tân La



Buổi Hào đồng trong Đại tiệc tất niên (giá châu Bát Nàn)



Ru võng Mẫu



Múa lân trong lễ hội



Đội Long cầm chấp kích



Kiệu bát công